

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

NGUYỄN HUYỀN CHI

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO
HƯỚNG NGHIỆP CHO TRẺ TỰ KỶ TRONG
ĐỘ TUỔI VỊ THÀNH NIÊN Ở THÀNH PHỐ HÀ NỘI

LUẬN VĂN THẠC SĨ CÔNG TÁC XÃ HỘI

Hà Nội – 2026

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

NGUYỄN HUYỀN CHI

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO
HƯỚNG NGHIỆP CHO TRẺ TỰ KỶ TRONG
ĐỘ TUỔI VỊ THÀNH NIÊN Ở THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Chuyên ngành: Công tác xã hội
Mã số: 8760101

LUẬN VĂN THẠC SĨ CÔNG TÁC XÃ HỘI

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: PGS.TS MAI LINH

Hà Nội – 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của tôi. Các kết quả và số liệu nêu trong khoá luận là trung thực. Đề tài sử dụng số liệu của đề tài nghiên cứu khoa học “Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả chính sách đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ ở Thành phố Hà Nội” do PGS.TS Nguyễn Thị Kim Hoa chủ nhiệm đề tài năm 2024 đề tài thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam chủ trì.

Các thông tin, tài liệu trích dẫn trong luận văn đều đã được chỉ rõ nguồn gốc và trình bày đúng theo quy định.

Nếu có bất kỳ sự gian dối hay vi phạm nào về tính trung thực của các số liệu và nội dung trong luận văn này, tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước Nhà trường và pháp luật.

XÁC NHẬN CỦA CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI

Người cam đoan

PGS.TS Nguyễn Thị Kim Hoa

Nguyễn Huyền Chi

LỜI CẢM ƠN

Lời đầu tiên, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành sâu sắc nhất tới PGS.TS Mai Linh – người đã tận tình giúp đỡ, chỉ bảo, động viên tôi trong suốt quá trình thực hiện nghiên cứu.

Tôi cũng xin chân thành cảm ơn Lãnh đạo Khoa Xã hội học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn đã tạo điều kiện thuận lợi, trang bị về kiến thức và kỹ năng để tôi có thể hoàn thành quá trình nghiên cứu.

Tôi xin cảm ơn ban lãnh đạo, thầy cô giảng dạy, cha mẹ các em và các trẻ tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên tại Trung tâm nghiên cứu bồi dưỡng kỹ năng sống, hướng nghiệp hạt giống (S.E.E.D Center), trung tâm hỗ trợ giáo dục hòa nhập Yên Nghĩa Fruit House và trung tâm Ứng dụng tâm lý Ngọc Ân đã hết lòng giúp đỡ, tạo điều kiện để học viên có cơ hội tìm hiểu về hoạt động đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên.

Dù đã rất nỗ lực và cố gắng trong quá trình làm nghiên cứu, do kiến thức và kỹ năng còn hạn chế nên tôi có thể không tránh khỏi việc gặp nhiều thiếu sót. Vì vậy, tôi rất mong nhận được sự góp ý từ thầy cô để nghiên cứu của tôi được hoàn thiện hơn.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	4
DANH MỤC BẢNG SỐ LIỆU	5
DANH MỤC BIỂU ĐỒ	5
1. Lý do chọn đề tài	6
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu.....	7
2.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu về rối loạn phổ tự kỷ.....	7
2.2. Tổng quan các công trình nghiên cứu về thực trạng đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên.....	11
2.3. Tổng quan các công trình nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên	14
3. Mục tiêu nghiên cứu	17
3.1. Mục tiêu chung	17
3.2. Mục tiêu cụ thể	17
4. Câu hỏi nghiên cứu.....	17
5. Giả thuyết nghiên cứu.....	17
6. Đối tượng, khách thể và phạm vi nghiên cứu.....	17
6.1. Đối tượng:.....	17
6.2. Khách thể nghiên cứu	17
6.3. Phạm vi nghiên cứu:	18
7. Phương pháp nghiên cứu	18
7.1. Phương pháp phân tích tài liệu	18
7.2. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi.....	18
7.3. Phương pháp phỏng vấn sâu.....	18
8. Ý nghĩa khoa học, ý nghĩa thực tiễn.....	19
8.1. Ý nghĩa khoa học	19
8.2. Ý nghĩa thực tiễn	19
9. Kết cấu đề tài	19
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI	20
1.1. Cơ sở lý luận của đề tài	20
1.1.1. Các khái niệm công cụ	20

1.1.1.1. Trẻ vị thành niên.....	20
1.1.1.2. Trẻ tự kỷ	21
1.1.2. Đặc điểm tâm sinh lý của trẻ tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên	23
1.1.3. Hoạt động đào tạo hướng nghiệp	25
1.1.3.1. Đào tạo hướng nghiệp	25
1.1.3.2. Hoạt động hướng nghiệp	26
1.1.3.3. Hoạt động đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên	27
1.1.3.4. Yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên	29
1.1.4 Các lý thuyết áp dụng.....	31
1.1.4.1 Lý thuyết nhu cầu Maslow	31
1.1.4.2 Lý thuyết hệ thống.....	33
1.2. Cơ sở thực tiễn của đề tài nghiên cứu	36
1.2.1. Hệ thống chính sách, pháp luật về trẻ tự kỷ ở Việt Nam	36
1.2.2. Hệ thống chính sách, pháp luật về đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên ở Việt Nam	37
1.3. Tổng quan địa bàn nghiên cứu	39
1.3.1. Trung tâm nghiên cứu bồi dưỡng kỹ năng sống, hướng nghiệp hạt giống (S.E.E.D Center)	39
1.3.2. Trung tâm Hỗ trợ Giáo dục hòa nhập Yên Nghĩa Fruit House - Hà Đông	41
1.3.3. Trung tâm Ứng dụng nghiên cứu tâm lý Ngọc Ân.....	42
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG ĐÀO TẠO HƯỚNG NGHIỆP CHO TRẺ TỰ KỶ TRONG ĐỘ TUỔI VỊ THÀNH NIÊN.....	44
2.1. Nhận thức và nhu cầu về đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên	44
2.1.1. Thực trạng và mức độ tự kỷ trẻ vị thành niên	44
2.1.1.1. Đặc điểm trẻ tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên được hướng nghiệp	44
2.1.1.2. Mức độ thực hiện các kỹ năng sống và kỹ năng nghề.....	46
2.1.2. Nhận thức của phụ huynh về đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên	50
2.1.3. Nhu cầu đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên.....	53
2.1.3.1. Nhu cầu tiếp cận thông tin về đào tạo hướng nghiệp	53

2.1.3.2. Nhu cầu về mô hình đào tạo hướng nghiệp.....	56
2.1.3.3. Nhu cầu về chính sách hỗ trợ hướng nghiệp	59
2.1.3.4. Nhu cầu tổ chức hoạt động hướng nghiệp.....	62
2.2. Thực trạng đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên từ phía gia đình tại thành phố Hà Nội.....	67
2.2.1. Thực trạng việc lựa chọn ngành nghề hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên	67
2.2.2. Mức độ thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ, hướng dẫn chăm sóc trẻ tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên tại nhà.....	69
2.3.1. Thực trạng từ phía trung tâm.....	73
2.3.1.1. Thực trạng ngành nghề hướng nghiệp.....	73
2.3.1.2. Về học phí tại trung tâm	77
2.3.1.3. Về trang bị kiến thức, kỹ năng cho trẻ	79
2.3.1.4. Về nhiệm vụ trang bị kiến thức	83
2.3.1.5. Thực trạng về mức độ đáp ứng hoạt động hướng nghiệp của các trung tâm ...	85
2.3.2. Thực trạng từ phía xã hội	90
CHƯƠNG 3: NHỮNG YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐÀO TẠO HƯỚNG NGHIỆP CHO TRẺ TỰ KỶ TRONG ĐỘ TUỔI VỊ THÀNH NIÊN	95
3.1. Yếu tố từ bản thân trẻ tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên	95
3.2. Yếu tố từ gia đình trẻ tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên.....	99
3.3 Ảnh hưởng của trung tâm hướng nghiệp đến đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên.....	103
3.3.1. Yếu tố giáo viên giảng dạy tại trung tâm	103
3.3.2. Yếu tố thuộc về cán bộ quản lý trung tâm.....	106
3.4. Yếu tố về phía chính sách đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên	108
KẾT LUẬN	115
KHUYẾN NGHỊ.....	117
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	118

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

1. BLĐTBXH : Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
2. CP : Chính phủ
3. CT : Chỉ thị
4. HĐND : Hội đồng nhân dân
5. RLPTK : Rối loạn phổ tự kỷ
6. GV : Giáo viên
7. TTKTĐTVTN : Trẻ tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên
8. ĐTB : Điểm trung bình
9. BHYT : Bảo hiểm y tế

DANH MỤC BẢNG SỐ LIỆU

Bảng 1: Nhân khẩu học của mẫu nghiên cứu.....	18
Bảng 2: Mức độ tự kỉ.....	45
Bảng 3: Mức độ thực hiện các kỹ năng sống và kỹ năng nghề.....	46
Bảng 4: Mục đích muốn đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỉ trong độ tuổi vị thành niên	50
Bảng 5: Nhiệm vụ hướng nghiệp cho trẻ tự kỉ trong độ tuổi vị thành niên	52
Bảng 6: Nhu cầu tiếp cận thông tin về đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỉ trong độ tuổi vị thành niên	53
Bảng 7: Nhu cầu lựa chọn mô hình đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỉ trong độ tuổi vị thành niên	56
Bảng 8: Mức độ hiệu quả từ các mô hình dạy nghề cho trẻ tự kỉ trong độ tuổi vị thành niên	57
Bảng 9: Nhu cầu về chính sách hỗ trợ hướng nghiệp cho trẻ tự kỉ trong độ tuổi vị thành niên.	59
Bảng 10: Nhu cầu tổ chức hoạt động hướng nghiệp cho trẻ tự kỉ trong độ tuổi vị thành niên..	62
Bảng 11: Mức độ tham gia của các lực lượng tham gia vào công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách cho trẻ tự kỉ trong độ tuổi vị thành niên	65
Bảng 12: Lí do lựa chọn ngành nghề cho trẻ tự kỉ trong độ tuổi vị thành niên.....	67
Bảng 13: Các ngành nghề trẻ tự kỉ trong độ tuổi vị thành niên được hướng nghiệp ...	73
Bảng 14: Mức độ học phí	77
Bảng 15: Mức độ trang bị kiến thức, kỹ năng cho trẻ tự kỉ trong độ tuổi vị thành niên .	82
Bảng 16: Nhiệm vụ trang bị kiến thức, kỹ năng cho trẻ tự kỉ trong độ tuổi vị thành niên ...	83
Bảng 17: Mức độ đáp ứng hoạt động hướng nghiệp của các trung tâm	85
Bảng 18: Mức độ đáp ứng nhu cầu hướng nghiệp tại trung tâm.....	88
Bảng 19: Yếu tố thuộc về bản thân trẻ tự kỉ trong độ tuổi vị thành niên	95
Bảng 20: Mức độ ảnh hưởng của gia đình trong hướng nghiệp cho trẻ tự kỉ trong độ tuổi vị thành niên	99
Bảng 21: Yếu tố thuộc về giáo viên	104
Bảng 22: Yếu tố thuộc về cán bộ quản lý trung tâm	106

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1: Mức độ hỗ trợ tại nhà của phụ huynh có con trẻ tự kỉ trong độ tuổi vị thành niên	69
Biểu đồ 2: Mức độ tiếp cận chính sách, nguồn lực xã hội	71

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Theo nghiên cứu vào tháng 3 năm 2022 của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), ước tính trên thế giới cứ 100 trẻ em thì có 1 trẻ mắc rối loạn phổ tự kỷ và trong số 100 trẻ được chẩn đoán rối loạn phổ tự kỷ thì khoảng 31% trẻ bị khuyết tật trí tuệ.

“Báo cáo cuối năm 2024, Khoa Tâm thần, Bệnh viện Nhi Trung ương tiếp đón trên 45 nghìn lượt trẻ đến khám sức khỏe tâm thần nói chung, trong đó xấp xỉ 20% khám vì dấu hiệu nghi ngờ tự kỷ. Như vậy, mỗi năm có xấp xỉ 10 nghìn lượt trẻ khám tự kỷ”[19]. Vậy nên, không chỉ xây dựng hệ thống dịch vụ hỗ trợ toàn diện khi can thiệp sớm mà còn phải đáp ứng nhu cầu giáo dục, định hướng nghề nghiệp và hỗ trợ chuyển tiếp sang cuộc sống trưởng thành cho trẻ tự kỷ.

Trong chu trình phát triển của con người, lứa tuổi vị thành niên đóng vai trò then chốt trong việc định hình nhận thức nghề nghiệp và chuẩn bị cho quá trình chuyển tiếp từ môi trường học tập sang môi trường lao động. Đối với trẻ tự kỷ, quá trình này thường gặp nhiều khó khăn do hạn chế trong giao tiếp, tương tác xã hội, khả năng thích nghi và khả năng tự lập. Nếu không được đào tạo, hướng nghiệp thì các em rất khó để tiếp cận việc làm, tăng khả năng phụ thuộc vào gia đình và giảm khả năng hòa nhập cộng đồng. Hệ quả là gánh nặng kinh tế - tâm lý đối với gia đình ngày càng lớn, đồng thời tạo ra sự lãng phí nguồn nhân lực và gia tăng chi phí an sinh xã hội.

Căn cứ Luật Người khuyết tật 2010, “Nhà nước bảo đảm để người khuyết tật được tư vấn học nghề miễn phí, lựa chọn và học nghề theo khả năng, năng lực bình đẳng như những người khác.” Như vậy, trẻ tự kỷ được tư vấn học nghề, tạo việc làm và hỗ trợ tiếp cận các dịch vụ giáo dục nghề nghiệp phù hợp. Tuy nhiên, giữa quy định pháp lý và thực tiễn triển khai vẫn tồn tại những khoảng trống lớn. Hoạt động đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ hiện nay đang đối mặt với nhiều rào cản: chưa có khung chương trình đào tạo chuẩn hóa theo quy định; hệ thống cơ sở đào tạo nghề chủ yếu phục vụ chung cho các dạng khuyết tật mà thiếu đi các mô hình chuyên biệt dành riêng cho trẻ tự kỷ. Bên cạnh đó, số lượng các trung tâm triển khai mô hình đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ còn rất hạn chế, do phần lớn các cơ sở hiện nay vẫn tập trung nguồn lực vào mảng can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập.

Trong những năm gần đây, hoạt động đào tạo hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN đã bước đầu thu hút sự quan tâm của các nhà khoa học và giới chuyên môn. Tuy nhiên, số

lượng các công trình công bố về lĩnh vực này vẫn còn rất khiêm tốn; các nội dung nghiên cứu cùng kết quả đạt được chưa thực sự phong phú và chưa đáp ứng kịp thời yêu cầu của thực tiễn. Do đó, vẫn còn thiếu những bằng chứng khoa học phản ánh đầy đủ thực trạng hoạt động đào tạo hướng nghiệp, mức độ đáp ứng nhu cầu của trẻ, các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động đào tạo hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN.

Từ những lý do trên, tác giả thực hiện đề tài nghiên cứu "**Thực trạng hoạt động đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên ở thành phố Hà Nội**" với mong muốn góp phần làm rõ nhu cầu, thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động đào tạo hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN. Trên cơ sở đó, đề tài đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động đào tạo hướng nghiệp, đáp ứng nhu cầu phát triển và hòa nhập cộng đồng của trẻ tự kỷ trong giai đoạn hiện nay.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

2.1. Tổng quan các công trình nghiên cứu về rối loạn phổ tự kỷ

Những nghiên cứu về rối loạn phổ tự kỷ đã chỉ ra được nguyên nhân, đặc điểm của hội chứng rối loạn phổ tự kỷ. Trên phạm vi toàn cầu và trong nước, đã có một số nghiên cứu tiêu biểu liên quan rối loạn phổ tự kỷ như:

Rối loạn phổ tự kỷ là hội chứng được phát hiện, tìm hiểu từ thế kỷ 19. Tuy nhiên, đối với con người, đây là hội chứng được tồn tại từ lâu đời. Bác sĩ tâm thần người Mỹ Kanner L. (1943) phát hiện và chính thức công bố kết quả nghiên cứu về hội chứng tự kỷ vào năm 1943 [44, tr 217], cho chúng ta hiểu về trẻ tự kỷ. Kết quả được công bố trên bài báo có tiêu đề "*Rối loạn tự kỷ tiếp xúc về tình cảm*". Kanner L. đã mô tả một cách rõ ràng và khoa học hội chứng tự kỷ. Theo Kanner L., trẻ tự kỷ có một số đặc điểm chung, bao gồm: sự hạn chế trong giao tiếp tình cảm với người xung quanh; xu hướng duy trì các thói quen hàng ngày một cách rập khuôn, lặp đi lặp lại; và khả năng ngôn ngữ kém phát triển hoặc biểu hiện ngôn ngữ không bình thường. Với kết quả nghiên cứu của Leo Kanner đã thu hút được sự quan tâm của nhiều người, trở thành luận điểm tin cậy của nhiều công trình về trẻ tự kỷ.

Có rất nhiều cuộc tranh luận diễn ra trong việc định nghĩa tự kỷ được diễn ra trong những thập niên nửa cuối của thế kỷ 20. Trong suốt quá trình phát hiện và nghiên cứu tự kỷ, các nhà khoa học đã đưa ra các tiêu chuẩn chẩn đoán được khái quát đầy đủ trong

hai bảng phân loại bệnh quốc tế là DSM-IV⁽¹⁾ và ICD-10⁽²⁾. Đây là hai bảng phân loại bệnh tật có uy tín nhất vào thời điểm hiện nay trên thế giới.

Kanner và Hans Asperger đã thực hiện một nghiên cứu về hội chứng tự kỷ đến nay vẫn là những điểm chính trong bảng phân loại quốc tế về chứng bệnh này. Tuy nhiên, gần đây, nhiều nhà nghiên cứu nghi ngờ có sự mơ hồ trong các tiêu chuẩn chẩn đoán hiện hành, cho rằng những con số thống kê tỷ lệ người tự kỷ hiện nay đã bị phóng đại lên. Từ những nghi ngờ đó, năm 2012, một nhóm chuyên gia được chỉ định bởi Hiệp hội Tâm thần Hoa Kỳ đã tập trung xem xét lại định nghĩa tự kỷ, xây dựng một bảng tiêu chuẩn chẩn đoán - DSM phiên bản thứ V (DSM-V), đã được đưa vào áp dụng từ đầu năm 2013. Theo những nghiên cứu ban đầu, các tiêu chuẩn của tự kỷ sẽ thắt chặt hơn; do vậy, sẽ làm giảm mạnh tỷ lệ tăng của chẩn đoán rối loạn này và sẽ khó khăn hơn đối với nhiều người không thể đáp ứng các tiêu chí để có được dịch vụ sức khỏe, giáo dục và xã hội.

Trong nghiên cứu được công bố trên *Tạp chí Tự kỷ: Tạp chí quốc tế về nghiên cứu và thực hành* năm 2004 [33, tr 409], Bromley và cộng sự đã khảo sát về sự hỗ trợ dành cho cha mẹ có con mắc rối loạn phổ tự kỷ (RLPTK), bao gồm hỗ trợ xã hội, hỗ trợ tâm sinh lý và mức độ hài lòng với các dịch vụ hỗ trợ. Kết quả nghiên cứu cho thấy, cha mẹ của trẻ mắc RLPTK có xu hướng chịu áp lực tâm lý lớn hơn so với cha mẹ của trẻ khuyết tật nói chung. Nghiên cứu thực hiện thông qua phỏng vấn 68 bà mẹ có con tự kỷ để tìm hiểu về sự hỗ trợ từ các chính sách xã hội, vấn đề tâm lý và các dịch vụ hiện có với gia đình có trẻ tự kỷ. Kết quả cho biết họ có khó khăn tâm lý nhất là về việc quản lý hành vi cũng như cách giúp đỡ trẻ tự kỷ tự lập. Ngoài các vấn đề sức khỏe thể chất và tinh thần bị ảnh hưởng bởi việc nuôi dạy con cái trách nhiệm, cha mẹ của những người mắc chứng tự kỷ phải đối phó với nhiều vấn đề liên quan đến tài chính như chi phí cao cho

¹ DSM - Diagnostic and Statistical Manual of Mental Disorders - Sổ tay chẩn đoán và thống kê các rối nhiễu tinh thần của Hội tâm thần Mỹ [American Psychiatric Association (APA)] được các nhà tâm thần học thế giới coi là “kinh thánh”. Tiêu chí chẩn đoán tự kỷ của DSM được tiếp cận khá phổ biến trong các lĩnh vực nghiên cứu và ứng dụng về tự kỷ, đặc biệt là tâm lý, giáo dục, xã hội... Kể từ phiên bản đầu tiên, DSM-I năm 1952 đến năm 2013, APA đã cho ra đời phiên bản DSM-V.

² ICD - International Classification of Diseases - Phân loại quốc tế về bệnh tật của Tổ chức Y tế thế giới (WHO) cung cấp mã hóa các bệnh thành những mã ngắn gọn, làm chuẩn cho công tác nghiên cứu và thực hành y học. Không những giúp ích khi bệnh nhân được chuyển từ nước này sang nước khác (tránh lỗi dịch), ở trong cùng một nước ICD cũng giúp tránh sự hiểu sai do cách dùng từ khác nhau giữa nhân viên y tế được đào tạo bởi các trường khác nhau, hoặc được đào tạo trong các thời kỳ khác nhau. Các phiên bản ICD được xem xét định kỳ và hiện nay là phiên bản thứ 10 - ICD-10, ban hành năm 1992, đã được dịch ra 43 ngôn ngữ, lưu hành ở 117 nước thành viên.

chăm sóc sức khỏe và can thiệp cho con cái họ thiếu việc làm hoặc nguy cơ mất việc làm hiện tại. Mặc dù vậy, nghiên cứu chưa đưa ra được các vấn đề liên quan đến hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ.

Công trình nghiên cứu *“Đánh giá và chẩn đoán rối loạn phổ tự kỷ ở Hà Nội, Việt Nam” của Vũ Song Hà, 2014 [8]* và cộng sự đã cho thấy một hướng tiếp cận khác về vấn đề hỗ trợ chính sách cho trẻ tự kỷ. Nghiên cứu được thực hiện thông qua các cuộc phỏng vấn sâu với phụ huynh có con mắc RLPTK và các nhà cung cấp dịch vụ, cùng với việc quan sát tại các phòng khám sức khỏe và trung tâm can thiệp sớm, nơi cung cấp đánh giá RLPTK SD trong suốt quá trình khảo sát thực địa từ tháng 7 năm 2011 đến tháng 5 năm 2012. Bài viết đã mô tả các đánh giá và thực hành chẩn đoán hiện tại ở Hà Nội, Việt Nam. Mặc dù có một số cải tiến trong dịch vụ đánh giá, phụ huynh vẫn phải đối mặt với một số thách thức trong việc tiếp cận đánh giá và chẩn đoán chất lượng RLPTK tại Việt Nam như thiếu hướng dẫn lâm sàng để đánh giá; giao tiếp hạn chế giữa các chuyên gia y tế trong các nhóm đánh giá và giữa các chuyên gia và phụ huynh có con mắc RLPTK. tự kỷ ở Việt Nam chứa đựng nhiều nhược điểm như thiếu thống kê chính thức, thiếu sự can thiệp và dịch vụ, thiếu sự hỗ trợ từ chính phủ, sự kỳ thị tồn tại của xã hội. Nghiên cứu đã phát hiện ra rằng trẻ em mắc chứng tự kỷ ở Việt Nam bị loại khỏi giáo dục, với một số lý do như nhận thức của hội đồng trường, khả năng chuyên môn của giáo viên và nhân viên, năng lực tài chính của gia đình khiến phụ huynh trẻ tự kỷ thấy khó gửi con đến cả trường công và trường tư. Do đó, một số cha mẹ đã chọn cách tự đào tạo để có thể dạy con tại nhà hoặc chủ động tự điều hành một trường học/nhóm để tạo ra một môi trường giáo dục cho con cái họ với tự kỷ. Đối với những người trẻ tuổi và người trưởng thành mắc chứng tự kỷ, hầu như không có sự can thiệp hay dịch vụ nào. Trong bài viết này tác giả nhấn mạnh đến việc cần nâng cao nhận thức cộng đồng về các dấu hiệu tự kỷ, nâng cao năng lực cho các chuyên gia, xây dựng các giao thức đánh giá phù hợp thực tế và theo ngữ cảnh để tăng cường khả năng tiếp cận và chất lượng của các dịch vụ trong việc hỗ trợ, can thiệp cho trẻ tự kỷ.

Một nghiên cứu đánh giá tác động của mô hình công tác xã hội hỗ trợ trẻ tự kỷ là nghiên cứu *“Hoàn thiện mô hình công tác xã hội hỗ trợ người tự kỷ thích nghi với quá trình hòa nhập tại trường tiểu học của Trung tâm Hand in Hand” của tác giả Nguyễn Thị Thanh Tâm, thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, năm 2014 [20].* Nghiên cứu đã phân tích chi tiết những ưu điểm và hạn chế của mô

hình tại Trung tâm Hand in Hand, từ góc độ mô hình công tác xã hội. Dựa trên đó, nghiên cứu đề xuất các mục tiêu nhằm nâng cao vai trò của nhân viên công tác xã hội, cải thiện quy trình sàng lọc chất lượng đầu vào, cũng như định hướng phát triển và mở rộng mô hình trong bối cảnh thực tế hiện nay của Việt Nam.

Công trình nghiên cứu “Đánh giá mô hình can thiệp cho trẻ tự kỷ tại Trường Mầm non Chuyên biệt Biển Dương – Thành phố Vinh – Nghệ An” của Nguyễn Thị Phương, thuộc Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2016 [16], được thực hiện tại Trường Mầm non Chuyên biệt với việc sử dụng các phương pháp nghiên cứu như: phỏng vấn sâu, thảo luận nhóm và phương pháp quan sát. Đề tài đã chỉ ra được những cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễn trong lĩnh vực can thiệp cho trẻ tự kỷ. Chỉ rõ mô hình can thiệp sớm triển khai qua 3 giai đoạn với các phương pháp trị liệu như phương pháp vận động tinh, phương pháp hành vi ABA, phương pháp TEACH,... được vận dụng vào quá trình dạy cho trẻ tự kỷ. Trên cơ sở đó, tiến hành đánh giá mô hình can thiệp sớm cho trẻ tự kỷ theo hai hướng: thứ nhất là đánh giá dưới góc độ công tác xã hội. Cho thấy mô hình can thiệp sớm cũng là một mô hình công tác xã hội trong lĩnh vực trẻ khuyết tật (trẻ tự kỷ). Mô hình này được xây dựng và thực hiện dựa trên các mục đích, nguyên tắc và quy điều đạo đức nghề nghiệp của công tác xã hội. Tiếp theo đánh giá trên các kết quả đạt được của cơ sở cho thấy so với thời điểm mới thành lập trường đã đạt nhiều thành tích về hiệu quả can thiệp, vững mạnh hơn về nguồn tài chính, đội ngũ cán bộ hoàn thiện hơn về chất lượng và số lượng,... Ngoài ra đề tài chỉ ra những hạn chế mô hình còn mắc phải như chưa thấy vai trò của nhân viên công tác xã hội trong các hoạt động, nhận thức của gia đình, cộng đồng về TK tại đây còn hạn chế,... Trên cơ sở những phân tích trên, đề tài đưa ra những vai trò của nhân viên công tác xã hội, gia đình trong mô hình hỗ trợ trẻ. Từ đó đề xuất những kiến nghị nhằm đóng góp nâng cao hiệu quả can thiệp và nhân rộng mô hình.

Bài viết “Nghiên cứu Stress ở các bậc cha mẹ có con mắc hội chứng tự kỉ” của Nguyễn Thị Mai Hương, Tạp chí Giáo dục, Số 288, Kỳ 2/6/2012 [10, tr13], đã nêu lên thực trạng mức độ stress cả cha mẹ có con mắc hội chứng tự kỷ hiện nay cùng với những biểu hiện, nguyên nhân, hậu quả stress của cha mẹ có con mắc chứng tự kỷ. Kết quả điều tra cho thấy, mức độ stress của cha mẹ có con mắc hội chứng tự kỷ là ở mức căng thẳng với những biểu hiện về thể chất và tâm lý. Nguyên nhân chính gây ra stress của họ là bệnh tình của con, từ đó kéo theo nguyên nhân đa dạng khác liên quan. Hậu quả

để lại của stress là rất lớn về cả thể chất và tinh thần. Biện pháp sử dụng để giảm stress là khá phong phú. Tuy nhiên các biện pháp đó vẫn chỉ ở mức độ giảm stress trực tiếp mà không có biện pháp giảm stress tận gốc và triệt để. Nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống, giảm stress tới mức thấp nhất cho các cha mẹ để họ có thể nuôi con và chăm sóc gia đình, bản thân tốt hơn, tác giả nghiên cứu đã thử nghiệm giảm stress bằng Thiền và mang lại kết quả khả quan cho cha mẹ. Cùng với đó, tác giả nghiên cứu đã đưa ra kiến nghị đối với phụ huynh cần nâng cao nhận thức về hội chứng tự kỷ và kiên trì và quyết tâm cao trong can thiệp giáo dục cho trẻ, tích cực tham gia cho trẻ, phối hợp với các thầy cô về nguyên tắc và phương pháp can thiệp cho trẻ. Mở rộng các cơ sở đào tạo giáo dục hòa nhập để trẻ tự kỷ có nhiều cơ hội hòa nhập với cộng đồng, tạo khả năng tiến bộ cho các em. Đồng thời đầu tư ngân sách cho việc chăm sóc sức khỏe tâm thần trong xã hội, đặc biệt là các vấn đề sức khỏe tâm thần trẻ em để cha mẹ giảm được sự lo lắng, áp lực đối với việc chữa trị bệnh tình cho con.

Tổng quan, vấn đề rối loạn phổ tự kỷ đã thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu trong nước và trên toàn thế giới. Các nghiên cứu đã chỉ ra khái niệm, nguyên nhân, đặc điểm phát triển, ... đối với hội chứng rối loạn phổ tự kỷ. Điều đó cho thấy, hội chứng này cần có sự can thiệp, hỗ trợ thường xuyên, lâu dài.

2.2. Tổng quan các công trình nghiên cứu về thực trạng đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên

Trong những năm gần đây, cùng với sự gia tăng số lượng trẻ được chẩn đoán rối loạn phổ tự kỷ và sự quan tâm ngày càng lớn của xã hội đối với vấn đề hòa nhập và phát triển nguồn nhân lực, hoạt động đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ đã trở thành chủ đề được nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước quan tâm. Thực trạng đào tạo hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN đã có trong các công trình nghiên cứu sau:

Nghiên cứu của Linda C. Eaves & Helena H. Ho có tiêu đề Kết quả của người trưởng thành trẻ tuổi về rối loạn phổ tự kỷ [36] được thực hiện tại Trung tâm Y tế Trẻ em Sunny Hill, Vancouver, British Columbia, đã khảo sát nhóm người trẻ tuổi mắc rối loạn phổ tự kỷ, sinh trong khoảng từ năm 1974 đến 1984. Nghiên cứu tập trung đánh giá các kết quả trong giai đoạn trưởng thành, bao gồm khả năng sống độc lập, việc làm và mức độ tham gia xã hội của những người trong nhóm đối tượng. Nghiên cứu này đã tiến hành khảo sát qua điện thoại với 48 người, mỗi người có thời lượng phỏng vấn là trung bình 2 giờ. Những người tham gia phỏng vấn bao gồm bố mẹ, bố hoặc mẹ, người

chăm sóc, người bảo hộ cho trẻ tự kỷ. Nhà nghiên cứu đã tập trung vào việc phân tích các yếu tố như: độ tuổi, mức độ tự kỷ, sức khỏe, đặc điểm tâm lý, chỉ số IQ, trình độ giáo dục và nghề nghiệp, chất lượng cuộc sống, mức độ hài lòng với các dịch vụ, nhu cầu chưa được đáp ứng, nơi cư trú và một số yếu tố khác. Kết quả nghiên cứu chỉ ra những điểm sau: Thứ nhất, vấn đề tâm lý lớn nhất là "khó khăn về cảm xúc"; 58% trong số họ đang sử dụng thuốc để điều chỉnh hành vi. Thứ hai, tất cả những trẻ tự kỷ đều đã học xong chương trình tiểu học với sự hỗ trợ giáo dục đặc biệt. Khoảng 30% trong số họ tiếp tục học sau trung học, và chỉ có 1% đạt được trình độ đại học. Thứ ba, những công việc mà trẻ tự kỷ đã từng làm bao gồm giao nhận giấy tờ, phục vụ bữa ăn trên bánh xe, hoặc tham gia phân loại tái chế cùng với những người khác. Gần 30% cha mẹ trẻ tự kỷ trưởng thành cho biết trẻ tự kỷ có thể làm việc tại các cửa hàng tiện ích xã hội. Cha mẹ đều mong muốn có thể có 1 chương trình đào tạo nghề phù hợp cho trẻ tự kỷ. Thứ tư, ba thứ quan trọng nhất/ hữu ích hoặc làm cho khác biệt nhất để thay đổi trẻ tự kỷ là câu trả lời hàng đầu là thành viên gia đình (52%) thường là chồng hoặc ông bà của họ, giáo viên và nhân viên xã hội trong lớp học tại trường (50%), Cơ quan phục vụ người khuyết tật (25%). Cha mẹ của trẻ tự kỷ than thở rằng các dịch vụ, chương trình dành cho người lớn mắc chứng tự kỷ không tốt như khi chúng còn nhỏ. Mặc dù nghiên cứu này đã quan tâm đến hoạt động hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ và thực hiện qua phỏng vấn bằng điện thoại với số mẫu ít.

Bài nghiên cứu “Can thiệp kỹ năng nghề cho người trưởng thành mắc rối loạn phổ tự kỷ: Một tổng quan tài liệu”, của tác giả Seaman, R.L & Cannella-Malone. HI, 2016 [53] Tạp chí phát triển và Khuyết tật thể chất cho rằng: người trưởng thành mắc RLPTK có tỷ lệ thất nghiệp cao. Người tự kỷ cần được đào tạo thêm các kỹ năng nghề để có việc làm. Chi phí đào tạo hướng nghiệp cho người tự kỷ cũng cao hơn.

Nghiên cứu “*Tìm hiểu về cách cải thiện việc làm cho người tự kỷ*” của tác giả Carolyn Dudley, David B. Nicholas và Jennifer D. Zwicker [35]. Nghiên cứu đã khẳng định, RLPTK là một rối loạn mãn tính suốt đời, được coi là bệnh xuất hiện nhiều nhất từ thời thơ ấu. Đa số các kinh phí chi trả cho can thiệp RLPTK là ở giai đoạn mầm non, trong khi chưa chú trọng vào đầu tư cho việc tạo việc làm cho người tự kỷ. Ngày càng nhiều trẻ em được chẩn đoán là RLPTK, đây là thách thức lớn cho việc tạo việc làm cho họ trong tương lai. Đa số những người RLPTK có việc làm có mức thu nhập ít hơn so với thu nhập trung bình của quốc gia, đồng thời họ phải chịu thời gian thất nghiệp

kéo dài hơn, hay bị thay đổi vị trí làm việc dẫn đến cơ hội phát triển trong công việc thấp hơn. Nghiên cứu nhấn mạnh vào giải pháp: Cải thiện kết quả việc làm cho người RLPTK là mục tiêu quan trọng trong chính sách hỗ trợ người RLPTK. Bởi có việc làm ổn định là cơ hội cho người RLPTK sống độc lập, không chỉ mang lại lợi ích cho cá nhân trẻ tự kỷ, cho gia đình mà cho cả xã hội. Người lớn mắc RLPTK có thể thành công với sự hỗ trợ phù hợp. Gia đình là yếu tố quyết định cho sự thành công của người tự kỷ. Nghiên cứu trên đã đưa ra một bức tranh cung cấp cho các nhà hoạch định chính sách một cách cải thiện và nâng cao tình hình việc làm hiện tại cho những người sống với rối loạn phổ tự kỷ, cuối cùng là cải thiện chất lượng cuộc sống và nền kinh tế độc lập. Hạn chế của nghiên cứu này liên quan đến việc chưa đi sâu vào những ngành nghề phù hợp với người tự kỷ.

Luận văn “Thực trạng hỗ trợ việc làm cho trẻ em khuyết tật (Nghiên cứu tại Trung tâm Dạy nghề Nhân Đạo và Trung tâm Dạy nghề Từ thiện Quỳnh Hoa)” của Phạm Thị Kiều Lê, thuộc Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2014 [11], cũng chú trọng đến thực trạng hỗ trợ việc làm cho trẻ em khuyết tật. Trong nghiên cứu này, tác giả đã phân tích hiệu quả của các hoạt động hỗ trợ trẻ em khuyết tật tại hai trung tâm, bao gồm các hoạt động tư vấn hướng nghiệp, dạy nghề, và giới thiệu, tạo cơ hội việc làm. Nghiên cứu cũng chỉ ra những khó khăn cơ bản trong công tác đào tạo tạo việc làm cho người khuyết tật liên quan đến cơ sở vật chất tại các trung tâm, chính sách tuyển dụng đối với người khuyết tật của các nhà tuyển dụng và liên quan đến giáo viên dạy nghề cho người khuyết tật. Như vậy, nghiên cứu này đã nhận thấy những hiệu quả của hoạt động hướng nghiệp cho người khuyết tật hiện nay. Tuy nhiên, mặc dù nghiên cứu đã chú trọng đến vấn đề việc làm cho trẻ em khuyết tật, tác giả vẫn chưa đề cập đến việc tìm hiểu nhu cầu của các bậc phụ huynh, một yếu tố rất quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả của công tác hướng nghiệp và hỗ trợ việc làm cho trẻ khuyết tật.

Nhìn một cách tổng thể, hệ thống nghiên cứu quốc tế đã xây dựng được cơ sở lý luận phong phú khi khẳng định đào tạo hướng nghiệp đóng vai trò quyết định giúp trẻ tự kỷ chuyển tiếp thành công sang giai đoạn trưởng thành, giảm sự phụ thuộc cấu trúc và nâng cao khả năng sống độc lập, đồng thời chỉ ra vai trò then chốt của gia đình cùng các rào cản về chính sách, chi phí và thị trường lao động. Trong khi đó, tại Việt Nam, các công trình khoa học dù đã bắt đầu chú trọng đến vấn đề học nghề của người khuyết tật, song phần lớn vẫn tiếp cận người khuyết tật nói chung hoặc tập trung nguồn lực cho

giai đoạn can thiệp sớm ở lứa tuổi mầm non và tiểu học. Điều này dẫn đến sự thiếu hụt các nghiên cứu chuyên sâu và hệ thống về hoạt động đào tạo hướng nghiệp dành riêng cho nhóm trẻ tự kỷ trong lứa tuổi vị thành niên (12–17 tuổi).

2.3. Tổng quan các công trình nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên

Trong những năm gần đây, nhiều công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đã tiếp cận các yếu tố ảnh hưởng đến đào tạo hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN dưới các góc độ khác nhau. Các nghiên cứu tập trung phân tích ảnh hưởng của gia đình, môi trường giáo dục, chính sách xã hội, nhận thức của cộng đồng và các nguồn lực hỗ trợ đối với quá trình đào tạo hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN như:

Nghiên cứu thuộc về chủ đề trẻ tự kỷ là *“Nghiên cứu về phụ huynh kỳ vọng kết quả hòa giải cho thanh thiếu niên bị rối loạn phổ Tự kỷ”* của tác giả Kirby A. V, *Tạp chí Tự kỷ và Rối loạn Phát triển*, 2016 [45, tr 1643]. Đã phản ánh sự mong đợi của cha mẹ có con mắc chứng tự kỷ được coi là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến kết quả trong tương lai của những người trẻ tuổi và người trưởng thành mắc chứng tự kỷ. Những người tham gia vào nghiên cứu là 1.170 thanh niên được chẩn đoán mắc RLPTK, có tuổi trung bình là 14,7 tuổi và chủ yếu là nam giới (chiếm 83%); số cha mẹ được khảo sát có tới 90% là các mẹ. Một số ít thanh thiếu niên được chẩn đoán mắc chứng rối loạn phổ tự kỷ có thể đạt được thành công trong các lĩnh vực độc lập và hoạt động như những người trẻ tuổi. Các phát hiện cho thấy kỳ vọng của cha mẹ đối với kết quả của con họ có tác động quan trọng về sau thành công cho tuổi trẻ với RLPTK. Hiểu được sự mong đợi của cha mẹ có con mắc chứng tự kỷ có thể giúp đỡ các chuyên gia làm việc, để hỗ trợ họ tốt hơn các cha mẹ trong việc chuẩn bị cho tương lai của con cái họ. Nghiên cứu cũng cho thấy điểm nổi bật khác hơn những nghiên cứu khác là đã hiểu được mong đợi của các bậc cha mẹ, nhưng vấn đề này chưa được khai thác sâu.

Dưới góc độ nhân học, đáng chú ý là công trình “Nghiên cứu trẻ tự kỷ ở khu vực nội thành Hà Nội - tiếp cận nhân học” của tác giả Vũ Hải Vân, 2016 [23], Học viện Khoa học xã hội đã quan tâm đến mảng trẻ tự kỷ. Đề tài đã chỉ ra để trẻ tự kỷ lớn lên có cuộc sống độc lập, không trở thành gánh nặng cho gia đình và xã hội, cần tăng cường các biện pháp trị liệu, giáo dục kỹ năng sống và phát triển giáo dục dạy nghề cho trẻ. Tuy nhiên, bên cạnh giáo dục dạy nghề giúp trẻ có năng lực thực hành phù hợp với khả năng lao động của mình, cần nâng cao ý thức và trách nhiệm của cộng đồng, doanh

nghiệp trong sử dụng lao động là trẻ tự kỷ. Khó khăn lớn nhất đối với trẻ tự kỷ mà cha mẹ các em luôn nghĩ đến là không có cơ hội học tập như các bạn bình thường (73,9%), và các quyền giáo viên khác như dạy nghề, hướng nghiệp (67,4%), trường học riêng như các loại hình khuyết tật khác (58,6%), không đủ năng lực để tự bảo vệ bản thân, nguy cơ bị lạm dụng, xâm hại cao (72,9%) và các nguy cơ bị kỳ thị, cô lập, thiếu sự hỗ trợ trong trường học... Nghiên cứu thực trạng vấn đề giáo viên hòa nhập cho trẻ tự kỷ ở khu vực nội thành Hà Nội cho thấy nhu cầu này của trẻ đang đứng trước nhiều khó khăn, thách thức. Nhận thức chưa đúng về giáo viên hòa nhập còn tồn tại phổ biến trong chính các nhà quản lý giáo dục, giáo viên và cả cha mẹ của trẻ tự kỷ.

Ngoài ra, khi đề cập đến chủ đề người khuyết tật, cần nhấn mạnh đến công trình nghiên cứu "Thực trạng và giải pháp giải quyết việc làm cho người khuyết tật tại tỉnh Khánh Hòa" do Phạm Thái Đài thực hiện năm 2017 [4] dưới sự quản lý của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Khánh Hòa. Nghiên cứu này đã xem xét các yếu tố ảnh hưởng đến việc làm của người khuyết tật, bao gồm: những đặc điểm cá nhân của người khuyết tật, tác động từ môi trường xung quanh, vai trò của các đơn vị cung cấp dịch vụ việc làm, năng lực chuyên môn của đội ngũ nhân viên hỗ trợ, cũng như các chính sách và cơ chế liên quan. Bên cạnh đó, nghiên cứu còn phân tích thực trạng đời sống, việc làm của người khuyết tật, việc triển khai chính sách hỗ trợ và các hoạt động liên quan đến giải quyết việc làm cho họ. Dựa trên thực trạng và các yếu tố ảnh hưởng, tác giả đề xuất một loạt giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả tạo việc làm cho người khuyết tật tại Khánh Hòa. Các đề xuất này nhấn mạnh đến các biện pháp ở cấp độ vĩ mô như cải thiện môi trường chính sách, cũng như cấp trung mô như nâng cao hiệu quả hoạt động của các trung tâm dịch vụ việc làm và tăng cường năng lực cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ. Đồng thời, giải pháp cũng hướng đến yếu tố vi mô – chính là người khuyết tật và gia đình họ – để tạo ra sự can thiệp toàn diện, tác động lẫn nhau nhằm đạt được hiệu quả tối ưu trong công tác giải quyết việc làm. Cụ thể, các giải pháp bao gồm: nâng cao năng lực cho đội ngũ nhân viên hỗ trợ việc làm; cải thiện hiệu quả hoạt động của các đơn vị dịch vụ việc làm, trung tâm công tác xã hội và cơ sở đào tạo nghề; tăng cường hỗ trợ trực tiếp cho người khuyết tật; nâng cao nhận thức của gia đình, cộng đồng và doanh nghiệp về vấn đề việc làm cho người khuyết tật; và hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm thúc đẩy quá trình tạo việc làm cho đối tượng này. Tuy nhiên, nghiên cứu dường như tập trung nhiều vào thực trạng mà chưa tập chung xây dựng nhiều giải pháp hỗ trợ người

khuyết tật tốt hơn. Hơn hết, nghiên cứu dù lựa chọn khách thể là 420 người khuyết tật trong độ tuổi lao động nặng và nhẹ nhưng cũng mới chỉ hỗ trợ việc làm cho 22 người. Nghiên cứu chưa đề cập đến đánh giá nhu cầu của các cha mẹ đối với những nghề nghiệp dành cho người khuyết tật trong nghiên cứu này.

Nhìn một cách tổng thể, các công trình nghiên cứu nêu trên đã chỉ ra bức tranh đa chiều về các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động đào tạo hướng nghiệp và tạo việc làm cho người khuyết tật nói chung cũng như trẻ tự kỷ nói riêng. Các nghiên cứu đều thống nhất rằng hiệu quả của hoạt động đào tạo hướng nghiệp chịu sự chi phối của nhiều nhóm yếu tố, bao gồm đặc điểm của trẻ tự kỷ, sự đồng hành của gia đình, chất lượng của cơ sở giáo dục và đội ngũ thực hiện, sự hỗ trợ của cộng đồng và doanh nghiệp, cũng như cơ chế, chính sách của Nhà nước đối với người khuyết tật. Tuy nhiên, các nghiên cứu trong nước chủ yếu tiếp cận chung cho nhóm người khuyết tật hoặc mới chỉ dừng lại ở góc độ nhận thức chung, chưa phân tích sâu mối tương tác giữa các yếu tố này đối với riêng nhóm TTKTĐTVTN (12–17 tuổi).

Tóm lại, việc tổng quan hệ thống các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến rối loạn phổ tự kỷ, thực trạng đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ lứa tuổi vị thành niên và các yếu tố tác động đã cung cấp hệ thống luận cứ khoa học vững chắc, khẳng định đào tạo hướng nghiệp đóng vai trò quan trọng giúp người tự kỷ chuyển tiếp thành công sang giai đoạn trưởng thành, giảm sự phụ thuộc cấu trúc và nâng cao khả năng sống độc lập. Tuy nhiên, kết quả tổng quan tài liệu đã chỉ ra một khoảng trống nghiên cứu rõ rệt: các công trình quốc tế chủ yếu tập trung vào bối cảnh các quốc gia phát triển, trong khi các nghiên cứu trong nước đa phần tiếp cận mảng can thiệp sớm cho trẻ nhỏ hoặc công tác dạy nghề chung cho người khuyết tật, chưa có nghiên cứu chuyên sâu và hệ thống về hoạt động đào tạo hướng nghiệp dành riêng cho lứa tuổi vị thành niên (12–17 tuổi) bị tự kỷ dưới lăng kính Công tác xã hội. Việc kế thừa các giá trị lý luận đi trước, đồng thời tập trung giải quyết khoảng trống thực tiễn nêu trên tại địa bàn thành phố Hà Nội chính là cơ sở khoa học khẳng định tính cấp thiết, tính mới và ý nghĩa ứng dụng thiết thực của đề tài nghiên cứu này

3. Mục tiêu nghiên cứu

3.1. Mục tiêu chung

Nghiên cứu nhằm đánh giá thực trạng về hoạt động đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ vị thành niên; phân tích các yếu tố tác động đến hoạt động này và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hoạt động đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ vị thành niên.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Làm rõ cơ sở lý luận và thực tiễn về đào tạo hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN tại Thành phố Hà Nội.

Đánh giá nhu cầu về đào tạo hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN tại Thành phố Hà Nội.

Thực trạng đào tạo hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN tại Thành phố Hà Nội.

Các yếu tố ảnh hưởng tới hoạt động đào tạo hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN tại Thành phố Hà Nội.

4. Câu hỏi nghiên cứu

- Nhận thức và nhu cầu về đào tạo hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN ở thành phố Hà Nội hiện nay?

- Thực trạng đào tạo hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN hiện nay như thế nào?

- Những yếu tố tác động đến hoạt động đào tạo hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN hiện nay?

5. Giả thuyết nghiên cứu

Nhận thức về đào tạo hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN tại thành phố Hà Nội đã có những chuyển biến tích cực nhưng vẫn chưa đầy đủ và thống nhất giữa các nhóm đối tượng.

Hoạt động hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN dần được chú trọng. Đa số phụ huynh có TTKTĐTVTN có nhu cầu đào tạo hướng nghiệp sớm cho con từ tuổi vị thành niên.

Những yếu tố tác động đến đào tạo hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN bao gồm: yếu tố ảnh hưởng (mức độ tự kỷ, học vấn, sự hỗ trợ từ gia đình), tác động của trung tâm và xã hội đến đào tạo hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN.

6. Đối tượng, khách thể và phạm vi nghiên cứu

6.1. Đối tượng: Đào tạo hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

6.2. Khách thể nghiên cứu: cha mẹ có con là TTKTĐTVTN, lãnh đạo trung tâm, giáo viên dạy cho trẻ tự kỷ tại 03 trung tâm, trẻ em bị tự kỷ, cán bộ ngành lao động - thương binh và xã hội.

6.3. Phạm vi nghiên cứu:

Thời gian: Từ tháng 9/2023 đến tháng 12/2024.

Không gian: 03 trung tâm đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trong độ tuổi từ 12 đến 17 tuổi: Trung tâm Trung Tâm Hỗ Trợ Giáo Dục Hòa Nhập Yên Nghĩa Fruit House - Hà Đông; Trung tâm S.E.E.D tại Thành phố Hà Nội và trung tâm Ngọc Ân Hà Nội.

7. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài có sử dụng hoàn toàn số liệu của đề tài nghiên cứu khoa học “Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả chính sách đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ ở Thành phố Hà Nội” do PGS.TS Nguyễn Thị Kim Hoa chủ nhiệm đề tài năm 2024, đề tài thuộc Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam chủ trì, trong đó học viên là 1 thành viên trong nhóm nghiên cứu đề tài.

7.1. Phương pháp phân tích tài liệu

Nhằm đa dạng hoá các nguồn cung cấp thông tin phục vụ đề tài nghiên cứu, học viên tiến hành thu thập dữ liệu thứ cấp, cũng như điều tra thu thập thông tin sơ cấp tại thực địa.

Thu thập thông tin sơ cấp tại thực địa bằng phương pháp điều tra bảng hỏi và quan sát trực tiếp

7.2. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi

Đề tài sử dụng số liệu khảo sát Xã hội học tại 03 Trung tâm đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trên địa bàn thành phố Hà Nội. Phỏng vấn bằng bảng hỏi 90 cha mẹ có con bị tự kỷ đang học ở 3 trung tâm trong đó trung tâm SEED, Trung tâm giáo dục đặc biệt Yên Nghĩa, Trung tâm Ngọc Ân.

Bảng 1: Nhân khẩu học của mẫu nghiên cứu

Đặc điểm nhân khẩu học		Số lượng	Tỉ lệ (%)
Giới tính	Nam	35	38,9%
	Nữ	55	61,1%
Trình độ học vấn	THCS	2	2,2%
	THPT	30	33,3%
	Đại học trở lên	58	64,4%

7.3. Phương pháp phỏng vấn sâu

Đề tài sử dụng số liệu phỏng vấn sâu của đề tài nghiên cứu khoa học “Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả chính sách đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ ở Thành phố Hà Nội” do PGS.TS Nguyễn Thị Kim Hoa chủ nhiệm đề tài năm 2024 gồm 29 phỏng vấn sâu để bổ sung và làm rõ các thông tin nghiên cứu. Việc lựa chọn đối tượng

phỏng vấn được căn cứ vào các yếu tố như cơ cấu tuổi, giới tính, nghề nghiệp đang học của trẻ và các giáo viên giảng dạy nghề cho trẻ tự kỷ. Cụ thể, đối tượng phỏng vấn bao gồm 01 cán bộ Cục bảo trợ xã hội, 03 lãnh đạo 3 trung tâm, 8 cha mẹ có con bị tự kỷ, 10 giáo viên dạy trẻ tự kỷ, 07 học sinh tại trung tâm SEED.

Trong đó bản thân người nghiên cứu trực tiếp phỏng vấn sâu:

Cha mẹ có con bị tự kỷ: 02 người

Giáo viên dạy cho trẻ tự kỷ: 02 người

Lãnh đạo trung tâm: 02 người

8. Ý nghĩa khoa học, ý nghĩa thực tiễn

8.1. Ý nghĩa khoa học

Làm rõ thực trạng và lý giải các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động đào tạo hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN ở thành phố Hà Nội.

Những kết quả nghiên cứu có thể bổ sung và hoàn thiện thêm tài liệu về tự kỷ, trẻ tự kỷ và đào tạo hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN.

8.2. Ý nghĩa thực tiễn

Làm sáng tỏ thực trạng công tác hướng nghiệp dành cho trẻ tự kỷ trong lứa tuổi vị thành niên tại Hà Nội hiện nay. Những kết quả thu được từ nghiên cứu sẽ giúp cộng đồng, xã hội cũng như các nhà hoạch định và thực thi chính sách có cái nhìn toàn diện và chính xác hơn về trẻ tự kỷ, từ đó xây dựng các chương trình hướng nghiệp phù hợp và thiết thực.

Đồng thời, đây cũng là cơ sở khoa học quan trọng để các cơ quan quản lý nhà nước tham khảo trong quá trình xây dựng chính sách đối với trẻ khuyết tật nói chung và trẻ tự kỷ nói riêng.

9. Kết cấu đề tài

Ngoài các phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo thì nội dung của đề tài gồm 03 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn của đề tài nghiên cứu.

Chương 2: Thực trạng đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên.

Chương 3: Những yếu tố ảnh hưởng đến đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU

1.1. Cơ sở lý luận của đề tài

1.1.1. Các khái niệm công cụ

1.1.1.1. Trẻ vị thành niên

Vị thành niên là thuật ngữ dùng để chỉ một giai đoạn trong cuộc đời mỗi con người. Giai đoạn này đánh dấu bước chuyển quan trọng từ thời thơ ấu sang tuổi trưởng thành, xét trên cả phương diện tâm lý, sinh lý và nhận thức. Khái niệm "vị thành niên" được hiểu theo nhiều cách khác nhau, tùy thuộc vào đặc điểm lãnh thổ của từng quốc gia, bối cảnh lịch sử cụ thể cũng như cách tiếp cận của từng lĩnh vực nghiên cứu.

Vị thành niên là một giai đoạn trong quá trình phát triển của đời người, nối tiếp giữa cuối giai đoạn tuổi thơ với đầu giai đoạn trưởng thành, là thời kì có sự thay đổi nhanh chóng về cơ thể, biến đổi lớn về tâm lý, nhận thức.

Theo Tổ chức Y tế Thế giới, vị thành niên là giai đoạn chuyển tiếp trong cuộc đời mỗi cá nhân, đó là giai đoạn mà:

- Sự phát triển cá nhân kể từ khi những đặc tính giới tính của trẻ bắt đầu xuất hiện cho đến khi nó hoàn toàn hoàn chỉnh.
- Sự phát triển thể chất và tâm lý kèm theo đặc điểm cá nhân từ một đứa trẻ thành người trưởng thành.
- Sự chuyển tiến từ giai đoạn phụ thuộc về kinh tế, quan hệ sang giai đoạn hoàn toàn độc lập về kinh tế, xã hội.

Tổ chức Y tế Thế giới đã chính thức đề nghị vị thành niên là những người trong độ tuổi từ 10 đến 19 tuổi [2, tr 12]. Ở Việt Nam, tùy theo góc độ tiếp cận cũng như chức năng nhiệm vụ của mỗi ngành mà thuật ngữ vị thành niên được thể hiện theo cách riêng.

Trong Đại từ điển Tiếng Việt, “Vị thành niên là khái niệm dùng để chỉ người chưa đủ tuổi được pháp luật công nhận là công dân” [25, tr 1814], điều 18 bộ Luật Dân sự quy định: “Người từ đủ 18 tuổi trở lên là người thành niên, người chưa đủ 18 tuổi là người chưa thành niên”. Người chưa thành niên bao gồm cả người ở độ tuổi vị thành niên. Điều này có nghĩa là tuổi vị thành niên là dưới 18 tuổi.

Cho đến nay ở nước ta vẫn chưa có sự thống nhất về độ tuổi của vị thành niên, nhưng căn cứ vào tình hình thực tế ở Việt Nam, Bộ Y tế đã đề nghị xếp tuổi vị thành niên thành hai nhóm tuổi:

- Nhóm 1: từ 10 – 14 tuổi.

- Nhóm 2: từ 15 – 19 tuổi.

Hiện nay ở nước ta, khái niệm tuổi vị thành niên chưa có trong các quy định cụ thể ở các văn bản pháp luật. Khái niệm tuổi vị thành niên được đồng nhất với khái niệm người chưa thành niên và được Nhà nước quy định rất rõ trong Bộ luật Dân sự 2015. cụ thể tại Điều 21 quy định về người chưa thành niên như sau:

1. Người chưa thành niên được hiểu là người chưa đủ mười tám tuổi.

2. Các giao dịch dân sự của người dưới sáu tuổi phải do người đại diện theo pháp luật thay mặt xác lập và thực hiện.

3. Trường hợp người từ sáu tuổi đến dưới mười lăm tuổi tham gia giao dịch dân sự thì cần có sự đồng ý của người đại diện theo pháp luật, ngoại trừ những giao dịch phục vụ nhu cầu sinh hoạt hằng ngày phù hợp với độ tuổi của họ.

4. Người từ mười lăm tuổi đến dưới mười tám tuổi có thể tự mình xác lập và thực hiện các giao dịch dân sự, ngoại trừ các giao dịch liên quan đến bất động sản, động sản phải đăng ký, hoặc các giao dịch dân sự khác mà pháp luật yêu cầu phải có sự đồng ý của người đại diện theo pháp luật [1, tr 5].

Từ quy định trên, có thể khẳng định rằng khái niệm “người vị thành niên” hay “người chưa thành niên” được dùng để chỉ những người dưới mười tám tuổi. Tuy nhiên, không nên đánh đồng người vị thành niên và trẻ em là một. Bởi vì, tại Điều 1 Luật Trẻ em 2016 thì: “*Trẻ em là người dưới 16 tuổi*”. [22, tr 1]

Theo quy định như trên thì trẻ em và người chưa thành niên là hai khái niệm khác nhau. Nếu như trẻ em là người dưới 16 tuổi thì người vị thành niên là người dưới 18 tuổi.

Như vậy, chưa có một quan niệm thống nhất về độ tuổi trẻ vị thành niên. Từ góc độ nghiên cứu của đề tài, cũng như quan niệm xã hội và pháp luật hiện hành, tác giả tán đồng với quan điểm về trẻ vị thành niên: là trẻ có độ tuổi từ 12 đến 17 tuổi.

1.1.1.2. Trẻ tự kỷ

Hiện nay có rất nhiều định nghĩa khác nhau về rối loạn phổ tự kỉ do các tổ chức quốc tế và tổ chức trong nước đưa ra.

Tự kỷ, có tên khoa học chính thức là rối loạn phổ tự kỷ (Autism Spectrum Disorder - ASD), là một rối loạn phát triển với các triệu chứng xuất hiện trong vòng ba năm đầu đời.

Tại Hoa Kỳ, Luật Giáo dục dành cho Người khuyết tật (The Individual with Disabilities Education Act - IDEA) định nghĩa rối loạn phổ tự kỉ như sau: “Tự kỉ là rối loạn phát triển ảnh hưởng đáng kể đến giao tiếp bằng lời nói và phi lời nói cũng như tương tác xã hội, thường thể hiện rõ ràng trước 3 tuổi, gây ra những ảnh hưởng tiêu cực đến kết quả học tập của trẻ. Những đặc điểm khác thường liên quan đến tự kỉ là những hành vi lặp đi lặp lại, hành vi rập khuôn, phản kháng với sự thay đổi của môi trường hoặc thay đổi thói quen hàng ngày và phản ứng bất thường với các trải nghiệm giác quan. Trẻ có những biểu hiện của tự kỉ sau 3 tuổi có thể được xác định là tự kỉ nếu đáp ứng các tiêu chí trên. Không xác định tự kỉ nếu kết quả học tập của trẻ bị ảnh hưởng tiêu cực chủ yếu do rối loạn cảm xúc”[28,tr 1103].

Năm 2008, Tổ chức Liên hợp quốc đã đưa ra định nghĩa về rối loạn phổ tự kỉ. Có thể xem đây là một định nghĩa khá toàn diện và được áp dụng rộng rãi: “Tự kỉ là một dạng khuyết tật phát triển kéo dài suốt đời, thường xuất hiện trong ba năm đầu tiên của cuộc sống. Nguyên nhân của tự kỉ là do rối loạn thần kinh, ảnh hưởng đến chức năng của não bộ. Tình trạng này có thể xảy ra ở bất kỳ ai, không phân biệt giới tính, chủng tộc hay hoàn cảnh kinh tế - xã hội. Tự kỉ được đặc trưng bởi những hạn chế trong tương tác xã hội, giao tiếp bằng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ, cùng với các hành vi, sở thích và hoạt động mang tính lặp đi lặp lại và phạm vi hẹp” [27, tr 1]. Đây là một định nghĩa được đánh giá là đầy đủ và phổ biến trong các tài liệu nghiên cứu hiện nay.

Theo ICD -11 (2019), rối loạn phổ tự kỉ là những chứng rối loạn phổ tự kỉ theo ICD-10, được bổ sung thêm rối loạn Asperger, bao gồm nhóm các chứng rối loạn phát triển thần kinh, thiếu hụt quan trọng trong các kĩ năng xã hội, giao tiếp, tình cảm và thấu cảm.

Từ đó có thể hiểu rằng: “Tự kỉ là một dạng khuyết tật phát triển phức tạp, đặc trưng bởi ba biểu hiện chính: khó khăn trong giao tiếp, hạn chế trong tương tác xã hội và các hành vi, sở thích mang tính rập khuôn, lặp lại và giới hạn. Rối loạn phổ tự kỉ bao gồm nhiều dạng rối loạn có chung đặc điểm cơ bản nhưng khác nhau về mức độ, phạm vi biểu hiện, thời điểm xuất hiện cũng như tiến trình phát triển của triệu chứng theo thời gian. Phụ huynh thường phát hiện những biểu hiện bất thường ở trẻ trong khoảng hai năm đầu đời. Những dấu hiệu này có xu hướng xuất hiện một cách từ từ, mặc dù một số trẻ vẫn có thể đạt các mốc phát triển đúng thời gian rồi sau đó lại có dấu hiệu chững lại

hoặc thụt lùi.” Trong luận văn này, chúng tôi quan niệm TTKTĐTVTN là trẻ em bị tự kỷ có độ tuổi từ 12 đến 17 tuổi.

Theo Hiệp hội Tâm thần Hoa Kỳ, rối loạn phổ tự kỷ (ASD) được phân thành ba mức độ dựa trên mức độ hỗ trợ cần thiết, bao gồm:

Mức độ 1: Cần hỗ trợ (Requiring Support): Có khó khăn trong giao tiếp xã hội nhưng vẫn có khả năng giao tiếp bằng lời nói. Hành vi lặp lại, cứng nhắc gây ảnh hưởng đến sinh hoạt hằng ngày. Có thể học tập tại trường hòa nhập nếu được hỗ trợ phù hợp.

Mức độ 2: Cần hỗ trợ đáng kể (Requiring Substantial Support): Khó khăn rõ rệt về giao tiếp xã hội. Hành vi lặp lại xuất hiện thường xuyên, khó thay đổi. Cần hỗ trợ thường xuyên trong học tập và sinh hoạt.

Mức độ 3: Cần hỗ trợ rất đáng kể (Requiring Very Substantial Support): Khiếm khuyết nghiêm trọng trong giao tiếp. Hành vi lặp lại và cứng nhắc rất rõ. Phụ thuộc nhiều vào người chăm sóc trong các hoạt động hằng ngày.

Hiện nay, các cơ sở đào tạo hướng nghiệp thường phân chia ra các mức độ nặng của rối loạn phổ tự kỷ để lên kế hoạch đào tạo hướng nghiệp. Các mức độ bao gồm: mức độ nhẹ, mức độ vừa, mức độ nặng và mức độ đặc biệt nặng.

1.1.2. Đặc điểm tâm sinh lý của trẻ tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên

Các khó khăn đặc thù về cảm giác ở thanh thiếu niên rối loạn phổ tự kỷ

Một số TTKTĐTVTN gặp vấn đề trong môi trường tác động lên xúc giác, thị giác và thính giác cũng như đòi hỏi các em sử dụng giác quan của hệ tiền đình làm các em lo lắng, sợ hãi. Các em có thể ăn vạ, khóc toáng lên khi gặp một chuyện rất nhỏ nào đó mà em không vừa ý. TTKTĐTVTN cũng gặp khó khăn trong việc sắp xếp các nguồn thông tin thành một chuỗi các hoạt động cho logic và phù hợp, một số em có phản ứng chậm so với cảm giác. Đa số TTKTĐTVTN bị trục trặc về hệ thống cảm giác. Muốn giúp các em thành công ở trường thì điều quan trọng là em không cảm thấy bị bối rối về cảm giác, tạo cho các em sự an toàn nhất có thể.

Đặc điểm nhận thức của trẻ tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên

Khả năng giải quyết vấn đề đặc biệt quan trọng trong học tập, đặc biệt khi có liên quan đến những khái niệm trừu tượng. Do đó, TTKTĐTVTN thường gặp khó khăn với những vấn đề bằng chữ, ước lượng, đại số và hình học - tất cả những điều này thường có tính trừu tượng cao.

Khả năng khái quát hóa các em gặp khó khăn khi áp dụng thông tin và kỹ năng học được vào hoàn cảnh khác nhau, với người khác dẫn đến việc các em bị căng thẳng và lo lắng khi thay đổi môi trường.

Khả năng thực hiện nhiệm vụ: các em gặp khó khăn về khả năng thực hiện nhiệm vụ hay quy định: khó khăn trong dàn xếp, sắp đặt, tổ chức, di chuyển sự chú ý từ việc này sang việc kia và làm nhiều việc cùng một lúc.

Thay đổi hướng chú ý là khó khăn khác của TTKTĐTVTN. Ví dụ như không biết chuyển hướng sự chú ý của mình từ việc làm xong bài sang việc lắng nghe thầy cô đưa chỉ dẫn mới cho cả lớp. Vì lý do này, làm nhiều việc cùng một lúc là điều khó khăn với TTKTĐTVTN, các em cần làm xong một việc sau đó mới bắt đầu làm việc khác và các em khó mà để qua một bên việc chưa hoàn tất để bắt đầu việc tiếp theo.

Về khả năng trí nhớ: *Ghi nhớ bằng cách học thuộc lòng*: TTKTĐTVTN thường có một vài vấn đề trong việc tái hiện lại các thông tin hoặc các số liệu được lưu trữ trong trí nhớ. *Trí nhớ ngắn hạn*: Trí nhớ ngắn hạn cho phép chúng ta nắm giữ một lượng thông tin trong khi trí tuệ thực hiện việc xử lý lượng thông tin đó và nó có thể là một khó khăn đối với những người mắc chứng RLPTK. Đây là kiểu trí nhớ mà bạn cần khi đang làm phép tính. *Nhớ chỉ để nhớ*: TTKTĐTVTN có thể quên mất rằng, các em có thông tin, các chiến lược hay các kỹ năng có thể có ích khi các em phải đối mặt với các vấn đề. Các em thường khó kết nối giữa tình huống hiện tại và một tình huống tương tự trong quá khứ. Có lẽ trí nhớ của các em chỉ lưu trữ thành các ngăn riêng rẽ và không có sợi dây liên kết giữa các phần trí nhớ riêng rẽ này. Các em có thể có vấn đề trong việc khôi phục lại thông tin, mặc dù có thể biết mình có các thông tin liên quan đến tình huống nhưng quên mất đường dẫn liên kết để xử lý các tình huống.

Đặc điểm ngôn ngữ và giao tiếp xã hội của trẻ tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên

Ngôn ngữ: Ngôn ngữ nói có vai trò quan trọng trong việc tạo ra những thành công về sau đối với người RLPTK. Một số em bước vào tuổi thiếu niên mới bắt đầu biết nói. Mặc dù vậy, việc phát triển ngôn ngữ sau lứa tuổi này dường như rất hiếm. Nhìn chung, có một số lượng khá lớn người RLPTK không có ngôn ngữ nói và với những người có ngôn ngữ nói thì họ vẫn còn những khiếm khuyết đáng kể trong tuổi trưởng thành.

Về giao tiếp xã hội có thể có 1 trong 4 biểu hiện sau: 1) Dửng dưng, tỏ ra xa lánh và thờ ơ với mọi người. Khi các em bức tức, rất khó làm cho các em nguôi ngoai; 2) Thụ động không tự ý khơi chuyện với ai nhưng chịu tương tác khi người khác mở đầu; 3) Tích

cực nhưng kì lạ: tự ý bắt chuyện với trẻ khác nhưng theo cách lạnh lùng, không thích hợp. Các em cũng không mấy chú ý đến câu trả lời của những ai mà mình tới khơi chuyện; 4) Trình trọng đúng bài bản, ăn nói cứng nhắc, hết sức lịch sự, dùng ngôn ngữ đúng phép tắc, có thể theo sát luật trong khi tương tác mà không biết linh động [14].

Như vậy, muốn đồng hành cùng con trong giai đoạn thanh thiếu niên, các cha mẹ cần hiểu được một số những đặc điểm tâm sinh lý của các em trong giai đoạn này như: những khó khăn về cảm giác, tri giác, tư duy, chú ý, ghi nhớ, ngôn ngữ, giao tiếp...

1.1.3. Hoạt động đào tạo hướng nghiệp

1.1.3.1. Đào tạo hướng nghiệp

Theo Điều 3 Luật Giáo dục nghề nghiệp 2014 [7] quy định về lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp như sau:

Giáo dục nghề nghiệp là một cấp học quan trọng nằm trong hệ thống giáo dục quốc dân, đóng vai trò thiết yếu trong việc đào tạo nguồn nhân lực phục vụ cho nền kinh tế. Mục tiêu của giáo dục nghề nghiệp là trang bị cho người học các trình độ kỹ năng nghề khác nhau, bao gồm trình độ sơ cấp, trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng, cùng với các chương trình đào tạo nghề nghiệp chuyên biệt khác. Những chương trình này nhằm đáp ứng nhu cầu cấp thiết của thị trường lao động, đặc biệt là nhu cầu về lao động có tay nghề phục vụ trực tiếp trong các lĩnh vực sản xuất công nghiệp, thương mại, xây dựng, nông nghiệp, cũng như các ngành dịch vụ như du lịch, nhà hàng, khách sạn, chăm sóc sức khỏe... Việc đào tạo được tổ chức dưới hai hình thức chính: Đào tạo chính quy, dành cho học sinh, sinh viên theo học liên tục, toàn thời gian tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, thường bắt đầu sau khi hoàn thành chương trình trung học cơ sở hoặc trung học phổ thông. Đào tạo thường xuyên, phù hợp với người đã đi làm hoặc người muốn chuyển đổi nghề, học theo hình thức linh hoạt như học tại chức, học ban đêm, học qua mạng... nhằm tạo điều kiện học tập suốt đời cho mọi đối tượng.

Đào tạo nghề nghiệp là toàn bộ quá trình tổ chức hoạt động dạy và học với mục tiêu cụ thể là cung cấp cho người học các kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và thái độ nghề nghiệp phù hợp. Những yếu tố này giúp người học sau khi hoàn thành chương trình đào tạo có thể tham gia ngay vào thị trường lao động với khả năng làm việc độc lập, hoặc có thể tự tạo việc làm cho bản thân thông qua khởi nghiệp nhỏ hoặc làm nghề tự do. Ngoài ra, đào tạo nghề cũng giúp người lao động có cơ hội nâng cao

trình độ tay nghề, thích nghi với sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ và yêu cầu công việc trong thời đại công nghiệp 4.0.

Theo đó, đào tạo nghề cho trẻ tự kỷ là quá trình học lý thuyết gắn liền với thực hành nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng và thái độ nghề nghiệp cho trẻ để hình thành nghề cho cá nhân, tạo ra việc làm cho người đó hoặc nâng cao trình độ nghề nghiệp.

1.1.3.2. Hoạt động hướng nghiệp

Theo định nghĩa trong Từ điển Tiếng Việt, hướng nghiệp là một hệ thống các phương pháp, hoạt động có định hướng nhằm giúp con người lựa chọn và xác định nghề nghiệp phù hợp với bản thân trong tương lai. Quá trình này được tiến hành dựa trên sự kết hợp hài hòa giữa nguyện vọng cá nhân, năng lực và sở trường riêng, cùng với nhu cầu của xã hội về nguồn lao động.

Hướng nghiệp có những nhiệm vụ cơ bản như: khảo sát, tìm hiểu đặc điểm tâm lý và thể chất của thanh thiếu niên, đặc biệt trong giai đoạn họ bắt đầu hình thành ý thức nghề nghiệp; đồng thời cung cấp cho họ kiến thức, thông tin cụ thể về tính chất, yêu cầu, môi trường làm việc của một số nghề, từ đó tạo điều kiện để mỗi người đưa ra lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với bản thân cả về năng lực lẫn điều kiện xã hội.

Dưới phương diện pháp luật, Luật Giáo dục nghề nghiệp đã đưa ra định nghĩa tổng quát về hoạt động hướng nghiệp trong giáo dục tại Khoản 1, Điều 9 [7, tr11] như sau:

Điều 9. Hướng nghiệp và phân luồng trong giáo dục

Hướng nghiệp trong lĩnh vực giáo dục là tập hợp các biện pháp được triển khai cả trong và ngoài phạm vi nhà trường, nhằm hỗ trợ học sinh có được những hiểu biết cần thiết về nghề nghiệp, từ đó có khả năng lựa chọn nghề nghiệp phù hợp dựa trên sự kết hợp giữa nguyện vọng cá nhân, năng lực sở trường và nhu cầu sử dụng lao động của xã hội.

Như vậy, hướng nghiệp là một hoạt động đa lĩnh vực, bao gồm các yếu tố như đánh giá năng lực cá nhân, quản lý định hướng nghề và hỗ trợ phát triển nghề nghiệp. Đây là một quá trình không diễn ra đột ngột mà bắt đầu từ những năm học phổ thông – khi học sinh còn đang trong môi trường học đường. Quá trình này diễn ra một cách liên tục, có hệ thống, với bước đầu là lựa chọn nghề nghiệp, tiếp theo là quá trình học tập, tích lũy kiến thức và kỹ năng chuyên môn, và cuối cùng là tìm kiếm cơ hội việc làm phù hợp với định hướng đã lựa chọn.

1.1.3.3. Hoạt động đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên

Hoạt động hướng nghiệp: Gồm hoạt động tìm hiểu về nghề nghiệp và hoạt động rèn luyện phẩm chất, năng lực theo định hướng nghề. Trong các hoạt động trên trẻ tự kỷ cần tham gia hoạt động để đạt được các yêu cầu cần đạt như tìm hiểu về nghề, yêu cầu của nghề đối với phẩm chất, năng lực của trẻ tự kỷ.

Đối với TTKTĐTVTN hiện nay, hoạt động hướng nghiệp tập trung vào 2 nội dung:

Hoạt động tiền hướng nghiệp, TTKTĐTVTN được đào tạo các kỹ năng sống, kỹ năng xã hội và giao tiếp, vận động thô, vận động tinh. Với lớp kỹ năng sống, trẻ được tìm hiểu về bản thân cơ thể mình, những dụng cụ an toàn và không an toàn, biết kỹ năng an toàn cá nhân, phòng tránh xâm hại, biết cạo râu... Ngoài ra các em còn biết kỹ năng tự phục vụ bản thân, kỹ năng tự vệ và phòng chống nguy hiểm, kỹ năng giao tiếp và ứng xử, kỹ năng tự quản lý, kỹ năng sống tại nhà. Trong hoạt động tiền hướng nghiệp, giáo viên thực hiện đánh giá mức độ phù hợp nghề của TTKTĐTVTN. Lớp tiền hướng nghiệp chính là bước đệm để các em đến với các lớp hướng nghiệp một cách hiệu quả hơn, thành thạo hơn.

Hoạt động hướng nghiệp: Hoạt động hướng nghiệp thực hiện các nội dung định hướng nghề nghiệp và rèn kỹ năng nghề cho trẻ. Mỗi khi nói đến tự kỷ, nhiều người đều nghĩ rằng tự kỷ chỉ xảy ra ở trẻ em nhỏ tuổi. Thực tế hội chứng tự kỷ tồn tại trong mỗi người ở nhiều độ tuổi khác nhau, thậm chí tồn tại suốt đời của người đó. Trẻ tự kỷ thường chậm phát triển, giảm khả năng tương tác xã hội, có những diễn biến cảm xúc, hành vi thất thường, rối loạn cảm giác tiền đình, bản thể. Với TTKTĐTVTN được phát hiện sớm, can thiệp sớm và ở mức nhẹ, vừa có thể tham gia học tập, học nghề, cũng có trẻ tự kỷ gặp nhiều khó khăn trong suốt cuộc đời.

Từ những nội dung trên, ta nhận thấy, hoạt động đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ vị thành niên từ 12 đến 17 tuổi gồm hai giai đoạn là tiền hướng nghiệp và hướng nghiệp chuyên sâu. Giai đoạn tiền hướng nghiệp, các em được rèn luyện các kỹ năng sống cơ bản làm nền tảng vững chắc và giúp giáo viên đánh giá mức độ phù hợp nghề nghiệp. Sau đó, trẻ sẽ chuyển sang hướng nghiệp chuyên sâu nhằm định hướng và rèn luyện kỹ năng nghề thực tế. Do hội chứng tự kỷ và những khó khăn đặc thù về tương tác, cảm xúc và giác quan nên việc hướng nghiệp đúng lứa tuổi từ 12 đến 17 tuổi không chỉ hỗ trợ các em vượt qua các rào cản phát triển mà còn mở ra cơ hội học tập và tự làm chủ cuộc sống.

Nhiều trẻ tự kỷ có khả năng nổi bật trong các lĩnh vực âm nhạc, toán học, công nghệ, nghệ thuật và kỹ sư – mặc dù số người thực sự sở hữu bộ não “bác học” khá hiếm. Nhiều nghiên cứu cho thấy TTKTĐTVTN thường được đánh giá là trung thực và đáng tin cậy trong các tương tác xã hội. Điều này xuất phát từ đặc điểm cốt lõi của rối loạn phổ tự kỷ là những hạn chế trong giao tiếp xã hội và nhận thức xã hội, khiến họ gặp khó khăn trong việc hiểu và sử dụng các hình thức giao tiếp mang tính hàm ý như nói mỉa mai, tăng bốc, nói giảm nói tránh hoặc cố ý lừa dối. Vì vậy, họ thường có xu hướng diễn đạt trực tiếp, đúng với suy nghĩ và cảm nhận của bản thân hơn so với người không mắc rối loạn phổ tự kỷ [29].

Tuỳ theo năng khiếu của từng TTKTĐTVTN, nhiều trẻ vẫn có thể làm được các công việc phù hợp. Với những trẻ có khả năng tư duy phân tích thực tế hoàn toàn có thể làm được các công việc như thiết kế (đồ họa, web..), thủ công, mỹ nghệ, làm bánh, chăm sóc thú cưng. Với những người có năng khiếu có thể tập trung làm nhiếp ảnh, hội họa, âm nhạc. Có một số trẻ tự kỷ có năng khiếu về nhiếp ảnh và hội họa nên được gia đình hướng nghiệp rất sớm và đạt được một số thành tựu nhất định. Với các trẻ tự kỷ không ngôn ngữ, các bạn vẫn hoàn toàn có thể làm các công việc trong các nhà kho, cửa hàng hoặc các xưởng lắp ráp đồ chơi thủ công...

Một số ngành nghề đang được hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN hiện nay gồm:

Những ngành nghề liên quan đến công nghệ thông tin như thiết kế đồ họa, web: Đây là nhóm nghề phù hợp với trẻ tự kỷ tuổi vị thành niên có hội chứng tự kỷ chức năng cao. Bởi các kỹ thuật của nhóm nghề này là các thao tác được lặp đi lặp lại, phù hợp với những đặc điểm nổi trội của trẻ tự kỷ chức năng cao. Vì thế, nếu nhóm TTKTĐTVTN này được đào tạo các kỹ năng thiết kế đồ họa một cách chuyên nghiệp thì các em có thể sáng tạo được ra nhiều sản phẩm có chất lượng xuất sắc.

Nhóm các nghề thủ công: Yêu cầu của các nhóm nghề thủ công cần có đôi bàn tay khéo léo, cẩn thận, tỉ mỉ. TTKTĐTVTN rất phù hợp với các công đoạn của các nghề thủ công. Trong nhóm nghề này, TTKTĐTVTN phù hợp với các nghề như đóng gói sản phẩm, đan, thêu,

Nhóm nghề làm bánh: Nghề làm bánh có nhiều thao tác mang tính dập khuôn, được lặp đi lặp lại như công đoạn pha chế nguyên liệu cần cân, đo, đong, đếm nguyên liệu như nước, bột, đậu, đỗ, ... rồi đến các kỹ thuật làm bánh, làm bột, trộn nguyên liệu, có các hoạt động lặp đi lặp lại nhiều lần. Vì vậy, trong quá trình đào tạo nghề, khi

giáo viên cung cấp cho trẻ công thức chung, không cần sáng tạo, thay đổi, các em có thể làm thuần thục được.

Nghề pha chế: Đây là nhóm nghề cần chính xác trong công đoạn đo, đo đếm nguyên vật liệu. Với TTKTĐTVTN khi được đào tạo các kỹ thuật và được lặp đi lặp lại, các em có thể thành thục trong các công đoạn pha chế đồ uống, bởi đây là đặc điểm nổi trội của TTKTĐTVTN nên các em sẽ làm còn tốt hơn cả những người không khuyết tật.

Nhóm ngành nghề thuộc lĩnh vực làm nông nghiệp: Với TTKTĐTVTN cũng phù hợp với nhiều nghề thuộc lĩnh vực nông nghiệp như trồng và chăm sóc cây cảnh, bonsai; trồng rau, trồng nấm, chăm sóc thú cưng, ...Bởi đây là nghề có nhiều công đoạn mang tính lặp lại, dễ thực hiện [24].

Nhóm ngành nghề thuộc lĩnh vực năng khiếu cá nhân như hội họa, âm nhạc, nhiếp ảnh giá... Tuy nhiên, nhiều thanh thiếu niên rối loạn phát triển có những năng lực của bản thân một cách vượt trội, có khả năng quan sát tỉ mỉ, tinh tế và cảm nhận rất riêng.

Như vậy, có thể thấy có nhiều ngành nghề có thể hướng nghiệp được cho TTKTĐTVTN hiện nay.

1.1.3.4. Yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên

Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN như sau:

Yếu tố thuộc về bản thân TTKTĐTVTN: Giai đoạn vị thành niên có thể nói là giai đoạn đem đến nhiều thay đổi nhất trong cuộc đời mỗi con người, đặc biệt là với những thanh thiếu niên rối loạn phát triển. Ở giai đoạn chuyển tiếp này, TTKTĐTVTN gặp vô vàn khó khăn. Sự thay đổi của cơ thể một cách nhanh chóng, sự phát triển chiều cao, cân nặng, sự thay đổi về đặc điểm tâm lý kèm sự thay đổi của sinh lý làm trẻ trở nên bối rối, vụng về trong nhiều hoạt động. Cùng với những khó khăn cốt lõi của trẻ tự kỷ như hạn chế trong vận động thô, vận động tinh, hạn chế trong việc phối hợp tay mắt cũng làm ảnh hưởng đến quá trình học nghề của trẻ. Tất cả những điều này làm cho trẻ khó khăn hơn trong việc kiểm soát cảm xúc.

Những yếu tố về mức độ tự kỷ, nhận thức, hành vi của TTKTĐTVTN cũng ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực đến quá trình hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN. Với trẻ có những đặc điểm mang tính vượt trội như khả năng chụp hình đập khuôn tốt, giúp trẻ làm tốt nhiều công đoạn có tính lặp đi lặp lại của nghề.

Yếu tố thuộc về gia đình:

Về nhận thức: Nhiều phụ huynh vẫn còn quan điểm cho rằng, TTKTĐTVTN chỉ cần được chăm sóc về mặt thể chất và sinh hoạt, mà không cần được rèn luyện hay học tập các kỹ năng lao động, kể cả những công việc đơn giản nhất. Một số gia đình thậm chí còn buông bỏ trách nhiệm, thiếu quan tâm đến định hướng tương lai cho con, không đặt kỳ vọng vào việc đào tạo hay dạy nghề cho các em. Thêm vào đó, nhiều bậc cha mẹ chưa thể nhận diện được điểm mạnh hoặc tiềm năng riêng biệt của con mà chỉ tập trung vào những khiếm khuyết, từ đó dẫn đến việc phủ nhận khả năng phát triển nghề nghiệp của trẻ. Hầu hết các gia đình còn thiếu thông tin chính xác và đầy đủ về các chương trình giáo dục, hướng nghiệp và đào tạo nghề phù hợp cho nhóm trẻ đặc biệt này. Ngược lại, với những gia đình có nhiều sự quan tâm đến hoạt động hướng nghiệp cho con thì giúp TTKTĐTVTN nhanh chóng được tiếp cận với hoạt động hướng nghiệp.

Về kỳ vọng: Ngược lại, cũng có những gia đình lại đặt kỳ vọng quá cao vào khả năng của TTKTĐTVTN mà không có sự tư vấn, định hướng phù hợp từ chuyên gia. Điều này có thể khiến trẻ lựa chọn những ngành nghề vượt quá khả năng tiếp nhận, dễ dẫn đến thất bại, hình thành tâm lý mặc cảm, tự ti và dần mất động lực tham gia vào các hoạt động lao động xã hội.

Về đặc điểm tâm lý trong gia đình: Việc chăm sóc trẻ TTKTĐTVTN kéo dài trong thời gian dài mà không mang lại hiệu quả rõ rệt có thể khiến gia đình rơi vào trạng thái căng thẳng. Nhiều cha mẹ hoặc người chăm sóc không còn thời gian dành cho nhau, dẫn đến xung đột, trách móc hoặc thậm chí bạo hành tinh thần trong gia đình. Những mâu thuẫn giữa các thành viên chăm sóc làm giảm chất lượng cuộc sống, đồng thời ảnh hưởng tiêu cực đến tinh thần của trẻ. Tình trạng mệt mỏi, áp lực tâm lý và stress kéo dài, cộng với khó khăn tài chính do chi phí chăm sóc cao, cũng làm giảm cơ hội và điều kiện để tổ chức các hoạt động hướng nghiệp hiệu quả cho trẻ.

Yếu tố thuộc về xã hội: TTKTĐTVTN hiện vẫn đối mặt với hạn chế về cơ hội việc làm. Thông tin tuyển dụng dành cho người khuyết tật trí tuệ, trong đó có trẻ tự kỷ, còn hạn chế và không phổ biến rộng rãi. Số lượng doanh nghiệp sẵn sàng tiếp nhận nhóm lao động này vẫn còn khiêm tốn, trong khi các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tiếp nhận người khuyết tật chưa thật sự mạnh mẽ hoặc đồng bộ. Cơ hội hòa nhập xã hội dành cho TTKTĐTVTN trong môi trường nghề nghiệp, giáo dục và lao động vẫn chưa được đảm bảo đầy đủ. Ngoài ra, các chương trình đào tạo nghề chuyên biệt hoặc chương trình hỗ

trợ việc làm dành riêng cho TTKTĐTVTN còn thiếu về cả số lượng lẫn chất lượng, gây khó khăn cho quá trình tiếp cận nghề nghiệp phù hợp của các em.

Những quan điểm, chính sách của nhà nước như: Gánh nặng; bỏ rơi không thể quan tâm cho những đối tượng TTKTĐTVTN nặng, những giải pháp cụ thể về đào tạo hướng nghiệp và dạy nghề; doanh nghiệp có sẵn sàng chấp nhận thanh thiếu niên khuyết tật vào làm việc; chưa có chính sách hỗ trợ cụ thể đối với việc định hướng nghề nghiệp cho TTKTĐTVTN.

1.1.4 Các lý thuyết áp dụng

1.1.4.1 Lý thuyết nhu cầu Maslow

Thuyết nhu cầu được nhà tâm lý học Abraham Maslow đưa ra vào năm 1943 với nhiều nội dung về nhu cầu của con người.

Maslow đã phân nhu cầu của con người theo 2 nhóm chính là nhu cầu cơ bản và nhu cầu nâng cao. Với nhóm nhu cầu cơ bản là nhu cầu thuộc về yếu tố mang tính sinh lý của con người như nhu cầu cần ăn, uống, ngủ nghỉ... để đảm bảo mỗi người có thể tồn tại và phát triển. Đây là nhu cầu thiết yếu mang tính sống còn, con người cần các nhu cầu này để sống và luôn đấu tranh để có được những nhu cầu này trước hết.

Những nhu cầu nâng cao hay còn gọi là nhu cầu bậc cao. Khi con người đã đáp ứng được các nhu cầu cơ bản, thì mỗi người cần có các nhu cầu để đáp ứng yêu cầu tinh thần như được yêu thương, tôn trọng, được thuộc về nhóm xã hội và được khẳng định bản thân...



Nhà tâm lý học Maslow xây dựng một lý thuyết nhu cầu của Maslow về nhu cầu của con người gồm 5 tầng bậc như sau:

Bậc 1: Những nhu cầu về mặt sinh học: Đây là những nhu cầu thiết yếu nhất cho cơ thể sống của mỗi cá nhân, bao gồm các nhu cầu cần có thức ăn, có nước uống, có không khí để thở, có nơi để ngủ, và nhu cầu sinh hoạt tình dục... Những nhu cầu này được Maslow đặt nấc thang đầu tiên, được coi là nhu cầu quan trọng bậc nhất.

Bậc 2: Nhu cầu về đảm bảo an ninh và an toàn. Đây là nhu cầu ở bậc thang thứ 2, nhu cầu liên quan đến sự an toàn về thể chất và tâm lý. Con người cần được đảm bảo sự yên tâm về thể chất, sức khỏe, tài sản, công việc, gia đình... Đây là nhu cầu lí giải cho việc con người luôn chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, đảm bảo yên tâm cho cuộc sống. Và mỗi cá nhân luôn mong muốn những chính sách hỗ trợ của nhà nước đảm bảo cho cuộc sống bình ổn, ổn định của người dân trong mọi hoàn cảnh khỏi rủi ro, hoạn nạn, thiên tai.... Đó không chỉ là những hoạt động mang tính an toàn trước mắt mà cả những hành động đảm bảo sự lâu bền trong tương lai như chính sách bảo hiểm, hưu trí, tiết kiệm, tích lũy...

Bậc 3: Nhu cầu được yêu thương: Con người luôn có nhu cầu yêu thương gắn bó. Đó là sự gắn bó bạn bè, gia đình, người thân, người bạn đời, đồng nghiệp và tham gia vào các tổ chức chính trị xã hội, cơ quan, đoàn thể. Do đó, con người luôn có nhu cầu tương tác, giao tiếp với những người khác, luôn cần có cảm giác được yêu thương, che chở, bảo vệ.

Bậc 4: Nhu cầu được tự trọng: Đây là những nhu cầu thể hiện sự thỏa mãn về địa vị, lòng tự trọng, sự uy tín và quyền lực. Ở nhu cầu này con người thể hiện sự cống hiến, phấn đấu cho vị trí của bản thân. Họ phấn đấu để trở nên có ích cho xã hội, cho gia đình, cho nhóm nhỏ trong từng hoàn cảnh. Mỗi cá nhân đều khẳng định vị trí, vai trò và tầm quan trọng của bản thân trong chuỗi hoạt động của cuộc sống.

Bậc 5: Nhu cầu thể hiện bản thân: Đây là nhu cầu con người muốn được tôn trọng và được người khác tôn trọng. Con người phấn đấu để mình trở nên có giá trị, có niềm tin, có lòng tin, có bản lĩnh, tự tin, tự hoàn thiện bản thân về mọi mặt.

Giáo dục hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN là một phương thức quan trọng không chỉ giúp các em phát triển các kỹ năng nghề nghiệp mà còn đáp ứng được các nhu cầu theo thang nhu cầu Maslow, đặc biệt là các nhu cầu ở cấp độ cao hơn. Khi TTKTĐTVTN được tiếp xúc và học hỏi thông qua các công việc, từ những nhiệm vụ đơn giản đến phức

tập, các em có cơ hội khám phá và phát huy khả năng tiềm ẩn của mình. Việc này không chỉ giúp trẻ nhận diện được điểm mạnh của bản thân mà còn tạo ra môi trường để trẻ tự tin thể hiện mình, từ đó giúp trẻ cảm nhận được giá trị cá nhân. Việc gia tăng tương tác với môi trường xung quanh cũng giúp trẻ gia tăng cảm giác về sự an toàn.

Khi TTKTĐTVTN có thể làm việc và tạo ra những sản phẩm có ích cho xã hội, chúng không chỉ thỏa mãn nhu cầu tự thể hiện mà còn góp phần làm gia tăng lòng tự trọng và sự công nhận từ người khác. Đây là một yếu tố quan trọng giúp các em cảm thấy mình có giá trị và đáng được tôn trọng, đồng thời cũng là niềm vui và sự động viên lớn đối với gia đình trẻ. Khi gia đình thấy con cái có thể tạo ra giá trị cho xã hội, họ sẽ cảm thấy tin tưởng vào khả năng của trẻ, từ đó giúp củng cố mối quan hệ và sự hỗ trợ lẫn nhau. Trẻ cần cảm thấy mình có thể đạt được thành công, dù là những bước tiến nhỏ trong cuộc sống, và được công nhận vì những cố gắng của mình. Điều này không chỉ giúp trẻ xây dựng lòng tự trọng mà còn tạo động lực để trẻ tiếp tục phát triển. Sự khích lệ và động viên từ gia đình, giáo viên hay những người chăm sóc sẽ giúp TTKTĐTVTN cảm thấy tự tin hơn, mạnh mẽ hơn trong việc vượt qua những thách thức.

Bên cạnh đó, việc có thu nhập từ công việc không chỉ giúp TTKTĐTVTN giảm bớt gánh nặng cho gia đình mà còn tăng cường cảm giác an toàn và độc lập. Trẻ sẽ có thể nuôi sống bản thân trong tương lai, và điều này đặc biệt quan trọng khi trẻ không còn sự hỗ trợ trực tiếp từ gia đình. Giáo dục hướng nghiệp giúp trẻ TTKTĐTVTN nhận thức được sự độc lập tài chính của mình, đồng thời làm giảm nỗi lo lắng về tương lai không có sự chăm sóc trực tiếp từ gia đình [24].

Từ những phân tích trên, có thể thấy rằng thông qua quá trình học tập hướng nghiệp này, trẻ được đáp ứng đầy đủ các nhu cầu cơ bản như an toàn, nhu cầu xã hội, nhu cầu được tôn trọng và tự thể hiện. Giáo dục hướng nghiệp không chỉ tạo ra cơ hội nghề nghiệp cho TTKTĐTVTN mà còn giúp các em cảm nhận được sự hòa nhập và thành công trong xã hội, đồng thời giúp gia đình cảm thấy yên tâm và tin tưởng về sự phát triển của con em mình.

1.1.4.2 Lý thuyết hệ thống

Thuyết hệ thống là một lý thuyết được hình thành dựa trên sự kế thừa và phát triển từ các công trình nghiên cứu của nhiều học giả tiêu biểu, trong đó có Ludwig von Bertalanffy, Hearn và một số tác giả khác. Ban đầu, đây là một học thuyết có nguồn gốc từ lĩnh vực sinh học, với quan điểm cốt lõi cho rằng mọi tổ chức sống đều là những hệ

thống, được cấu thành từ các hệ thống nhỏ hơn (hay tiểu hệ thống), đồng thời chính nó cũng là một phần tử trong một hệ thống lớn hơn.

Theo nghĩa rộng, thuyết hệ thống được áp dụng để lý giải rằng mọi sự vật, hiện tượng, cá nhân, tổ chức hay cộng đồng trong tự nhiên và xã hội – thậm chí trong chính con người – đều tồn tại như những chỉnh thể có cấu trúc, bao gồm nhiều thành phần có mối liên hệ chặt chẽ, tương tác và ảnh hưởng lẫn nhau. Các hệ thống này hình thành nên một cấu trúc phân tầng, được sắp xếp theo những cấp độ khác nhau, vận hành trong mối quan hệ hữu cơ và tuân theo quy luật khách quan.

Tư duy hệ thống giúp con người hiểu rằng không thể tách rời một yếu tố riêng lẻ khỏi tổng thể, bởi mỗi thành phần đều có vai trò và sự ảnh hưởng nhất định đến toàn hệ thống, và ngược lại, hệ thống cũng chi phối sự tồn tại và phát triển của từng bộ phận bên trong nó. Như vậy, theo trật tự tự nhiên thì mọi hệ thống tự nó đã là một chỉnh thể hoàn hảo, nếu phá vỡ trật tự đó hoặc đi ngược với trật tự đó rất có thể phải trả giá - hậu quả tiêu cực.

Khái niệm hệ thống được hiểu và các hình thức can thiệp dựa vào hệ thống cũng có những thay đổi tương đối khi được vận dụng vào thực tiễn. Những định nghĩa cần tiếp cận là hệ thống, hệ thống mở, hệ thống đóng, động năng, đường biên, sự phản hồi.

Theo quan điểm của lý thuyết hệ thống, hệ thống được định nghĩa là bất kỳ đơn vị hay tổ chức nào có ranh giới xác định, bao gồm một tập hợp các yếu tố hoặc bộ phận có mối liên kết và tương tác chặt chẽ với nhau để thực hiện một hoặc nhiều chức năng nhất định. Những hệ thống này có thể mang nhiều hình thái khác nhau, không chỉ đơn thuần là những thực thể vật chất mà còn có thể mang tính xã hội, kinh tế, lý luận hoặc thực tiễn. Ví dụ, một tổ chức xã hội, một doanh nghiệp, một cá nhân, hay thậm chí là một nhóm cộng đồng đều có thể được xem là một hệ thống. Trong hệ thống đó, từng thành phần không tồn tại riêng lẻ mà có sự gắn bó, ảnh hưởng qua lại lẫn nhau và cùng vận hành để đạt tới một mục tiêu chung.

Ngay cả bản thân mỗi cá nhân con người cũng là một hệ thống hoàn chỉnh. Con người không chỉ là một cá thể đơn lập mà là một tổng thể thống nhất của nhiều tiểu hệ thống như: hệ thống sinh lý (các cơ quan trong cơ thể), hệ thống nhận thức (quá trình tư duy, tiếp nhận và xử lý thông tin), hệ thống cảm xúc (quản lý và biểu hiện tình cảm), hệ thống hành vi (phản ứng và hành động), và hệ thống phản xạ (cơ chế đáp ứng tự nhiên

với môi trường). Các tiểu hệ thống này hoạt động đồng bộ và tương tác lẫn nhau, tạo nên sự vận hành hài hòa trong đời sống cá nhân.

Một điểm mấu chốt trong lý thuyết hệ thống là sự phân biệt giữa hệ thống mở và hệ thống đóng.

Hệ thống mở là hệ thống có khả năng trao đổi thông tin, năng lượng hoặc tài nguyên với môi trường bên ngoài. Đây là những hệ thống luôn chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố ngoại vi, đồng thời cũng có khả năng tác động trở lại môi trường xung quanh. Sự tương tác này mang tính hai chiều và thường xuyên, giúp hệ thống thích nghi, phát triển và duy trì trạng thái cân bằng động. Trong giáo dục hoặc công tác xã hội, một trường học, một gia đình hay một cộng đồng là những ví dụ điển hình của hệ thống mở, khi chúng không chỉ tiếp nhận tác động từ xã hội mà còn ảnh hưởng ngược lại đến cộng đồng xung quanh. Ngược lại, hệ thống đóng là hệ thống có ranh giới khép kín, ít hoặc không có sự tương tác với bên ngoài. Các hệ thống này tự điều chỉnh và hoạt động chủ yếu dựa trên các quy luật nội tại, không phụ thuộc vào các yếu tố ngoại vi. Trong thực tế, rất hiếm hệ thống nào hoàn toàn đóng, bởi mọi tổ chức đều có phần nào sự liên kết với môi trường, nhưng khái niệm hệ thống đóng vẫn có ý nghĩa trong việc phân tích các mô hình vận hành tự thân, khép kín.

Một hệ thống, để vận hành hiệu quả, cần đến một số thành phần cơ bản:

Động năng (energy or drive): Là nguồn lực duy trì chu trình hoạt động của hệ thống. Động năng có thể được hình thành từ nguồn lực nội tại như con người, tài chính, kiến thức, năng lượng sẵn có trong hệ thống hoặc từ sự tương tác bên ngoài như các mối quan hệ xã hội, chính sách hỗ trợ, tác động của cộng đồng. Sự có mặt và vận hành của động năng là điều kiện tiên quyết để hệ thống không bị trì trệ hoặc rơi vào trạng thái ngưng trệ.

Đường biên (boundary): Đây là ranh giới xác định hệ thống và phân biệt hệ thống với môi trường bên ngoài. Đường biên giúp hệ thống duy trì bản sắc riêng, kiểm soát thông tin và nguồn lực ra vào. Trong các mối quan hệ gia đình hay nhóm xã hội, đường biên còn thể hiện sự rõ ràng về vai trò, quyền hạn và trách nhiệm giữa các thành viên.

Sự phản hồi (feedback): Là một cơ chế then chốt, đặc biệt trong hệ thống mở, giúp hệ thống thu thập, xử lý và phản ứng với thông tin từ môi trường bên ngoài hoặc từ chính các hoạt động nội tại của hệ thống. Thông qua quá trình phản hồi, hệ thống có thể điều chỉnh hoạt động, cải thiện hiệu suất hoặc thay đổi cấu trúc để thích nghi tốt hơn

với hoàn cảnh. Ví dụ, trong công tác giáo dục trẻ rối loạn phát triển, phản hồi từ giáo viên, phụ huynh và bản thân trẻ sẽ là căn cứ để điều chỉnh chương trình, phương pháp can thiệp phù hợp.

Việc áp dụng lý thuyết hệ thống trong các lĩnh vực như giáo dục đặc biệt, công tác xã hội, tâm lý học cho phép chúng ta nhìn nhận một cách toàn diện hơn về mối quan hệ giữa cá nhân với môi trường, giữa nhu cầu và nguồn lực, giữa vấn đề và giải pháp. Trẻ rối loạn phổ tự kỷ, chẳng hạn, không thể được xem xét dưới góc nhìn cá nhân tách biệt mà phải được nhìn trong tổng thể hệ thống gồm gia đình, nhà trường, cộng đồng và chính sách xã hội. Khi hiểu rõ hệ thống mà trẻ đang tồn tại, người làm công tác hỗ trợ sẽ có chiến lược can thiệp linh hoạt, đồng bộ và hiệu quả hơn.

Trong quá trình giáo dục hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN thì không chỉ là sự tích cực từ bản thân trẻ mà cần sự tham gia của gia đình, nhà trường, các trung tâm hướng nghiệp, các tổ chức chính trị xã hội và doanh nghiệp đến chính sách xã hội. Mỗi hệ thống đó đều có vai trò quan trọng tạo ra sự thành công trong công tác hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN. Vì vậy, cần tạo ra sự liên kết giữa các hệ thống này nhằm xây dựng mạng lưới các chuỗi hoạt động tạo thuận lợi trong đào tạo hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN.

1.2. Cơ sở thực tiễn của đề tài nghiên cứu

1.2.1. Hệ thống chính sách, pháp luật về trẻ tự kỷ ở Việt Nam

Hiện nay, tại Việt Nam chưa có một Luật hay chính sách nào quy định riêng với trẻ TK nói chung cũng như lĩnh vực giáo dục hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN. Tuy nhiên có những Luật, nghị định, thông tư có quy định có liên quan đến trẻ tự kỷ như Luật người khuyết tật, Luật trẻ em năm 2016...

Tại Luật người khuyết tật, Luật số 51/2010/QH12 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, năm 2010 có quy định về 6 nhóm khuyết tật là khuyết tật nghe nói, khuyết tật nhìn, khuyết tật thần kinh, tâm thần, khuyết tật vận động, khuyết tật trí tuệ và khuyết tật khác. Với nhóm trẻ tự kỷ chưa được phân vào nhóm khuyết tật riêng và được hiểu như một dạng khuyết tật khác. Luật người khuyết tật cũng chia 3 mức độ khuyết tật là khuyết tật nhẹ, khuyết tật nặng và khuyết tật đặc biệt nặng (Khoản 2, điều 3, Luật người khuyết tật). Luật người khuyết tật cũng dành chương 5 để quy định về nội dung dạy nghề và việc làm cho người khuyết tật. Ngoài ra, Luật người khuyết tật cũng

có nội dung về chính sách bảo trợ xã hội cho người khuyết tật. Theo đó, người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng được nhận trợ cấp xã hội hàng tháng.

Sau 10 năm Luật Khuyết tật đi vào cuộc sống và bộc lộ những bất cập trong quá trình thực thi. Đầu năm 2019, Cục Bảo trợ - Bộ Lao động thương binh xã hội đã chính thức bổ sung thêm thuật ngữ “trẻ tự kỷ” vào Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 2/1/2019 quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện đã xác định dạng tật rối loạn phổ tự kỷ và đưa vào trong nhóm dạng tật khuyết tật khác.

Từ ngày 01/7/2021, Nghị định 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ chính thức có hiệu lực, mức hỗ trợ hàng tháng đối với người khuyết tật sẽ tăng. Trong Nghị định này đã qui định rất rõ về chế độ trợ cấp dành cho từng dạng khuyết tật, chế độ dành cho người trong gia đình chăm sóc người khuyết tật, chế độ cấp Bảo hiểm y tế dành cho người khuyết tật, hỗ trợ chi phí mai táng, hỗ trợ giáo dục, đào tạo và việc làm... Vì vậy, những nhóm trẻ tự kỷ được xác nhận khuyết tật sẽ nhận được trợ cấp và các chế độ phù hợp [3].

Có thể thấy, khi xác định trẻ tự kỷ là người khuyết tật thì trẻ tự kỷ đã chính thức được thụ hưởng một số chính sách của nhà nước về y tế, về học nghề, việc làm và trợ cấp xã hội. Tuy nhiên hệ thống chính sách pháp luật hiện hành quy định về giáo dục hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ còn nhiều vấn đề cần quan tâm.

1.2.2. Hệ thống chính sách, pháp luật về đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên ở Việt Nam

Hiện nay, việc hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN ngày càng nhận được sự quan tâm của xã hội, nhu cầu của các bậc phụ huynh có TTKTĐTVTN tìm hiểu về đào tạo hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN dần được tăng lên. Các chính sách về đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện hoạt động đào tạo hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN, các chính sách nổi bật như sau:

Trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật tại Việt Nam chưa có văn bản quy định dành riêng cho trẻ tự kỷ, chỉ có các văn bản quy định dành cho người khuyết tật, trong đó, trẻ tự kỷ là đối tượng được xác định là người khuyết tật.

Trong Luật Giáo dục năm 2019, Luật số 43/2019/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, năm 2010 quy định giáo dục hòa nhập là phương thức giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu và khả năng khác nhau của người học, bảo đảm quyền

học tập bình đẳng và không phân biệt đối xử (Điều 15 khoản 1). Đây là nền tảng để triển khai giáo dục hướng nghiệp cho học sinh tự kỷ trong trường phổ thông.

Về chính sách về giáo dục đối với trẻ tự kỷ: Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định tầm quan trọng của công tác giáo dục, chăm sóc trẻ em khuyết tật, trong đó có trẻ rối loạn phổ tự kỷ. Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành theo thẩm quyền và phối hợp ban hành các văn bản về chính sách giáo dục đối với trẻ khuyết tật, trong đó có trẻ rối loạn phổ tự kỷ, như:

Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật; những nội dung bao gồm: ưu tiên nhập học và tuyển sinh; miễn, giảm một số nội dung môn học, môn học hoặc hoạt động giáo dục trong chương trình giáo dục; đánh giá kết quả giáo dục; chính sách về học phí; chính sách về học bổng và hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập.

Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ban hành quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật; những nội dung bao gồm: tổ chức, hoạt động giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật; nhiệm vụ và quyền hạn của giáo viên, giảng viên, nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật và người khuyết tật.

Quyết định số 338/2018/QĐ-BGDĐT ban hành Kế hoạch giáo dục người khuyết tật giai đoạn 2018 - 2020 của ngành Giáo dục. Trong đó nhiệm vụ được thực hiện là: Khảo sát, đánh giá nhu cầu giáo dục người khuyết tật; Rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và đánh giá các Chương trình, đề án về giáo dục người khuyết tật; Tăng cường các Điều kiện nâng cao chất lượng giáo dục người khuyết tật; Phát triển hệ thống dịch vụ hỗ trợ giáo dục người khuyết tật

Các văn bản hướng dẫn địa phương thực hiện nhiệm vụ từng năm học đều có hướng dẫn về công tác giáo dục trẻ khuyết tật, trong đó có trẻ rối loạn phổ tự kỷ;...

Quyết định số 1069/QĐ-LĐTBXH ngày 27/9/2021 về ban hành kế hoạch thực hiện chương trình trợ giúp xã hội và phục hồi chức năng cho người tâm thần, trẻ em tự kỷ và người rối nhiễu tâm trí dựa vào cộng đồng giai đoạn 2021-2025 nhằm triển khai Quyết định số 1929/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Quyết định quy định rõ mục tiêu về trợ giúp giáo dục; về trợ giúp hướng nghiệp, lao động trị liệu, hỗ trợ sinh kế và văn hóa, thể thao.

Quyết định số 1190/QĐ-TTg ngày 05/8/2020 phê duyệt Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2030. Theo đó, giai đoạn 2021-2030 sẽ tăng thêm 3 nhóm hoạt động (12 nhóm so với 9 nhóm giai đoạn 2012-2020) là nhóm đối với phụ nữ khuyết tật; Hội NKT. Nội dung chính bao gồm: đặt mục tiêu bảo đảm người khuyết tật được tiếp cận bình đẳng các dịch vụ y tế, giáo dục, giáo dục nghề nghiệp, trợ giúp xã hội và các dịch vụ công; tăng cường phát triển giáo dục hòa nhập, hỗ trợ đào tạo nghề và tạo việc làm.

Quyết định số 1438/QĐ-TTg ngày 29/10/2018 đã đưa ra mục tiêu của đề án: “Phấn đấu đến năm 2025, trẻ em khuyết tật được tiếp cận với các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em tại cộng đồng để được hòa nhập cộng đồng và có cơ hội thực hiện đầy đủ các quyền của trẻ em khuyết tật”.

Có thể thấy, các chính sách của nhà nước nói đến đối tượng người khuyết tật chứ chưa có các chính sách dành riêng cho đối tượng trẻ tự kỷ. Điều này khiến cho trẻ và gia đình khó khăn trong việc tiếp cận và được thụ hưởng các chính sách. Ví dụ các gia đình muốn xin giấy xác nhận khuyết tật cho con cũng còn khó khăn. Đây sẽ là một trong số những vấn đề khó khăn của trẻ và gia đình trẻ rất cần có sự trợ giúp của nhân viên công tác xã hội, đặc biệt cần đến vai trò kết nối, biện hộ, tư vấn vận động chính sách cho trẻ và gia đình trẻ tự kỷ.

1.3. Tổng quan địa bàn nghiên cứu

1.3.1. Trung tâm nghiên cứu bồi dưỡng kỹ năng sống, hướng nghiệp hạt giống (S.E.E.D Center)

Trung tâm Nghiên cứu bồi dưỡng kỹ năng sống, hướng nghiệp Hạt Giống (S.E.E.D Center) thuộc “Hội Khoa học Tâm lý Giáo dục Việt Nam”, thành lập ngày 27/8/2019. Trung tâm có 3 cơ sở gồm 2 cơ sở tại Hà Nội và 1 cơ sở tại Yên Bái. Trung tâm gồm có 23 cán bộ nhân viên, 06 tình nguyện viên, trong đó có giáo viên dạy nghề, giáo viên chuyên ngành giáo dục đặc biệt, công tác xã hội, tâm lý học, công nghệ và nhân viên kinh doanh. Trung tâm nằm trong khu đô thị an ninh, trật tự giao thông tương đối thuận lợi trong địa bàn thành phố.

Xuất phát từ kinh nghiệm làm việc, nghiên cứu về trẻ rối loạn phổ tự kỷ và khuyết tật trí tuệ, trung tâm đã xây dựng một chương trình đào tạo phù hợp với hoàn cảnh xã hội ở Việt Nam, chính là mô hình của SEED Center.

Hoạt động chủ yếu của trung tâm chia làm 2 mảng, tiền hướng nghiệp và hướng nghiệp nghề. Lớp tiền hướng nghiệp chủ yếu đào tạo các kỹ năng sống, kỹ năng xã hội và giao tiếp, vận động thô, vận động tinh. Một mặt để các bạn có ý thức vận động, giảm các hành vi gây hại với chính mình và mọi người xung quanh. Một mặt để phục vụ cho nhu cầu đào tạo nghề. Với lớp hướng nghiệp nghề, các bạn vào đây sẽ được tham gia một số lớp, như làm hoa nghệ thuật, bao bì đóng gói sản phẩm, buro thiệp, các túi đựng đồ, làm các vật trang trí từ vải, làm bánh.

Hiện tại, Trung tâm có gần 100 em đang theo học với 5 phòng nghề: Phụ kiện trang sức handmade, làm bánh, làm hoa nghệ thuật, làm bao bì, thiệp và photoshop; 2 phòng dạy kỹ năng sống bao gồm kỹ năng tự phục vụ, kỹ năng xã hội, kỹ năng giao tiếp, vận động, tương tác nhóm và các môn học đặc thù hỗ trợ cho học nghề như Toán chức năng và Tiếng Việt chức năng.

Không giống một số mô hình đào tạo hướng nghiệp cho người khuyết tật hiện nay đang có, mô hình của SEED tập trung vào đối tượng thanh thiếu niên rối loạn phổ tự kỷ và khuyết tật trí tuệ. Trung tâm có triết lý giáo dục: “Gieo hạt mầm yêu thương, đón tương lai rực rỡ”, trung tâm vừa dạy nghề phù hợp với khả năng và nhu cầu của mỗi trẻ PLRTK vừa dạy các em kỹ năng sống, kỹ năng làm việc tự lập, làm việc nhóm và ứng dụng Toán, Tiếng Việt vào giải quyết các tình huống trong cuộc sống.

Trung tâm được thành lập có những chức năng, nhiệm vụ như sau: Chức năng nghiên cứu: Nghiên cứu, tổng hợp các thành tựu trong và ngoài nước về mô hình phát triển kỹ năng sống, hướng nghiệp nghề cho thanh thiếu niên Rối loạn phát triển. Xây dựng và đề xuất mô hình, chương trình, phương pháp, hình thức, tài liệu, học liệu về kỹ năng sống và hướng nghiệp nghề cho Thanh thiếu niên Rối loạn nhằm giúp các em có cuộc sống tự lập và hòa nhập cộng đồng.

Chức năng dịch vụ khoa học công nghệ: Cung cấp các dịch vụ chuẩn đoán, đánh giá, lập kế hoạch hỗ trợ cá nhân, tư vấn; bồi dưỡng các chuyên đề cho các đối tượng có nhu cầu phát triển kỹ năng sống và hướng nghiệp cho thanh thiếu niên Rối loạn phát triển ở Việt Nam.

Chức năng liên kết hợp tác: Liên kết hợp tác với tổ chức cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các nhiệm vụ của trung tâm.

Nghiên cứu tổng hợp các kết quả nghiên cứu về bồi dưỡng kỹ năng sống và hướng nghiệp cho Thanh thiếu niên Rối loạn phát triển trên thế giới và tại Việt Nam.

Nghiên cứu mô hình phát triển kỹ năng sống và hướng nghiệp cho Thanh thiếu niên Rối loạn phát triển.

Nghiên cứu xây dựng chương trình, phương pháp, hình thức tổ chức phát triển kỹ năng sống và hướng nghiệp cho thanh thiếu niên Rối loạn phát triển.

Nghiên cứu và cung cấp tài liệu, học liệu, phương tiện hỗ trợ phát triển kỹ năng sống và hướng nghiệp phù hợp với Thanh thiếu niên rối loạn phát triển.

Nghiên cứu đặc điểm sinh lý của thanh thiếu niên rối loạn phát triển, những khó khăn, thách thức của các em.

Tại Trung tâm SEED, TTKTĐTVTN được đào tạo theo công đoạn để làm ra các sản phẩm handmade, làm bánh, bao bì, thiệp, hoa nghệ thuật và photoshop. Tiền kinh doanh bán từ sản phẩm của các em làm ra được trích mua nguyên liệu nghề, trả công sản xuất cho chính các em.

1.3.2. Trung tâm Hỗ trợ Giáo dục hòa nhập Yên Nghĩa Fruit House - Hà Đông

Trung Tâm Hỗ Trợ Giáo Dục Hòa Nhập Yên Nghĩa Fruit House - Hà Đông được trang bị một cơ sở vật chất hiện đại, nhằm phục vụ mục tiêu can thiệp sớm và phát triển toàn diện cho trẻ nhỏ.

Đội ngũ giáo viên

Đội ngũ giáo viên tại Trung tâm hỗ trợ giáo dục hòa nhập Yên Nghĩa Fruit House - Hà Đông là những người có trình độ chuyên môn cao và đầy tâm huyết, sẵn sàng cống hiến để mang lại sự phát triển tốt nhất cho các em nhỏ.

Có chuyên môn, kiến thức: Giáo viên tại trung tâm đều tốt nghiệp các ngành giáo dục đặc biệt, tâm lý, công tác xã hội và các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến trẻ đặc biệt. Sự hiểu biết sâu rộng và kỹ năng chuyên môn của các giáo viên là nền tảng vững chắc cho các chương trình can thiệp hiệu quả.

Có sự nhiệt tình, tâm huyết: Đội ngũ giáo viên của trung tâm luôn thể hiện sự nhiệt tình, tâm huyết đặc biệt với nghề. Trung tâm không ngừng nỗ lực để tạo ra môi trường học tập tích cực và đầy cảm hứng cho trẻ.

Có sự kiên nhẫn, yêu thương với các con: Mỗi giáo viên đều có lòng kiên nhẫn và tình yêu thương sâu sắc dành cho các em nhỏ. Trung tâm hiểu rằng mỗi bạn nhỏ đều cần thời gian và sự quan tâm đặc biệt để phát triển một cách tốt nhất.

Có sự tận tâm, tận lực trong việc lên giáo án, dạy dỗ các con: Giáo viên của trung tâm luôn làm việc tận tâm, tận lực trong việc xây dựng giáo án và giảng dạy. Các giáo viên dành nhiều thời gian, công sức để đảm bảo mỗi bài học đều phù hợp và hiệu quả nhất cho từng trẻ.

Có tinh thần cầu tiến, ham học hỏi: Đội ngũ giáo viên tại Fruit House không ngừng tìm kiếm và cập nhật các tài liệu, chương trình can thiệp mới để nâng cao chất lượng giảng dạy. Các giáo viên luôn duy trì tinh thần cầu tiến, ham học hỏi, sẵn sàng áp dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến nhất.

1.3.3. Trung tâm Ứng dụng nghiên cứu tâm lý Ngọc Ân

Trung tâm Ứng dụng nghiên cứu tâm lý Ngọc Ân được thành lập từ 21 tháng 10 năm 2020. Trung tâm có trụ sở tại số No08 LK41 – 42, Khu dịch vụ 16,17,18a,18b Dương Nội, phường Dương Nội, Thành phố Hà Nội. Trung tâm Ngọc Ân có sứ mệnh: “Trái tim ấm áp – Chu đáo ân cần – Sự nghiệp hưng thịnh” được thành lập bởi tâm huyết nhiệt thành của những thành viên sáng lập đó là giá trị 3 triết lý “Tâm – Đức – Tài”: Đối với chữ “Tâm”: Ngọc là tôn quý, Ân là nồng hậu. Ngọc Ân có ý nghĩa là trái tim ấm áp. Đây chính là triết lý sống của cái “Tâm”, là nét đẹp trong tâm hồn. Đối với chữ “Đức”: Ngọc là giúp đỡ, Ân là chu đáo. Ngọc Ân có ý nghĩa là chu đáo ân cần. Đây là triết lý sống của chữ “Đức”, được thể hiện ra bên ngoài. Đối với chữ “Tài”: Ngọc là thứ kim loại có kết cấu chắc chắn. Ân là thịnh vượng. Ngọc Ân có ý nghĩa là sự nghiệp hưng thịnh. Đây là triết lý sống thể hiện cái “Tài”, luôn duy trì và phát triển.

Trung tâm đã xây dựng cơ sở vật chất rất bài bản, phù hợp với điều kiện và đáp ứng được nhu cầu an toàn và nhu cầu học tập của trẻ. Tầng 1: giới thiệu mô hình của trung tâm, bài trí các sản phẩm mà các bạn được tham gia hướng nghiệp. Tầng 2: Lớp can thiệp trị liệu “Thiên Ân”, Chia làm 3 phòng: – Phòng “Mặt Trăng” – Can thiệp trị liệu, Phòng “Mặt Trời” – Can thiệp trị liệu, Phòng “Hoa Hướng Dương” – Tư vấn, đánh giá, can thiệp trị liệu trang bị các giáo cụ và công cụ học tập. Tầng 3: Lớp hòa nhập “Thiên Ngọc”, bố trí quầy mini bar, các máy móc thiết bị vận động hòa nhập. Tầng 4: chia làm 2 phòng: Phòng chuyên môn – đào tạo, Phòng điều hòa cảm giác (bố trí thiền – yoga, âm nhạc, hội họa). Tầng 5: Khu trị liệu vận động. Ngoài ra, ở các hành lang, trung tâm đều bố trí các rào chắn đảm bảo an toàn, có những pano hướng dẫn rửa tay, tưới cây,...

Đến nay, Trung tâm Ngọc Ân không chỉ dừng lại ở việc xây dựng cơ sở vật chất, mà còn đầu tư vào các chương trình giáo dục và trị liệu phù hợp với từng học viên. Bao gồm các chuyên gia tâm lý và giáo dục đặc biệt để tạo ra các khóa học, chương trình trị liệu giúp các học viên cải thiện kỹ năng giao tiếp, hòa nhập và tự lập. Bên cạnh đó, còn tạo điều kiện để các học viên tham gia vào nhiều hoạt động hướng nghiệp, nghệ thuật và thể thao nhằm phát triển toàn diện cả về mặt thể chất lẫn tinh thần. trách nhiệm và niềm tin vào sứ mệnh cao cả. Ngọc Ân không chỉ là nơi truyền đạt kiến thức, mà còn là ngôi nhà chung, nơi các em học viên tìm thấy niềm vui, sự tự tin, cơ hội phát triển toàn diện và việc làm trọn đời.

Từ những lớp học đầu tiên với số lượng học sinh khiêm tốn, đến hôm nay, Ngọc Ân đã không ngừng mở rộng và phát triển, tạo ra những cơ hội mới cho các em học viên có nhu cầu đặc biệt. Với đội ngũ giáo viên giàu kinh nghiệm và tâm huyết, trung tâm đã xây dựng một chương trình giáo dục toàn diện, nơi các em được phát triển cả về trí tuệ, thể chất và tâm hồn. tiếp tục cùng nhau phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục, không chỉ để trẻ tự kỷ, người khuyết tật có được những bài học tốt nhất, mà còn giúp các em tìm thấy vị trí của mình trong xã hội, tự tin khẳng định bản thân. Tầm nhìn hướng tới tương lai của Trung tâm Ngọc Ân là xây dựng một hệ thống giáo dục đặc biệt toàn diện và bền vững, nơi mà mọi học viên, dù hoàn cảnh nào, đều được yêu thương, thấu hiểu và phát triển.

Tiểu kết chương 1

Thực hiện hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN là một chủ trương kịp thời, đúng đắn của Đảng và Nhà nước, của xã hội, nhà trường và gia đình có trẻ TTKTĐTVTN. Chương 1, luận văn đã khái quát cơ sở lý luận về hoạt động hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN. Tại Chương 1 tác giả đã đưa ra các khái niệm cơ bản liên quan đến đề tài nghiên cứu, đã đưa ra được các khái niệm liên quan đến tuổi vị thành niên, trẻ tự kỷ, hoạt động đào tạo hướng nghiệp. Chương 1 tác giả cũng chỉ ra được nội dung cơ bản của hoạt động đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên; đồng thời tác giả đưa ra các yếu tố ảnh hưởng hoạt động hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN. Những vấn đề lý luận này là cơ sở để đánh giá thực trạng thực hiện hoạt động hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN ở chương 2.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG ĐÀO TẠO HƯỚNG NGHIỆP CHO TRẺ TỰ KỶ TRONG ĐỘ TUỔI VỊ THÀNH NIÊN

Trong chương 2, chúng tôi đánh giá nhận thức, nhu cầu đào tạo hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN và phân tích những chính sách đào tạo hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN trong độ tuổi vị thành niên thông qua những dữ liệu định lượng và định tính thu thập được từ bản thân và kết quả nghiên cứu của đề tài: “Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả chính sách đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ ở thành phố Hà Nội”. Trong đó tác giả là thành viên tham gia nghiên cứu, viết chuyên đề khoa học, thực hiện khảo sát đề tài.

2.1. Nhận thức và nhu cầu về đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên

2.1.1. Thực trạng và mức độ tự kỷ trẻ vị thành niên

Qua kết quả phân tích khảo sát phụ huynh có con tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên, chúng tôi có được số liệu về mức độ tự kỷ của trẻ, nhận thức và nhu cầu về đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tại địa bàn nghiên cứu. Những chỉ báo này có thể cho chúng ta thấy được bức tranh toàn cảnh xuất phát từ khách thể nghiên cứu là các bậc phụ huynh có con tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên và đánh giá của họ về tầm quan trọng của hoạt động hướng nghiệp cho con cái họ.

2.1.1.1. Đặc điểm trẻ tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên được hướng nghiệp

Kết quả khảo sát cho thấy tại 3 trung tâm hướng nghiệp có 85,6 % trẻ tự kỷ là nam và 14,4% trẻ tự kỷ là nữ. Số lượng trẻ tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên là nam chiếm phần lớn ở các trung tâm. Điều này cũng được phù hợp với con số thực tế tại các trung tâm dành cho trẻ tự kỷ hay các cơ sở y tế. Theo Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa Dịch bệnh Hoa Kỳ (CDC), tỷ lệ trẻ nam được chẩn đoán rối loạn phổ tự kỷ cao gấp khoảng 3,4–4 lần trẻ nữ.

“Nghiên cứu cho thấy số trẻ trai mắc tự kỷ nhiều hơn trẻ gái và tỷ lệ được chẩn đoán cao hơn 3-4 lần so với trẻ gái. Riêng tại khoa Tâm lý tại các bệnh viện, tỷ lệ này là 10:1” (Nữ, 50 tuổi, giám đốc trung tâm)

Về độ tuổi của trẻ tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên tại các địa bàn nghiên cứu phân bổ tập trung tại nhóm tuổi vị thành niên trong đó có 56,7 % trẻ có độ tuổi từ 12 đến 14 tuổi và 43,3% trẻ có độ tuổi từ 15 – 17 tuổi. Điều này khá dễ hiểu khi các trung

tâm mà đề tài tiến hành khảo sát đều là các trung tâm được thành lập với mục đích hướng nghiệp cho trẻ tự kỉ trong độ tuổi vị thành niên.

“Mục tiêu thành lập trung tâm ngay từ ban đầu là hướng đến các bạn trẻ tự kỉ ở độ tuổi lớn nhằm phát triển, định hướng nghề nghiệp, giúp các bạn có những kỹ năng để có thể tự nuôi sống bản thân, trở thành người có ích cho cộng đồng và gia đình” (Nữ, 29 tuổi, giáo viên).

Về đặc điểm của TTKTĐTVTN, ngoài những yếu tố cơ bản như giới tính, độ tuổi, thì một yếu tố vô cùng quan trọng là mức độ tự kỷ. Việc đánh giá mức độ tự kỷ cũng là cơ sở để có thể phân loại nghề nghiệp và hướng nghiệp phù hợp với từng trẻ tại các trung tâm.

Bảng 2: Mức độ tự kỉ

STT	Mức độ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Mức độ nhẹ	16	17,8
2	Mức độ vừa	37	41,1
3	Mức độ nặng	37	41,1
4	Mức độ đặc biệt nặng	0	0

Nguồn: Kết quả khảo sát tại 03 trung tâm đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trên địa bàn thành phố Hà Nội

Số liệu khảo sát cho thấy có phần lớn tỷ lệ TTKTĐTVTN ở mức độ vừa (41,1%) và mức độ nặng 41,1%. Giáo viên cho biết: *“TTKTĐTVTN mức độ vừa và nặng được tiếp cận với giáo dục hướng nghiệp nhiều hơn, vì đây là những trẻ có khó khăn nhiều trong học tập, nhưng về cơ bản, đáp ứng được việc giáo dục hướng nghiệp”*. (Nam, 37 tuổi, giáo viên). Trẻ có mức độ tự kỷ nhẹ chiếm 17,8%. TTKTĐTVTN mức nhẹ vẫn có thể học hòa nhập tại các trường phổ thông. Nên với tự kỷ mức nhẹ, trẻ vẫn theo đuổi con đường học tập phổ thông. Hiện nay tại các trung tâm không có trẻ tự kỷ trong tuổi vị thành niên có mức độ đặc biệt nặng vì việc chăm sóc và can thiệp cho trẻ tự kỷ bình thường cũng đã gặp nhiều khó khăn, các trẻ tự kỷ ở mức độ đặc biệt nặng thì gần như không thể thực hiện đào tạo hướng nghiệp và hoàn thành nhiệm vụ.

“Ở lớp, mình đang chia thành 3 cấp độ đáp ứng công việc của các bạn. Tại trung tâm có xây dựng quy trình nghề rõ ràng, dựa vào quy trình nghề, mình phân chia thành các cấp độ khác nhau: 80-90% quy trình nghề là các bạn khá và thực hiện được hết quy trình làm nghề, 50-60% là làm được một nửa quy trình nghề, 30-40% là các bạn đáp

ứng học được 1-2 bước nhỏ ban đầu. Mình đánh giá các bạn trên các công đoạn mà các bạn làm việc được. Mức độ đáp ứng công việc của các bạn dựa trên khả năng của các bạn. Các bạn làm sản phẩm dựa trên sự nhận thức của các bạn về sản phẩm đó, sự khéo léo của các bạn. Do khả năng phối hợp, tương tác cổ tay, giác quan ảnh hưởng đến việc bạn ấy hoàn thành được bao nhiêu % công việc. Ví dụ như các bạn bị đặc biệt nặng sẽ không tập trung, bị rối loạn về tâm lý, bị khó chịu trong người thì không thể ngồi yên để tạo ra sản phẩm được. Trước đây trong nhóm trẻ chị đang phụ trách có 1 bạn đã theo học được 4 năm ở trung tâm nhưng bạn là tự kỷ điển hình nên việc tiếp nhận kiến thức cũng không đạt được hiệu quả cao.” (Nữ, 35 tuổi, giáo viên)

Có thể thấy, mức độ nặng nhẹ của TTKTĐTVTN cũng ảnh hưởng rất nhiều đến công tác đào tạo hướng nghiệp cho trẻ. Còn 1 bộ phận TTKTĐTVTN mức độ đặc biệt nặng chưa được tiếp cận với giáo dục hướng nghiệp. Với những trường hợp tự kỉ điển hình việc đào tạo hướng nghiệp trở nên rất khó khăn, điều này càng đòi hỏi những sự giúp đỡ thiết thực hơn từ chính sách và các bên liên quan để trẻ tự kỷ điển hình có thể tiếp cận được với đào tạo hướng nghiệp.

2.1.1.2. Mức độ thực hiện các kỹ năng sống và kỹ năng nghề

Khi thực hiện giáo dục hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN, một đặc điểm từ trẻ cần quan tâm là kỹ năng sống và kỹ năng nghề. Những kỹ năng sống là những kỹ năng tiền hướng nghiệp và là yếu tố giúp trẻ tự kỷ hình thành kỹ năng nghề.

Bảng 3: Mức độ thực hiện các kỹ năng sống và kỹ năng nghề

Nội dung trang bị kiến thức	1.Kém		2.Yếu		3.TB		4.Khá		5.Tốt		ĐT B	TT
	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)		
1.Kỹ năng sống	8	8,8	22	24,4	35	38,9	19	21,1	6	6,7	2,9	4
2.Kỹ năng giao tiếp	9	10,0	32	35,6	26	28,9	16	17,8	7	7,8	2,78	5
3.Tự phục vụ	2	2,2	16	17,8	28	31,1	29	32,2	15	16,7	3,43	1
4.Thiết lập mối quan hệ	19	21,1	28	31,1	25	27,8	13	14,4	5	5,6	2,52	6

Nội dung trang bị kiến thức	1.Kém		2.Yếu		3.TB		4.Khá		5.Tốt		ĐTB	TT
	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)	SL	Tỷ lệ (%)		
5.Quản lý chi tiêu	40	44,4	28	31,1	14	15,6	5	5,6	3	3,3	1,92	11
6.Ứng phó với người lạ	23	25,6	28	31,1	28	31,1	7	7,8	4	4,4	2,34	7
7.Cách đi chợ	29	32,2	30	33,3	18	20,0	9	10,0	4	4,4	2,21	9
8.Kỹ năng hợp tác	9	10,0	18	20,0	31	34,4	28	31,1	4	4,4	3,00	3
9.Kỹ năng xây dựng và thực hiện kế hoạch	26	28,9	31	34,4	20	22,2	9	10,0	4	4,4	2,27	8
10.Kỹ năng giải quyết vấn đề	29	32,2	31	34,4	24	26,7	4	4,4	2	2,2	2,10	10
11. Kỹ năng sử dụng nghề đơn giản	4	4,4	18	20,0	42	46,7	18	20,0	8	8,9	3,09	2
Đánh giá chung											2,60	

Nguồn: Kết quả khảo sát tại 03 trung tâm đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trên địa bàn thành phố Hà Nội

Tại bảng 3 cho thấy mức độ thực hiện các kỹ năng sống và kỹ năng nghề được phụ huynh có con tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên đánh giá mức trung bình, có điểm trung bình là 2,60. Điều này cho thấy có nhiều điều chúng ta cần quan tâm, đánh giá trong việc rèn luyện kỹ năng sống và kỹ năng nghề cho TTKTĐTVTN. Cụ thể:

Kỹ năng tự phục vụ được phụ huynh đánh giá cao nhất, với điểm trung bình 3,43, ở mức khá. “Trong quá trình giáo dục hướng nghiệp, con tôi vẫn có ca can thiệp cá

nhân. Điều đó giúp các con có kỹ năng tự phục vụ tốt hơn. Các kỹ năng cơ bản về ăn, ngủ, vệ sinh, ... của con cũng tiến bộ hơn”. (Nữ, 33 tuổi, phụ huynh). Việc học nghề đòi hỏi trẻ cần đảm bảo yêu cầu cơ bản của kỹ năng tự phục vụ, có khả năng tự lập mức tối thiểu. Điều này “đa số trẻ tự kỷ đang học hướng nghiệp đã thực hiện được. Tuy nhiên vẫn có trẻ gặp khó khăn do rối loạn ăn uống, rối loạn cảm giác. Nên GV luôn ưu tiên việc rèn luyện kỹ năng tự phục vụ cho trẻ tự kỷ trước”. (Nữ, 37 tuổi, giáo viên). Như vậy, kỹ năng tự phục vụ của trẻ có 16,7% phụ huynh đánh giá ở mức tốt, 32,2% phụ huynh đánh giá mức khá. Cả giáo viên và phụ huynh có nhiều cố gắng, nỗ lực trong việc hướng dẫn, rèn luyện, hỗ trợ cho trẻ ở kỹ năng tự phục vụ.

Kết quả khảo sát cho thấy kỹ năng sử dụng nghề đơn giản của trẻ tự kỷ lứa tuổi vị thành niên đạt điểm trung bình là 3,09 và xếp vị trí thứ 2 trong số các nhóm kỹ năng được đánh giá. Con số này phản ánh một tín hiệu tích cực TTKTĐTVTN hoàn toàn có khả năng tiếp thu và thực hiện tốt các thao tác lao động căn bản nếu được hướng dẫn phù hợp. Khác với các kỹ năng nghề phức tạp đòi hỏi tư duy linh hoạt, nhóm kỹ năng sử dụng nghề đơn giản tập trung vào khả năng thực hành các chuỗi hành động có tính định hình và lặp lại. Cụ thể, trong lớp học làm hoa thủ công, trẻ không chỉ dừng lại ở việc nhận biết, phân loại nguyên liệu theo màu sắc hay kích thước, mà còn có thể áp dụng trực tiếp vào quá trình tạo ra sản phẩm như: chọn đúng màu hoa theo mẫu, cắt cành theo độ dài quy định hay dán ghép các chi tiết cơ bản. Việc thực hiện thành thực các thao tác đơn giản này chính là nền tảng cốt lõi, mở ra triển vọng giúp trẻ từng bước thích ứng với môi trường học nghề và hướng tới khả năng tự lập trong tương lai. “*Khi bắt đầu tham gia học tại trung tâm, các em sẽ được dạy 70% kỹ năng sống và 30% kỹ năng nghề tại cơ sở 1. Sau khi đạt được yêu cầu, các em sẽ tiếp tục học tại cơ sở 2, tại đây sẽ chuyên về dạy kỹ năng nghề 70% và kỹ năng sống chiếm 30%. Như vậy, hầu như các bạn đang tham gia học tại cơ sở 2 đã có kỹ năng sử dụng nghề đơn giản rồi*” (Nữ, 50 tuổi, giám đốc trung tâm).

Phụ huynh đánh giá một số kỹ năng của TTKTĐTVTN ở mức độ trung bình, bao gồm: kỹ năng hợp tác và kỹ năng sống (cùng điểm trung bình = 3,00, xếp hạng 3) và kỹ năng giao tiếp (điểm trung bình = 2,89, xếp hạng 5). Trong khi đó, các kỹ năng được nhận định ở mức yếu gồm: và giải quyết vấn đề (điểm trung bình = 2,10, xếp hạng 10); kỹ năng cách đi chợ (điểm trung bình = 2,21 xếp thứ 9), xây dựng kế hoạch (điểm trung

bình = 2,07, xếp hạng 8); ứng phó với người lạ (điểm trung bình = 2,34, xếp hạng 7), thiết lập mối quan hệ (điểm trung bình = 2,52, xếp hạng 6).

Kỹ năng quản lý chi tiêu có điểm trung bình là 1,92, xếp thứ tự thứ 11. Số liệu cho thấy có 44,4% phụ huynh đánh giá kỹ năng này của trẻ ở mức yếu. Mặc dù, các trung tâm có giáo dục cho trẻ việc sử dụng tiền, nhưng chỉ tiếp cận ở mức nhận biết con số, giá hàng các sản phẩm. Vì khả năng cộng trừ tiền và thực hành quản lý đồng tiền đối với trẻ là hạn chế. Do trẻ vẫn sống trong sự bao bọc của gia đình, không có nhiều cơ hội trải nghiệm thực tế về chi tiêu trong cuộc sống.

Kết quả này cho thấy, TTKTĐTVTN gặp nhiều khó khăn trong hình thành kỹ năng sống và kỹ năng nghề. Thể hiện đặc điểm điển hình của TTKTĐTVTN về những rối loạn trong tương tác, giao tiếp.

“So với trẻ phát triển bình thường, trẻ tự kỷ thường có mức độ phát triển kỹ năng thấp hơn rõ rệt, đặc biệt là ở các kỹ năng giao tiếp, xã hội và tự phục vụ. Điều này phần lớn xuất phát từ những hạn chế về mặt nhận thức, khả năng ngôn ngữ và sự thích nghi với môi trường xung quanh. Tuy nhiên, khi so sánh trong nội bộ nhóm trẻ tự kỷ với nhau, có thể thấy rằng những em được tham gia vào các chương trình hướng nghiệp, đào tạo kỹ năng hoặc can thiệp giáo dục đặc biệt có xu hướng thể hiện tốt hơn ở một số lĩnh vực. Cụ thể, các em thường có khả năng giao tiếp cơ bản, chẳng hạn như có thể lắng nghe và hiểu được các yêu cầu, mệnh lệnh đơn giản từ người lớn hoặc người hướng dẫn. Đây là dấu hiệu tích cực cho thấy việc hướng nghiệp sớm và đúng cách có thể giúp cải thiện phần nào kỹ năng và hành vi thích nghi của trẻ tự kỷ, từ đó nâng cao khả năng hòa nhập xã hội và tham gia vào các hoạt động lao động phù hợp trong tương lai.”
(Nam, 42 tuổi, phụ huynh)

“Với những trẻ có thể hướng nghiệp được là những trẻ có nhận thức tốt hơn một chút, các bạn có khả năng đọc viết, có khả năng diễn đạt mong muốn, nhu cầu của bản thân, vận động tinh, vận động thô khá ổn. Ngoài ra, việc tương tác, giao tiếp của các bạn có mức độ từ trung bình trở lên. Nếu như các bạn không có ngôn ngữ nói, có thể nghe, hiểu tốt, thực hiện các hoạt động theo yêu cầu. Hoặc các bạn độc lập trong chuỗi hoạt động của bạn đó thì đó là những biểu hiện của các bạn có thể hướng nghiệp được, tạo được việc làm cho bản thân. Tuy nhiên, mức độ đồng đều của các kỹ năng sống, kỹ năng nghề của trẻ khác nhau. Trẻ còn có kỹ năng mức yếu, kém. Bởi thế, những trẻ

hướng nghiệp tại trung tâm đều có nửa ngày học nghề, nửa ngày rèn các kỹ năng sống, kỹ năng tiền nghề và rèn luyện hành vi” (Nữ, 37 tuổi, giáo viên).

Có thể thấy rằng, đối với những TTKTĐTVTN có kỹ năng sống và kỹ năng nghề còn hạn chế, quá trình tham gia vào các hoạt động đào tạo nghề thường gặp phải nhiều khó khăn nhất định. Sự chậm trễ trong việc tiếp thu kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp cũng như những hạn chế trong khả năng thích nghi với môi trường học tập đòi hỏi giáo viên phải dành nhiều thời gian và công sức để hỗ trợ cá nhân hóa việc dạy học cho từng học sinh. Mặc dù vậy, cả phụ huynh và giáo viên đều thống nhất quan điểm rằng TTKTĐTVTN vẫn có tiềm năng để được định hướng nghề nghiệp và tham gia vào các chương trình học nghề từ giai đoạn sớm. Chính niềm tin này đóng vai trò như một động lực mạnh mẽ thúc đẩy sự hợp tác chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình trong việc xây dựng các chương trình hướng nghiệp phù hợp với đặc điểm, nhu cầu và năng lực cá nhân của từng trẻ. Từ đó, tạo điều kiện để các em từng bước phát triển kỹ năng cần thiết cho cuộc sống và công việc sau này, đồng thời góp phần nâng cao chất lượng giáo dục hòa nhập một cách bền vững.

2.1.2. Nhận thức của phụ huynh về đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên

Kết quả khảo sát cho thấy, phụ huynh có những nhận thức không đồng đều về mục đích và nhiệm vụ đào tạo hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN.

Kết quả khảo sát phụ huynh có con tự kỷ trong tuổi vị thành niên về mục đích muốn đào tạo hướng nghiệp cho con như sau:

Bảng 4: Mục đích muốn đào tạo hướng nghiệp cho con

TT	Mục đích	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Giúp con có cơ hội có việc làm, độc lập hơn trong cuộc sống	72	80,0
2	Mong muốn con có cơ hội hòa nhập cộng đồng	62	68,9
3	Giảm gánh nặng và nỗi lo với bố mẹ	46	51,1
4	Giúp xã hội có cái nhìn tích cực hơn về người mắc hội chứng tự kỷ	38	42,2

Nguồn: Kết quả khảo sát tại 03 trung tâm đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trên địa bàn thành phố Hà Nội

Như vậy có thể thấy đa số phụ huynh đều có nhận thức đầy đủ về mục đích của hoạt động hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN. Có 80,0% phụ huynh lựa chọn hướng nghiệp cho con giúp con có cơ hội có việc làm, độc lập hơn trong cuộc sống. 42,2% phụ huynh mong muốn xã hội có cái nhìn tích cực hơn về người mắc hội chứng tự kỷ. Qua số liệu trên, ta có thể thấy mong muốn của phụ huynh giúp con có việc làm, độc lập hơn là cao nhất. Điều đó, ta hiểu rằng mục đích đó là điều có thể thực hiện được còn đối với mục tiêu giúp xã hội có cái nhìn tích cực hơn về người mắc hội chứng tự kỷ còn phụ thuộc vào yếu tố xã hội rất nhiều. Đó cũng có thể đánh giá rằng phụ huynh kỳ vọng vào những mục đích dễ dàng đạt được, không bị phụ thuộc vào yếu tố xã hội hơn. Có thể thấy, phụ huynh có nhiều trăn trở, mong muốn, hy vọng khác nhau khi lựa chọn hướng nghiệp cho con.

“Với chị, cho con học nghề là mong con tự lập hơn, có thể phát triển các kỹ năng cá nhân, có thể có cơ hội có việc làm. Bởi chị xác định mình không thể nuôi con mãi cả đời được, hơn nữa bản thân con cũng cần trưởng thành hơn, không phụ thuộc vào bố mẹ.” (Nữ, 38 tuổi, phụ huynh).

“Đào tạo và hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ là vấn đề khó hơn người bình thường nhưng có thể làm được. Chúng tôi đã thực hiện đào tạo nghề thành công cho nhiều trẻ. Có trẻ đã kiếm được ra tiền, có lương tháng từ 5tr – 10 tr. Phụ huynh họ cũng mừng lắm. Quan trọng hơn nữa, quá trình đào tạo nghề là quá trình rèn kỹ năng, nhận thức, khả năng độc lập, tự chủ cho trẻ”. (Nữ, 50 tuổi, giám đốc trung tâm).

Với nhiều mục đích khác nhau khi lựa chọn hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN, cả phụ huynh, giáo viên và cán bộ quản lý đều nhận thấy tầm quan trọng của hoạt động hướng nghiệp cho trẻ TTKTĐTVTN. Đây là cơ hội giúp trẻ sớm độc lập trong cuộc sống, phát huy được những điểm mạnh của bản thân, trở thành thành viên có ích và thành công trong xã hội.

Từ những mục đích trên, chúng tôi tiến hành khảo sát những nhiệm vụ giáo dục hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN như: Trang bị các kiến thức, kỹ năng cho trẻ nhằm nâng cao tay nghề cho trẻ; Tham vấn cho phụ huynh, gia đình có trẻ tự kỷ trong quá trình giáo dục hướng nghiệp, dạy nghề cho trẻ; Hỗ trợ trẻ và gia đình có thể tiếp cận được các chính sách, nguồn lực xã hội; Trang bị cho trẻ kỹ năng nghề để làm ra sản phẩm có thu nhập thu được kết quả thể hiện tại bảng 5 như sau:

Bảng 5: Nhiệm vụ hướng nghiệp cho con

TT	Nhiệm vụ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Trang bị các kiến thức, kỹ năng cho trẻ nhằm nâng cao tay nghề cho trẻ	62	68,9
2	Tham vấn cho phụ huynh, gia đình có trẻ tự kỷ trong quá trình giáo dục hướng nghiệp, dạy nghề cho trẻ	50	55,6
3	Hỗ trợ trẻ và gia đình có thể tiếp cận được các chính sách, nguồn lực xã hội	42	46,7
4	Trang bị cho trẻ kỹ năng nghề để làm ra sản phẩm có thu nhập	49	54,5

Nguồn: Kết quả khảo sát tại 03 trung tâm đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trên địa bàn thành phố Hà Nội

Về nhiệm vụ hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN, có 68,9% phụ huynh cho rằng nhiệm vụ hướng nghiệp cho trẻ nhằm trang bị các kiến thức, kỹ năng cho trẻ để nâng cao tay nghề cho trẻ. Có 55,6% cho rằng hướng nghiệp có nhiệm vụ tham vấn cho phụ huynh, gia đình có TTKTĐTVTN trong quá trình giáo dục hướng nghiệp, dạy nghề cho trẻ. Có 54,4% phụ huynh đề cập đến nhiệm vụ trang bị cho trẻ kỹ năng nghề để làm ra sản phẩm có thu nhập. Có 46,7% cho biết để hỗ trợ trẻ và gia đình có thể tiếp cận được các chính sách, nguồn lực xã hội. Như vậy, nhiệm vụ hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN không chỉ tập trung vào việc trang bị cho trẻ kỹ năng nghề để làm ra sản phẩm có thu nhập hay trang bị các kiến thức, kỹ năng cho trẻ nhằm nâng cao tay nghề cho trẻ mà còn đặc biệt quan tâm đến tham vấn cho phụ huynh, gia đình có TTKTĐTVTN trong quá trình giáo dục hướng nghiệp, dạy nghề cho trẻ và hỗ trợ trẻ và gia đình có thể tiếp cận được các chính sách, nguồn lực xã hội. Điều này cho thấy cần tính mới, tính khác biệt trong hoạt động hướng nghiệp cho trẻ và sự thay đổi trong nhận thức của phụ huynh trong hoạt động hỗ trợ cho các con. Phụ huynh không chỉ nhấn mạnh vào việc can thiệp hành vi, giao tiếp, nhận thức cho TTKTĐTVTN mà hướng sang đào tạo hướng nghiệp cho con trong độ tuổi vị thành niên.

“Với các bạn này, có một tình trạng chung đó là trạng thái tâm lý của bạn bất ổn. Ví dụ, khi đào tạo nghề cắt may các bạn có thể rất thích. Nhưng theo thời gian có thể các bạn lại thay đổi cảm xúc, hành vi có khi các bạn lại không muốn học nghề đó nữa.

Nên trung tâm hay trao đổi thường xuyên với gia đình để điều chỉnh việc học nghề cho phù hợp”. (Nam, 48 tuổi, phụ huynh).

“Bản thân gia đình tôi thì từ khi biết con bị tự kỷ, chỉ tập trung vào phát triển ngôn ngữ, nhận thức, can thiệp hành vi. Rồi con vào cấp 2, việc học của con trở nên khó khăn hơn. Gia đình thấy theo đuổi học vẫn là việc quá khó với con. Bởi vậy, tâm tư này được giáo viên trung tâm nhận thấy. Các cô hỗ trợ tham vấn cho gia đình việc học nghề, giúp gia đình tiếp cận các chính sách về hướng nghiệp cho con”. (Nữ, 42 tuổi, phụ huynh).

Như vậy, cả phụ huynh và giáo viên đều có nhận thức đúng đắn về nhiệm vụ giáo dục hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN. Ngoài nhiệm vụ chính là trang bị các kiến thức, kỹ năng cho trẻ nhằm nâng cao tay nghề cho trẻ thì phụ huynh và giáo viên đều quan tâm đến các nhiệm vụ như tham vấn hướng nghiệp, hỗ trợ chính sách, tạo sản phẩm. Ngoài ra, phụ huynh cũng mong muốn trong quá trình hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN, cần có những nhiệm vụ khác như nâng cao nhận thức, quản lý hành vi cho TTKTĐTVTN....

2.1.3. Nhu cầu đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên

Qua phân tích kết quả khảo sát cho thấy, 100% phụ huynh có con tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên có nhu cầu cho con đào tạo hướng nghiệp, mong muốn con có việc làm và có thể tự lập.

2.1.3.1. Nhu cầu tiếp cận thông tin về đào tạo hướng nghiệp

Nhu cầu tiếp cận thông tin về đào tạo hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN thu được kết quả đều thấp, thể hiện tại bảng 6 như sau:

Bảng 6: Nhu cầu tiếp cận thông tin về đào tạo hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN

TT	Nhu cầu	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Từ phụ huynh có cùng hoàn cảnh	40	44,4
2	Mạng xã hội	34	37,8
3	Giáo viên	22	24,4
4	Cơ sở đào tạo hướng nghiệp	44	48,9
5	Người thân, người quen	22	24,4
6	Thông tin từ phương tiện truyền thông đại chúng	21	23,3

Nguồn: Kết quả khảo sát tại 03 trung tâm đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trên địa bàn thành phố Hà Nội

Để tìm kiếm thông tin liên quan đến hoạt động hướng nghiệp cho con em mình, các phụ huynh đã chủ động tiếp cận nhiều nguồn khác nhau. Trong đó, kênh được phụ huynh lựa chọn nhiều nhất là từ các cơ sở đào tạo hướng nghiệp, chiếm tỷ lệ 48,9%. Tiếp theo là các thông tin chia sẻ từ phụ huynh có con cùng hoàn cảnh (44,4%), mạng xã hội (37,8%), giáo viên (24,4%), người thân hoặc người quen (24,4%) và cuối cùng là các phương tiện truyền thông đại chúng (23,3%). Những số liệu này cho thấy phụ huynh có xu hướng ưu tiên tìm đến các nguồn thông tin chuyên môn hoặc mang tính trải nghiệm thực tiễn từ cộng đồng phụ huynh, thay vì hoàn toàn dựa vào kênh truyền thống như truyền thông đại chúng. Điều này cũng phản ánh nhu cầu thực tế về các kênh tư vấn hướng nghiệp có tính cá nhân hóa, gần gũi và thiết thực hơn đối với phụ huynh có con là trẻ rối loạn phát triển.

“Công tác hướng nghiệp dành cho trẻ tự kỷ tại trung tâm được đánh giá là khá hiệu quả. Phụ huynh cho biết, bản thân đã nhận thấy con mình có khả năng thực hiện tốt những công việc mang tính quy trình, lặp đi lặp lại, do đó khi tiếp cận với chương trình tư vấn nghề tại trung tâm, chị đánh giá rằng các hoạt động hướng nghiệp ở đây tương đối phù hợp với đặc điểm và năng lực của trẻ. Việc định hướng nghề nghiệp được xem là một hoạt động tích cực, không chỉ giúp trẻ có cơ hội học nghề mà còn mở ra triển vọng về khả năng tạo thu nhập độc lập trong tương lai. Đặc biệt, đội ngũ giáo viên tại trung tâm được ghi nhận là cung cấp thông tin tư vấn một cách rõ ràng, chính xác và dễ hiểu, đảm bảo phù hợp với trình độ nhận thức và khả năng tiếp thu của các em” (Nữ, 42 tuổi, phụ huynh).

“Chúng tôi hiện tham gia nhiều nhóm, diễn đàn dành cho phụ huynh có con mắc rối loạn phổ tự kỷ. Trong các không gian này, việc trao đổi, chia sẻ về những khó khăn, thách thức trong quá trình nuôi dạy con trở nên cởi mở và dễ dàng hơn, do có sự đồng cảm giữa các phụ huynh cùng hoàn cảnh. Thông qua đó, chúng tôi cũng thường xuyên chia sẻ cho nhau những thông tin hữu ích liên quan đến hoạt động hướng nghiệp cho trẻ. Tuy nhiên, bên cạnh nguồn thông tin từ cộng đồng phụ huynh, tôi vẫn đánh giá cao vai trò của các trung tâm hướng nghiệp trong việc tư vấn chuyên sâu và bài bản. Sự tư vấn từ các trung tâm không chỉ có tính chuyên môn cao mà còn giúp phụ huynh có định hướng rõ ràng hơn trong việc hỗ trợ con tiếp cận các cơ hội nghề nghiệp phù hợp” (Nữ, 33 tuổi, phụ huynh).

“Con trai tôi là một trẻ không có ngôn ngữ, vì vậy việc đánh giá nhu cầu, sở thích hay cảm xúc của con thông qua hành vi gặp nhiều khó khăn. Điều này khiến tôi cũng chưa thể xác định được công việc cụ thể nào thực sự phù hợp với con. Tuy nhiên, tại trung tâm hướng nghiệp, các giáo viên đã tạo điều kiện cho các em được trải nghiệm đa dạng các loại hình nghề nghiệp khác nhau. Con tôi đã từng được tham gia vào các hoạt động như làm bánh, cắm hoa, cắt may cùng với một số nghề thủ công khác. Do hạn chế về ngôn ngữ, cháu không đáp ứng được yêu cầu để tham gia các lớp nghề có sử dụng máy tính. Tuy vậy, trung tâm đã có những phương pháp hỗ trợ hiệu quả, giúp các em tiếp cận thử nghiệm nhiều nghề khác nhau và dần dần lựa chọn ra nhóm nghề phù hợp nhất với năng lực, đặc điểm hành vi và khả năng cá nhân của mỗi trẻ” (Nam, 48 tuổi, phụ huynh).

“Phụ huynh có con đang tìm hiểu nhu cầu, có mong muốn cho con học tại trung tâm thì họ có đăng kí đến trực tiếp trung tâm. Đa phần phụ huynh đến đã tìm hiểu qua những nền tảng khác như được người quen giới thiệu, qua facebook, qua website nhà trường. Họ quan tâm và tìm hiểu kỹ về trung tâm trước khi cho con đến nên gần như là khi họ đưa con đến trung tâm, được trung tâm tư vấn đều cho con tham gia các lớp học tại trung tâm. Tỷ lệ phụ huynh đưa con đến trung tâm tư vấn và cho con tham gia học tại trung tâm lên đến 90%” (Nữ, 29 tuổi, giáo viên).

Việc tiếp cận thông tin của phụ huynh về giáo dục hướng nghiệp cho kết quả mức chưa cao. Có thể thấy phụ huynh tham khảo thông tin hướng nghiệp từ nhiều kênh khác nhau. Nguồn thông tin được phụ huynh tin tưởng nhiều nhất đến từ chính các trung tâm hướng nghiệp, thông qua hội nhóm phụ huynh có con tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên. Bởi đây là những người thật, việc thật để phụ huynh tham khảo, tin tưởng. Phụ huynh có con tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên quan tâm nhiều đến hoạt động hướng nghiệp cho con, coi đó như là cái đích để hướng đến trong cuộc đời của con họ. Điều này chứng tỏ phụ huynh có nhu cầu cao trong việc tìm kiếm thông tin từ hoạt động hướng nghiệp cho con. Tuy nhiên, sự tiếp cận thông tin của phụ huynh từ các phương tiện truyền thông đại chúng vẫn còn mức rất thấp, (23,3%). Đây là điều mà công tác giáo dục hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN cần quan tâm thúc đẩy tính hiệu quả hoạt động tuyên truyền từ phương tiện truyền thông đại chúng. Điều này chứng tỏ phụ huynh có nhu cầu cao trong việc tìm kiếm thông tin từ hoạt động hướng nghiệp cho con.

2.1.3.2. Nhu cầu về mô hình đào tạo hướng nghiệp

Phụ huynh có TTKTĐTVTN có nhu cầu khác nhau về mô hình đào tạo hướng nghiệp cho trẻ. Tuy nhiên phụ huynh đều cho rằng cần có mô hình đào tạo hướng nghiệp chuyên biệt cho nhóm trẻ này.

Về mô hình đào tạo hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN thể hiện tại bảng 7 như sau:

Bảng 7: Nhu cầu lựa chọn mô hình đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên

Mô hình dạy nghề	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1. Nhà trường, cơ sở nhà nước chuyên biệt về hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ	21	23,3
2. Vừa học vừa làm tại cửa hàng, cơ sở sản xuất có hỗ trợ trẻ tự kỷ	56	62,2
3. Trường học hòa nhập (các trường dạy nghề có đào tạo cho trẻ tự kỷ)	18	20,0
4. Nhà trường, cơ sở tư nhân chuyên biệt về hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ	31	34,4
5. Cơ sở có sự hướng nghiệp giữa hướng nghiệp đào tạo nghề và xưởng sản xuất để làm việc	29	32,2
6. Học ở nhà, bố mẹ tự dạy	8	8,8
Tổng	90	100,0

Nguồn: Kết quả khảo sát tại 03 trung tâm đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trên địa bàn thành phố Hà Nội

Có 62,2% phụ huynh có nhu cầu cho con học nghề theo mô hình vừa học vừa làm tại cửa hàng, cơ sở sản xuất có hỗ trợ trẻ tự kỷ. Có 34,4% phụ huynh lựa chọn cho con học nghề tại nhà trường, cơ sở tư nhân chuyên biệt về hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ. Trong đó có 32,2% phụ huynh mong muốn cho con học nghề tại cơ sở có sự hướng nghiệp giữa hướng nghiệp đào tạo nghề và xưởng sản xuất để làm việc. Chỉ có 8,8% phụ huynh lựa chọn cho con học nghề ở nhà, bố mẹ tự dạy.

Như vậy, phụ huynh có nhu cầu cao với mô hình vừa học lý thuyết vừa học thực hành. Do những TTKTĐTVTN học nghề là những trẻ cần cầm tay chỉ việc, hướng dẫn tỉ mỉ, học đi đôi với thực hành ngay và liên tục. Nên mô hình vừa học vừa làm tại cửa hàng, cơ sở sản xuất có hỗ trợ TTKTĐTVTN được phụ huynh ưu tiên lựa chọn.

Học ở nhà, bố mẹ tự dạy được phụ huynh lựa chọn ít hơn 8,8%. Tìm hiểu sâu hơn về nội dung này, phụ huynh cho biết: “*Gia đình cũng có nghề truyền thống, nhưng việc dạy cho trẻ tự kỷ không dễ dàng. Bố mẹ không có nhiều kiến thức, hiểu biết về đặc điểm cơ bản của con, nên khó dạy con hơn*”. (Nữ, 33 tuổi, phụ huynh). Với TTKTĐTVTN, việc dạy nghề luôn đi kèm với hiểu đầy đủ về đặc điểm tâm sinh lý, hành vi của trẻ. Mỗi trẻ lại có những đặc điểm riêng biệt, nên việc dạy theo cách học, nhu cầu cụ thể của từng trẻ là cần thiết.

Điều này phù hợp với đánh giá của phụ huynh về tính hiệu quả từ các mô hình đào tạo nghề cho trẻ như sau:

Bảng 8: Mức độ hiệu quả từ các mô hình dạy nghề

Mô hình dạy nghề	Hoàn toàn không hiệu quả	Không hiệu quả	Ít hiệu quả	Hiệu quả	Rất hiệu quả	ĐTB	TT
1.Nhà trường, cơ sở nhà nước chuyên biệt về hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ	1	6	14	52	17	3,87	4
2.Vừa học vừa làm tại cửa hàng, cơ sở sản xuất có hỗ trợ trẻ tự kỷ	1	5	16	44	24	3,94	1
3.Trường học hòa nhập (các trường dạy nghề có đào tạo cho trẻ tự kỷ)	2	7	25	34	18	3,57	5
4.Nhà trường, cơ sở tư nhân chuyên biệt về hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ	1	4	18	48	19	3,89	2
5.Cơ sở có sự hướng nghiệp giữa hướng nghiệp đào tạo nghề và xưởng sản xuất để làm việc	1	5	25	31	28	3,89	2

Mô hình dạy nghề	Hoàn toàn không hiệu quả	Không hiệu quả	Ít hiệu quả	Hiệu quả	Rất hiệu quả	ĐTB	TT
6. Học ở nhà, bố mẹ tự dạy	8	19	42	16	5	2,90	6
Đánh giá chung	3,68						

Nguồn: Kết quả khảo sát tại 03 trung tâm đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trên địa bàn thành phố Hà Nội

Về mức độ hiệu quả của các mô hình đào tạo nghề được phụ huynh đánh giá có điểm trung bình là 3,68, mức hiệu quả. Trong đó hình thức hiệu quả được đánh giá cao nhất là vừa học vừa làm tại cửa hàng, cơ sở sản xuất có hỗ trợ TTKTĐTVTN, có điểm trung bình là 3,94, xếp thứ nhất. Giải thích cho điều này, phụ huynh cho rằng: “Đa số trẻ tự kỷ có khả năng quan sát tốt. Việc trẻ học lý thuyết kết hợp thực hành ngay giúp trẻ ghi nhớ tốt hơn. Điều này phù hợp với tính dập khuôn, máy móc của trẻ tự kỷ”. (Nữ, 43 tuổi, phụ huynh).

Mô hình được đánh giá mức hiệu quả thứ 2 là nhà trường, cơ sở tư nhân chuyên biệt về hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN và cơ sở có sự hướng nghiệp giữa hướng nghiệp đào tạo nghề và xưởng sản xuất để làm việc, cùng có điểm trung bình là 3,89. Hình thức học ở nhà, bố mẹ tự dạy được đánh giá mức ít hiệu quả, có điểm trung bình 2,90. Lí do học ở nhà, bố mẹ tự dạy ít hiệu quả vì:

“Tôi đi làm cả ngày, mà công việc của tôi là công việc văn phòng, trong khi con phù hợp với nghề làm bánh. Nên tôi không thể dạy cho con được”. (Nam, 48 tuổi, phụ huynh).

“Ở nhà trẻ không có nhiều cơ hội thực hành như ở trung tâm nên hiệu quả học thấp hơn”. (Nữ, 33 tuổi, phụ huynh).

“Chị nhìn thấy rõ sự can thiệp của trung tâm và tác động rất tốt đến bạn. Có lẽ nếu chỉ với môi trường gia đình, gia đình không thể can thiệp tốt hơn như vậy. Các cô ở đây rất nhiệt tình hỗ trợ các bạn. Nhưng nếu có sự hỗ trợ từ nhà nước để các trung tâm tư nhân nhận được kinh phí hỗ trợ thì có lẽ các con sẽ được giảm bớt một chút học phí để gia đình có thể giảm bớt sự lo lắng về mặt kinh tế. Vì với kinh tế gia đình chị hiện nay có thể lo được cho con nhưng gia đình cũng không thể chắc chắn về tương lai có

thể tiếp tục lo được cho con hay không. Gia đình cũng không mong muốn con gắn liền với trung tâm suốt đời. Nhưng quá trình dạy nghề của con không thể tính bằng tháng mà tính bằng năm.” (Nữ, 43 tuổi, phụ huynh).

“Hiện nay, bản thân chị đã bỏ nghề làm việc văn phòng để về mở một cơ sở làm bánh tại nhà. Mong muốn của gia đình khi học tại trung tâm đó là em học được nghề làm bánh và gia đình sẽ cùng em duy trì cơ sở kinh doanh tại nhà để em có thể tự tạo thu nhập cho bản thân. Ngoài việc học tại cơ sở, bản thân chị thường rủ con làm bánh bán tại nhà để con được học hỏi nhiều hơn và tham gia được nhiều hoạt động hơn. Gia đình đã xác định là phải hỗ trợ con trong một thời gian rất dài nên muốn xây dựng một tương lai để con có thể kiếm ra kinh tế cho bản thân con” (Nữ, 47 tuổi, phụ huynh).

Với những lý do trên, có thể thấy rằng mô hình hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN cần môi trường chuyên nghiệp chuyên biệt, ở đó phải đáp ứng cách học của TTKTĐTVTN, phù hợp với khả năng, nhu cầu của trẻ. Cũng cần đa dạng hóa mô hình hướng nghiệp để phụ huynh và trẻ TTKTĐTVTN có thêm cơ hội lựa chọn.

2.1.3.3. Nhu cầu về chính sách hỗ trợ hướng nghiệp

Chính sách hỗ trợ hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN góp phần mang lại sự thành công cho TTKTĐTVTN trong hoạt động này.

Bảng 9: Nhu cầu về chính sách hỗ trợ hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên

Chính sách hỗ trợ hướng nghiệp	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Chính sách hỗ trợ trẻ TK chính thức tham gia lực lượng lao động	30	33,3
Chính sách cho doanh nghiệp/tổ chức/cá nhân giúp đỡ đầu ra cho sản phẩm người tự kỷ	27	30,0
Chính sách mở trung tâm nhà nước chuyên biệt hỗ trợ dạy nghề cho trẻ tự kỷ	28	31,1
Chính sách hỗ trợ hướng nghiệp cho gia đình có con tự kỷ	5	5,6

Nguồn: Kết quả khảo sát tại 03 trung tâm đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trên địa bàn thành phố Hà Nội

Đa số phụ huynh có nhu cầu về chính sách hỗ trợ hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN. Chính sách hỗ trợ trẻ tự kỷ chính thức tham gia lực lượng lao động chiếm 33,3%. Chính sách cho doanh nghiệp/tổ chức/cá nhân giúp đỡ đầu ra cho sản phẩm người tự kỷ (30,0%), Chính sách mở trung tâm nhà nước chuyên biệt hỗ trợ dạy nghề cho trẻ tự kỷ

(31,1%), nhu cầu này xuất phát từ mong muốn có một trung tâm chất lượng, có đội ngũ giáo viên có trình độ chuyên môn và cơ sở vật chất đầy đủ. Chính sách hỗ trợ hướng nghiệp cho gia đình có con tự kỷ chỉ có nhu cầu là 5,6%.

Tuy nhiên, phần lớn phụ huynh không tin vào những chính sách hỗ trợ về đào tạo hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN. Thực tế, hiện nay chưa có chính sách riêng biệt nào liên quan đến hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN, các chính sách các em được hưởng là chính sách của người khuyết tật. Điều đó cũng chính là lý do vì sao các trung tâm đào tạo hướng nghiệp phát triển rời rạc và không có cơ sở để làm tiêu chuẩn chung.

“Hiện tại, con tôi được thụ hưởng một số chính sách hỗ trợ từ Nhà nước dành cho người khuyết tật, bao gồm chính sách bảo hiểm y tế cho người khuyết tật và hỗ trợ trong việc tham gia các chương trình giáo dục chuyên biệt. Ngoài ra, cháu cũng có cơ hội tham gia một số chương trình hướng nghiệp và đào tạo kỹ năng dành riêng cho trẻ tự kỷ, với sự tài trợ từ các dự án phát triển xã hội. Những chính sách này rất hữu ích vì giúp gia đình tôi giảm bớt gánh nặng tài chính và tạo điều kiện để cháu có cơ hội tiếp cận các dịch vụ cần thiết” (Nam, 47 tuổi, phụ huynh).

“Chị nghĩ rằng là trung tâm có ảnh hưởng tới chất lượng đào tạo, dạy nghề cho trẻ nhưng không nhiều. Vì chị nghĩ rằng giáo viên mới là người quan trọng nhất ảnh hưởng trực tiếp tới trẻ vì giáo viên sẽ là người tiếp xúc trực tiếp mỗi ngày với trẻ, là người hiểu trẻ nhất và sẽ đưa ra được những cái kế hoạch tốt nhất cho các con. Còn những cái yếu tố bên ngoài như cơ sở vật chất, hay học phí thì nó chỉ ảnh hưởng ít tới chất lượng đào tạo hướng nghiệp, dạy nghề cho trẻ.” (Nữ, 39 tuổi, phụ huynh)

Chính vì lý do trên, phụ huynh mong muốn có chính sách quy định dành riêng cho nhóm người tự kỷ về hướng nghiệp và tham gia thị trường lao động, từ đó TTKTĐTVTN có thể tham gia vào hoạt động sản xuất/kinh doanh trong khả năng của mình để có được một cuộc sống độc lập, có ý nghĩa.

Ngoài khó khăn trên, thực tế cho thấy, việc các trung tâm hướng nghiệp chưa liên kết thường xuyên với các cơ sở kinh doanh, các doanh nghiệp cũng là điều khiến các bố mẹ lo lắng. Điều đó dẫn đến việc trẻ học nghề xong khó khăn trong việc tiêu thụ các sản phẩm do các em làm ra.

“Các bạn đã làm ra sản phẩm nhưng lại khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm, các bạn khó được công nhận giá trị bản thân trong quá trình tạo ra sản phẩm. Khó tìm đầu ra trong sản phẩm. Các bạn làm ra sản phẩm đã khó nhưng trung tâm phải kết nối

để tiêu thụ sản phẩm của các bạn. Đặc thù của trung tâm là các sản phẩm liên quan đến handmade, các sản phẩm mang tính nghệ thuật vì học sinh là trẻ tự kỷ nên khó cạnh tranh với các đối thủ bên ngoài. Cần có những chính sách hỗ trợ đầu ra cho các sản phẩm của trẻ tự kỷ” (Nữ, 29 tuổi, giáo viên).

“Thật ra, sản phẩm của các con làm ra thì hiện tại mới chỉ bán online, đợt tới trung tâm liên kết với các cửa hàng thực phẩm và gửi các sản phẩm của trẻ, sẽ làm chiến dịch marketing, chiến dịch về thị trường. Để giống như 1 thương hiệu bánh bình thường, trung tâm sẽ không nói đây là sản phẩm của các con tự kỷ làm, mà chỉ nói đây là sản phẩm của trung tâm. Bởi vì, tư tưởng của mọi người là tự kỷ không biết làm gì, tự kỷ làm đồ ăn không sạch, tự kỷ làm cái này nó nguy hiểm tôi không dám ăn, tôi sợ. Trung tâm muốn khẳng định những món ăn mà trung tâm làm ngon và thật sự chất lượng. Và khi mọi người ăn xong để khi họ tìm đến thì họ sẽ biết là những người làm ra sản phẩm không phải những người bình thường mà là các con tự kỷ. Đây cũng là một cách mà trung tâm muốn một cách công khai để mọi người coi trẻ tự kỷ như các bạn bình thường”. (Nam, 41 tuổi, quản lý trung tâm)

Có thể thấy, nhu cầu tiếp cận những chính sách hỗ trợ hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN là cấp thiết, trong khi những chính sách này mới chỉ dành cho người khuyết tật chưa có chính sách dành riêng cho TTKTĐTVTN. Thêm vào đó, việc làm sau khi được tham gia đào tạo nghề và tiêu thụ các sản phẩm cũng là một vấn đề cần được quan tâm. Để có thể tham gia vào các doanh nghiệp sản xuất lớn, các em cần có kỹ năng chuyên nghiệp về một nghề cụ thể.

Nhu cầu về chính sách hỗ trợ hướng nghiệp và tạo việc làm cho TTKTĐTVTN là vô cùng cấp thiết đối với các gia đình, nhằm giúp các em hướng tới một cuộc sống độc lập và có ý nghĩa. Các chính sách hiện hành chủ yếu lồng ghép chung trong quy định về người khuyết tật, dẫn đến việc các trung tâm hỗ trợ phát triển mang tính rời rạc, tự phát và chưa đáp ứng đầy đủ sự tin tưởng từ phía phụ huynh. Khó khăn lớn nhất sau đào tạo là đầu ra cho các sản phẩm (thường là đồ thủ công, nghệ thuật). Sự thiếu liên kết bền vững giữa các trung tâm hướng nghiệp và doanh nghiệp, kết hợp với định kiến xã hội đối với năng lực và sản phẩm của người tự kỷ, đang tạo ra rào cản lớn trong việc công nhận giá trị lao động của các em. Để TTKTĐTVTN có thể thực sự tham gia vào thị trường lao động, xã hội không chỉ cần những hỗ trợ an sinh cơ bản mà cấp thiết phải có chính sách chuyên biệt về đào tạo nghề, sự đồng hành của các cơ sở kinh doanh trong

tiêu thụ sản phẩm, cùng sự thay đổi nhận thức của cộng đồng đối với năng lực thực sự của TTKTĐTVTN.

2.1.3.4. Nhu cầu tổ chức hoạt động hướng nghiệp

Nhu cầu tổ chức hoạt động hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN của phụ huynh là rất lớn, thể hiện tại bảng 10 như sau:

Bảng 10: Nhu cầu tổ chức hoạt động hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên

Các hoạt động	Không cần thiết	Ít cần thiết	Bình thường	Cần thiết	Rất cần thiết	ĐTB	TT
1. Bố trí nhân sự tham gia tổ chức hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ	1	1	12	23	53	4,40	7
2. Phân cấp thực hiện tổ chức hoạt động hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ	1	3	11	30	45	4,28	9
3. Tổ chức thực hiện đúng đủ có chất lượng nội dung về hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ	2	2	5	29	52	4,41	6
4. Đa dạng các phương thức thực hiện hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ	1	3	5	26	55	4,46	4
5. Xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp giữa các lực lượng giáo dục để hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ	2	0	7	26	55	4,47	3
6. Tổ chức thực hiện nền nếp hoạt động hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ	1	3	7	32	47	4,34	7
7. Nâng cao năng lực cho giáo viên về hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ	2	0	6	24	58	4,51	2

Các hoạt động	Không cần thiết	Ít cần thiết	Bình thường	Cần thiết	Rất cần thiết	ĐTB	TT
8. Huy động các nguồn lực để tổ chức hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ	2	2	7	21	58	4,46	4
9. Tổ chức giám sát quá trình hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ	2	3	11	25	49	4,29	8
10. Hỗ trợ đầu ra của sản phẩm	2	1	3	18	66	4,61	1
Đánh giá chung	4.42						

Nguồn: Kết quả khảo sát tại 03 trung tâm đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trên địa bàn thành phố Hà Nội

Kết quả khảo sát trình bày tại bảng 10 cho thấy, phụ huynh đánh giá nhu cầu tổ chức các hoạt động hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN là rất cần thiết, với điểm trung bình đạt 4,42 trên thang đo 5 điểm. Trong đó, nhu cầu được quan tâm nhiều nhất là hỗ trợ đầu ra cho sản phẩm của trẻ, với điểm trung bình cao nhất đạt 4,61. Nhu cầu xếp thứ hai là nâng cao năng lực cho giáo viên trong công tác hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ, với điểm trung bình 4,51. Mặc dù đứng cuối bảng xếp hạng, nhu cầu về việc phân cấp tổ chức hoạt động hướng nghiệp cho trẻ vẫn đạt điểm trung bình 4,29, cho thấy mức độ cần thiết vẫn ở mức cao. Những số liệu này phản ánh rõ mối quan tâm và lo lắng của phụ huynh về hiệu quả thực tiễn của hoạt động hướng nghiệp, đặc biệt là vấn đề đầu ra của sản phẩm do trẻ thực hiện trong quá trình học nghề. Hiện nay, các sản phẩm do TTKTĐTVTN làm ra còn gặp nhiều khó khăn trong việc tiêu thụ, điều này không chỉ ảnh hưởng đến nguồn vốn tái đầu tư cho hoạt động hướng nghiệp mà còn làm suy giảm động lực và niềm tin của cả phụ huynh và trẻ trong quá trình tham gia. Việc cải thiện khâu đầu ra là yếu tố then chốt để tạo lập môi trường hướng nghiệp bền vững và có ý nghĩa cho trẻ rời loạn phổ tự kỷ.

“Các sản phẩm handmade của trẻ làm ra bán được ít lắm, thậm chí không bán được. Nên phụ huynh mong muốn có nhiều biện pháp, cách thức, chính sách hỗ trợ đầu ra cho sản phẩm của trẻ tự kỷ”. (Nữ, 50 tuổi, giám đốc trung tâm)

“Thực tế tôi nhận thấy, các sản phẩm thủ công (handmade) do trẻ tự kỷ thực hiện thường rất khó tiêu thụ trên thị trường, thậm chí trong nhiều trường hợp hoàn toàn

không bán được. Điều này đã và đang gây trở ngại lớn đối với việc duy trì và phát triển các hoạt động hướng nghiệp dành cho nhóm trẻ này. Xuất phát từ thực trạng đó, phụ huynh bày tỏ mong muốn có thêm nhiều biện pháp cụ thể, giải pháp phù hợp cũng như các chính sách hỗ trợ đầu ra cho sản phẩm do trẻ tự kỷ làm ra. Việc có cơ chế tiêu thụ sản phẩm ổn định không chỉ giúp nâng cao hiệu quả của hoạt động hướng nghiệp mà còn góp phần tạo động lực, niềm tin cho cả trẻ và gia đình trong quá trình tham gia đào tạo nghề và hòa nhập xã hội.”(Nữ, 63 tuổi, phụ huynh).

“Việc tổ chức hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ cần đi từ cấp trung ương xuống cấp xã phường. Điều này giúp cho các chính sách hỗ trợ cho hoạt động này đến được đúng với đối tượng thụ hưởng” (Nữ, 63 tuổi, phụ huynh).

Từ những phân tích trên, có thể khẳng định giáo viên dạy nghề là lực lượng nòng cốt quyết định hiệu quả đào tạo, đặc biệt là đối với đối tượng trẻ tự kỷ. Năng lực và phẩm chất của người thầy chính là thước đo chất lượng của mỗi cơ sở dạy nghề. Khi giáo viên có chuyên môn sâu, kỹ năng sư phạm tốt và tư duy linh hoạt, họ không chỉ giúp trẻ nắm bắt nghề nghiệp vững chắc mà còn rèn luyện cho các em tinh thần tự học cùng khả năng hòa nhập với thị trường lao động.

“Trong đào tạo hướng nghiệp cho trẻ, chưa có một cơ sở nào dạy nghề cho các giáo viên dạy hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ cả cho nên khi xây dựng trung tâm thì trung tâm cũng phải tự mày mò, tự đào tạo giáo viên phù hợp với nhu cầu, định hướng của trung tâm.” (Nữ, 50 tuổi, giám đốc trung tâm)

“Hiện nay, để tuyển được giáo viên làm đúng chuyên ngành này thì rất khó bởi nhiều bạn sinh viên ra trường không chấp nhận làm đúng ngành nghề vì thế mà nguồn nhân lực hiện giờ còn thiếu quá nhiều. Mà trên thực tế, lượng học sinh tiếp nhận ngày càng đông nên trung tâm cũng đã tìm mọi cách để có thể thu hút được các nhân sự giỏi tới làm việc. Đây cũng là một trong những thách thức lớn của trung tâm cần phải khắc phục trong thời gian tới.” (Nữ, 29 tuổi, quản lý trung tâm Ngọc Ân)

Tổ chức hoạt động hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN là vấn đề rất cấp thiết, là nhu cầu thực sự của phụ huynh có con tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên. Phụ huynh còn nhiều trăn trở, băn khoăn và những mong muốn khác nhau cho các hoạt động hướng nghiệp của trẻ.

*** Các lực lượng tham gia vào công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách cho trẻ tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên**

Trong hoạt động hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN cần sự tham gia, vào cuộc của nhiều lực lượng từ gia đình, trung tâm, giáo viên, chính quyền địa phương và các tổ chức chính trị xã hội khác. Điều này thể hiện sự vào cuộc của nhiều lực lượng để hoạt động hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN mang lại hiệu quả tối ưu.

Bảng 11: Mức độ tham gia của các lực lượng tham gia vào công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách cho TTKTĐTVTN

Hoạt động	Hoàn toàn không tham gia		Không tham gia		Ít tham gia		Tham gia		Tham gia nhiều		ĐTB	TT
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1. Chính quyền địa phương	1	1,1	0	0,0	11	12,2	40	44,4	38	42,2	4,27	6
2. Giáo viên	1	1,1	0	0,0	4	4,4	33	36,7	52	57,8	4,50	2
3. Phụ huynh	1	1,1	0	0,0	3	3,3	26	28,9	60	66,7	4,60	1
4. Nhân viên CTXH	1	1,1	0	0,0	9	10,0	35	38,9	45	50,0	4,37	4
5. Cơ quan truyền thông (Kênh TV, MXH, báo chí, đài phát thanh, radio...)	1	1,1	0	0,0	7	7,8	34	37,8	48	53,3	4,42	3
6. Cơ sở ý tế, các cơ sở PHCN dành cho trẻ tự kỷ	1	1,1	0	0,0	10	11,1	37	41,1	42	46,7	4,32	5

Hoạt động	Hoàn toàn không tham gia		Không tham gia		Ít tham gia		Tham gia		Tham gia nhiều		ĐTB	TT
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
(hoặc trẻ khuyết tật)												
7. Tổ chức phi chính phủ (NGOs)	1	1,1	2	2,2	11	12,2	34	37,8	42	46,7	4,27	6
Đánh giá chung											4,39	

Nguồn: Kết quả khảo sát tại 03 trung tâm đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trên địa bàn thành phố Hà Nội

Trong hoạt động giáo dục hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN, phụ huynh đều đánh giá tất cả các lực lượng đều cần tham gia nhiều vào hỗ trợ cho TTKTĐTVTN, với điểm trung bình là 4,39 mức tham gia nhiều. Trong đó, phụ huynh (bố, mẹ) cần tham gia tích cực nhất, tiếp đến là sự đồng hành của giáo viên. Điều này cho thấy phụ huynh và giáo viên là lực lượng rất quan trọng để giúp TTKTĐTVTN thành công trong công tác hướng nghiệp. Đây là nhóm lực lượng hiểu trẻ nhất, vì gần gũi, tiếp xúc hàng ngày với trẻ. Biết rõ nhất về khả năng, nhu cầu của trẻ. Qua đó, phụ huynh và giáo viên phối hợp với nhau trong công tác hướng nghiệp giúp trẻ học nghề hiệu quả hơn. Tiếp đến là sự tham gia của cơ quan truyền thông, nhân viên công tác xã hội, chính quyền địa phương, các cơ sở y tế và các tổ chức phi chính phủ đều đóng vai trò quan trọng trong hỗ trợ cho TTKTĐTVTN như kết nối, điều phối nguồn lực, hỗ trợ sản phẩm đầu ra.

Không có sự chênh lệch quá lớn trong việc đánh giá mức độ tham gia của các lực lượng xã hội vào công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách cho TTKTĐTVTN. Thể hiện cụ thể như sau: chỉ có đến 1,1% phụ huynh đánh giá các lực lượng này hoàn toàn không tham gia, chỉ có đến 2,2% phụ huynh đánh giá các lực lượng không tham gia vào hoạt động hướng nghiệp. Trong đó có từ 42,2% đến 66,7% phụ huynh đánh giá các lực

lượng cần tham gia nhiều vào hoạt động tuyên truyền, phổ biến chính sách cho TTKTĐTVTN.

“Để hoạt động hướng nghiệp cho trẻ TK tuổi vị thành niên thành công cần có sự tham gia tích cực, đồng bộ từ gia đình, chính quyền địa phương, các trung tâm hướng nghiệp và tất cả các đơn vị, tổ chức khác” (Nam, 47 tuổi, phụ huynh).

Như vậy, cần đẩy mạnh hơn nữa sự tham gia của các lực lượng trong xã hội với hoạt động hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN. Hoạt động hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN không chỉ là vấn đề của cá nhân trẻ, phụ huynh hay các trung tâm hướng nghiệp, mà cần sự vào cuộc mạnh mẽ hơn từ chính quyền địa phương, nhân viên công tác xã hội, cơ quan truyền thông và các tổ chức phi chính phủ.

2.2. Thực trạng đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên từ phía gia đình tại thành phố Hà Nội

Đào tạo hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN yêu cầu cần sự vào cuộc từ gia đình, cộng đồng, xã hội. Trong đó, thực trạng đào tạo hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN từ phía gia đình có ý nghĩa rất lớn đối với kết quả của công tác đào tạo hướng nghiệp. Phân tích thực trạng đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ tại Hà Nội dưới góc nhìn từ phía gia đình cho thấy một bức tranh toàn cảnh về những nỗ lực, kỳ vọng lớn lao, song cũng đối mặt với không ít rào cản và thách thức mang tính hệ thống."

2.2.1. Thực trạng việc lựa chọn ngành nghề hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên

Bảng 12: Lí do lựa chọn ngành nghề cho TTKTĐTVTN

TT	Lí do phụ huynh lựa chọn nghề cho trẻ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Theo sở thích, năng khiếu của con	52	57,8
2	Hướng nghiệp theo NN truyền thống của gia đình	5	5,6
3	Theo sở thích của bố mẹ	7	7,8
4	Theo thu nhập NN của xã hội	29	32,2

Nguồn: Kết quả khảo sát tại 03 trung tâm đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trên địa bàn thành phố Hà Nội

Kết quả khảo sát cho thấy, phần lớn phụ huynh lựa chọn ngành nghề hướng nghiệp cho con dựa trên sở thích và năng khiếu cá nhân của trẻ, với tỷ lệ chiếm 57,8%. Đây là nhóm lý do phổ biến nhất và thể hiện sự quan tâm đúng đắn đến đặc điểm cá nhân của

TTKTĐTVTN. Lý do đứng thứ hai là lựa chọn nghề theo tiềm năng thu nhập và nhu cầu của xã hội, chiếm 32,2%. Trong khi đó, chỉ có 5,6% phụ huynh định hướng nghề nghiệp cho con theo truyền thống nghề nghiệp của gia đình, và 7,8% vẫn lựa chọn nghề theo sở thích của cha mẹ. Từ các số liệu trên, có thể nhận định rằng đa số phụ huynh đã có nhận thức đúng đắn trong việc lựa chọn nghề nghiệp cho con em mình, đặc biệt là đối với TTKTĐTVTN. Việc ưu tiên xem xét sở thích và năng khiếu cá nhân không chỉ phù hợp với đặc điểm phát triển riêng biệt của trẻ, mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc nuôi dưỡng niềm yêu thích nghề nghiệp, tạo nền tảng cho sự gắn bó lâu dài và khả năng phát triển nghề nghiệp bền vững trong tương lai.

“Kể từ khi bắt đầu tham gia vào quá trình hướng nghiệp, trung tâm đã tạo cơ hội cho cháu thử nghiệm một số công việc đơn giản nhằm đánh giá sự phù hợp của cháu với từng nghề. Ban đầu, cả tôi và các giáo viên đều khá lo lắng trong việc lựa chọn nghề nghiệp sao cho vừa phù hợp với khả năng của cháu, vừa giúp cháu cảm thấy hứng thú và phát triển. Sau khi tham gia thử nghiệm các hoạt động như làm thủ công, chăm sóc cây và đặc biệt là làm bánh, cháu đã thể hiện rõ sự yêu thích với công việc làm bánh và cho thấy khả năng hoàn thành công việc rất tốt. Nhờ vào quá trình thử nghiệm này, chúng tôi và trung tâm đã cùng nhau quyết định lựa chọn nghề làm bánh như một định hướng nghề nghiệp lâu dài cho cháu”. (Nam, 48 tuổi, phụ huynh).

Việc lựa chọn nghề cho trẻ, đặc biệt là TTKTĐTVTN, luôn là một quá trình phức tạp và cần sự cân nhắc kỹ lưỡng từ phía phụ huynh. Đa số phụ huynh cho rằng sự lựa chọn nghề nghiệp cần phải phù hợp với sở thích và năng khiếu tự nhiên của con, điều này hoàn toàn hợp lý và phản ánh một quy luật chung trong việc định hướng nghề nghiệp của mỗi cá nhân. Khi lựa chọn nghề theo sở thích, trẻ không chỉ phát huy được những năng lực tiềm ẩn mà còn phát triển sự đam mê, yêu thích công việc của mình, điều này tạo nền tảng vững chắc cho sự gắn bó lâu dài và sự phát triển bền vững trong nghề nghiệp sau này. Sở thích và năng khiếu cá nhân giúp trẻ cảm thấy tự tin hơn và có thể đạt được những thành tựu nhất định trong quá trình học nghề.

Bên cạnh yếu tố sở thích, xu hướng lựa chọn nghề theo mức thu nhập và nhu cầu xã hội cũng đang trở thành một yếu tố quan trọng trong việc định hướng nghề nghiệp cho trẻ. Nhiều phụ huynh mong muốn con có thể tự lập và tự nuôi sống bản thân khi trưởng thành, điều này không chỉ giúp trẻ có một tương lai ổn định về tài chính mà còn nâng cao sự tự tin và độc lập trong cuộc sống. Mức thu nhập từ nghề nghiệp là một yếu

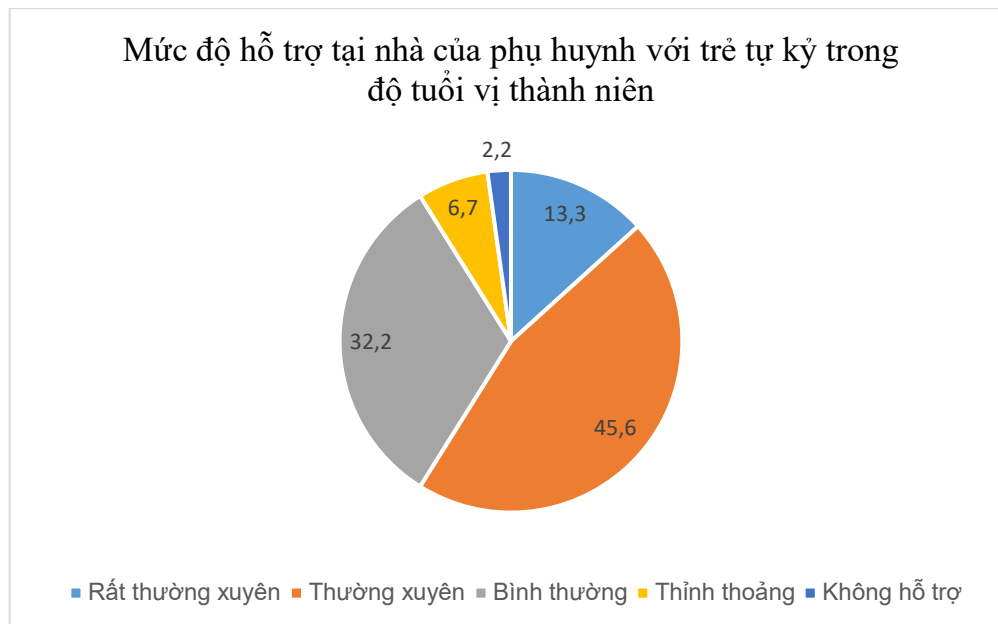
tổ quan trọng, vì nó không chỉ đảm bảo chất lượng cuộc sống mà còn giúp trẻ có thể đóng góp cho cộng đồng. Do đó, việc lựa chọn nghề nghiệp cũng phải đáp ứng được nhu cầu thực tế của xã hội, đồng thời tạo ra cơ hội để trẻ phát triển và hòa nhập vào thị trường lao động.

Ngoài ra, sự lựa chọn nghề nghiệp còn phải được điều chỉnh linh hoạt, phản ánh các đặc điểm riêng biệt của TTKTĐTVTN, giúp trẻ phát triển các kỹ năng cần thiết, đồng thời cung cấp các cơ hội nghề nghiệp phù hợp với năng lực cá nhân. Chính vì thế, việc tìm kiếm và áp dụng những mô hình hướng nghiệp linh hoạt, cá nhân hóa, không chỉ giúp TTKTĐTVTN tiếp cận với nghề nghiệp một cách tự nhiên mà còn tạo động lực cho các em trong suốt quá trình học tập và phát triển

2.2.2. Mức độ thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ, hướng dẫn chăm sóc trẻ tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên tại nhà

Phụ huynh có nhận thức tương đối đầy đủ về hoạt động hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN, và điều này giúp phụ huynh quyết tâm hơn trong việc hỗ trợ cho con tại nhà.

Kết quả này được mô tả qua biểu đồ 2 như sau:



Biểu đồ 1: Mức độ hỗ trợ tại nhà của phụ huynh có con tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên

Nguồn: Kết quả khảo sát tại 03 trung tâm đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trên địa bàn thành phố Hà Nội

Về nhiệm vụ hỗ trợ và hướng dẫn chăm sóc trẻ tại nhà đối với trẻ tự kỷ, kết quả khảo sát cho thấy mức độ tham gia của phụ huynh khá đa dạng. Cụ thể, có 13,3% phụ huynh cho biết họ thực hiện việc hỗ trợ này một cách rất thường xuyên, trong khi đó 45,6% phụ huynh cho rằng họ thường xuyên thực hiện nhiệm vụ này trong sinh hoạt hằng ngày. Bên cạnh đó, có 32,2% phụ huynh đánh giá mức độ hỗ trợ của mình ở mức bình thường, tức là không quá thường xuyên nhưng vẫn duy trì ở mức cần thiết. Một tỷ lệ nhỏ hơn, chiếm 6,7%, cho biết họ chỉ thỉnh thoảng mới hỗ trợ trẻ tại nhà, và 2,2% phụ huynh thẳng thắn thừa nhận rằng họ không tham gia vào việc hỗ trợ, hướng dẫn chăm sóc trẻ tại nhà. Những con số này phản ánh sự khác biệt trong nhận thức, điều kiện và khả năng của từng gia đình trong việc đồng hành cùng trẻ tự kỷ trong môi trường gia đình.

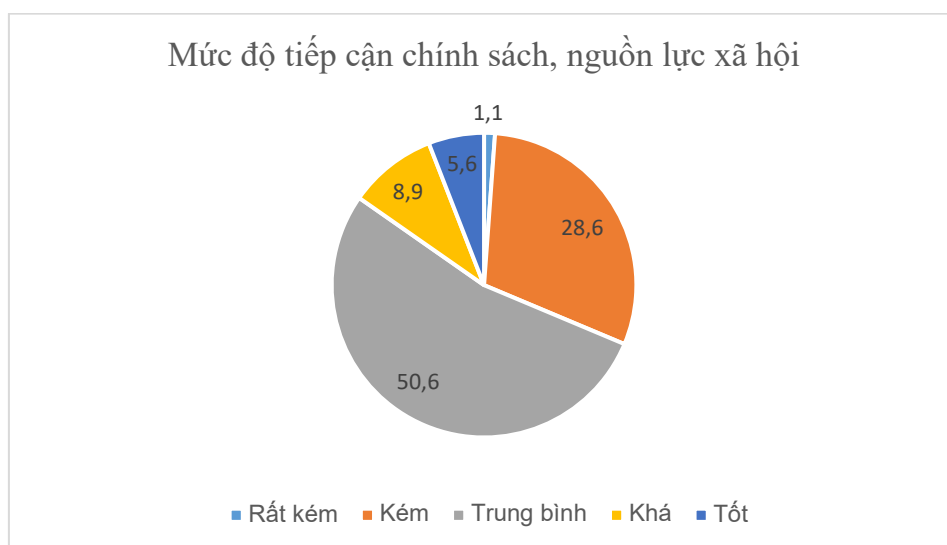
“Mỗi ngày, gia đình chị đều cố gắng dành thời gian luân phiên nhau dạy con trong khoảng 2 giờ vào buổi tối. Thời gian này không chỉ để hỗ trợ con trong việc học tập mà còn phối hợp việc rèn luyện các kỹ năng tiền hướng nghiệp và bước đầu tiếp cận với học nghề. Tuy nhiên, theo chị, hiệu quả trong quá trình dạy con chưa cao. Nguyên nhân chủ yếu là do gia đình còn thiếu phương pháp sư phạm phù hợp với đặc điểm của trẻ, thiếu kỹ năng tương tác hiệu quả, và đôi khi chưa đủ sự kiên trì cần thiết để đồng hành cùng con một cách nhất quán và bền bỉ. Chị nghĩ phụ huynh con TK có nhu cầu rất lớn về việc được tập huấn, hỗ trợ chuyên môn nhằm nâng cao năng lực chăm sóc và giáo dục trẻ tự kỷ tại nhà” (Nữ, 33 tuổi, phụ huynh).

“Ngoài việc cho con theo học hướng nghiệp tại trung tâm, bản thân chị còn chủ động tạo thêm cơ hội học tập và trải nghiệm thực tế cho con thông qua các hoạt động tại nhà. Ví dụ, chị rủ con cùng làm bánh để bán, nhằm giúp con không chỉ học thêm kỹ năng lao động, rèn luyện sự khéo léo, tính kiên trì mà còn từng bước tiếp cận với kỹ năng nghề nghiệp đơn giản trong môi trường thân quen. Gia đình đã có sự chuẩn bị tâm lý rõ ràng rằng việc đồng hành và hỗ trợ con sẽ là một hành trình lâu dài. Chính vì vậy, phụ huynh có con TK mong muốn từng bước xây dựng một định hướng tương lai phù hợp, để sau này con có thể tự tạo ra thu nhập, dù ít hay nhiều, có khả năng tự lập phân nào về mặt kinh tế và sống có ích trong khả năng của mình” (Nữ, 51 tuổi, phụ huynh)

“Phụ huynh không hỗ trợ được cho con tại nhà là do họ bận rộn với công việc, có phụ huynh không ở cùng con, đi làm ở xa, để con ở nhà cho ông bà. Chứ có con thế này cũng lo lắng lắm” (Nữ, 33 tuổi, phụ huynh).

Nhìn chung phụ huynh đều nhận thấy vai trò quan trọng của phụ huynh trong hỗ trợ, hướng dẫn con tại nhà. Tuy nhiên phụ huynh còn gặp khó khăn trong hoạt động trợ giúp con tại nhà như thiếu kỹ năng, phương pháp, thời gian.... Việc hỗ trợ cho con tại nhà phụ huynh tập trung nhiều hơn vào những nội dung bổ trợ cho học nghề như rèn kỹ năng tự lập, nâng cao nhận thức cho con, rèn hành vi, kỹ năng giao tiếp.

Mức độ tiếp cận chính sách, nguồn lực xã hội trong hỗ trợ TTKTĐTVTN của gia đình được phụ huynh quan tâm, thể hiện tại biểu đồ 2 như sau:



Biểu đồ 2: Mức độ tiếp cận chính sách, nguồn lực xã hội

Nguồn: Kết quả khảo sát tại 03 trung tâm đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trên địa bàn thành phố Hà Nội

Về mức độ tiếp cận chính sách và các nguồn lực xã hội liên quan đến công tác hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN, kết quả khảo sát cho thấy vẫn còn nhiều hạn chế. Cụ thể, chỉ có 5,6% phụ huynh cho biết họ có khả năng tiếp cận các chính sách và nguồn lực xã hội ở mức tốt, trong khi 8,8% đánh giá mức tiếp cận của mình là khá. Phần lớn phụ huynh, cho rằng họ chỉ tiếp cận được ở mức trung bình (chiếm tới 50,6%). Đáng chú ý, có tới 28,9% phụ huynh nhận định mức tiếp cận của họ là kém, và 1,1% đánh giá là rất kém. Những con số này phản ánh thực trạng rằng vẫn còn nhiều rào cản trong việc tiếp cận các chính sách hỗ trợ và nguồn lực xã hội dành cho TTKTĐTVTN, đặc biệt trong lĩnh vực hướng nghiệp. Như vậy, đa số phụ huynh đang gặp khó khăn ở mức độ vừa và thấp trong việc tiếp cận thông tin, dịch vụ và các cơ hội hỗ trợ, điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết cần cải thiện hệ thống truyền thông chính sách, tăng cường tư vấn và hỗ trợ cá nhân hóa cho các gia đình có TTKTĐTVTN.

“Bản thân chị cũng thấy rằng mình còn chưa hiểu rõ hoặc chưa biết nhiều về các chính sách hỗ trợ dành cho trẻ tự kỷ. Chính vì vậy, chị gặp nhiều khó khăn trong việc giúp con tiếp cận các quyền lợi và nguồn lực cần thiết từ phía Nhà nước hay các tổ chức xã hội. Việc thiếu thông tin và chưa được trang bị đầy đủ kiến thức về hệ thống chính sách khiến gặp nhiều khó khăn, không thể khai thác hay tận dụng được các chính sách hỗ trợ sẵn có”. (Nữ, 51 tuổi, phụ huynh).

“Con tôi hiện đang được hưởng trợ cấp xã hội và bảo hiểm y tế dành cho trẻ khuyết tật, đã có thể khuyết tật với phân loại khuyết tật tâm thần. Tuy nhiên, chính sách hiện nay còn rất chung chung, chưa có quy định riêng phù hợp cho trẻ tự kỷ. Khi đi máy bay, dù khai báo là trẻ khuyết tật, tiếp viên cũng chỉ nhắc gia đình lưu ý chăm sóc chứ không có hỗ trợ cụ thể nào. Tôi cũng chưa nắm rõ hết các chính sách, chủ yếu tìm hiểu luật về người khuyết tật để đảm bảo quyền lợi cho con. Về giáo dục hòa nhập, tôi từng tìm hiểu nhưng con tôi không có khả năng ngôn ngữ nên việc học hòa nhập gặp nhiều khó khăn, do không phải trường nào cũng chấp nhận. Nhìn chung, chính sách cho trẻ tự kỷ còn nhiều bất cập và hạn chế, chủ yếu áp dụng theo luật người khuyết tật chung, trong khi rất cần có chính sách riêng phù hợp cho nhóm trẻ này”. (Nam, 48 tuổi, phụ huynh).

Như vậy, mức độ tiếp cận các chính sách hướng nghiệp dành cho TTKTĐTVTN của phụ huynh nhìn chung còn hạn chế, một phần do hệ thống chính sách hiện hành ở nước ta vẫn chưa có nhiều quy định cụ thể, riêng biệt dành cho nhóm trẻ này. Hiện nay, các chính sách mà phụ huynh có thể tiếp cận chủ yếu là các quy định chung trong Luật Người khuyết tật và một số nội dung liên quan đến giáo dục hòa nhập, trong khi các chính sách hướng nghiệp chuyên biệt cho TTKTĐTVTN vẫn còn rất thiếu vắng. Điều này khiến phụ huynh gặp khó khăn trong việc định hướng và chuẩn bị nghề nghiệp cho con một cách phù hợp và hiệu quả. Thực tế cho thấy, nhu cầu của phụ huynh về việc có các chính sách hỗ trợ cụ thể, rõ ràng, sát với đặc điểm và khả năng của TTKTĐTVTN trong lĩnh vực hướng nghiệp là rất lớn, đòi hỏi sự quan tâm sâu sát hơn từ phía các cơ quan chức năng, nhà làm luật và các tổ chức xã hội.

2.3. Thực trạng thực hiện đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên từ phía trung tâm và xã hội

2.3.1. Thực trạng từ phía trung tâm

2.3.1.1. Thực trạng ngành nghề hướng nghiệp

Đối với TTKTĐTVTN khi tham gia đào tạo hướng nghiệp thường gặp rất nhiều khó khăn như: tiếp nhận kiến thức, tiếp thu ý kiến, khó khăn khi diễn đạt, trình bày quan điểm, ý kiến của bản thân. Tuy nhiên, một số trẻ lại có năng khiếu riêng, có trẻ học rất tốt tiếng anh, hát hay, biết chơi đàn, vẽ đẹp,... Vậy nên, việc trẻ theo học tại các trung tâm hướng nghiệp sẽ giúp các bạn có thể tự lập phục vụ cho bản thân, phần nào hoà nhập với cộng đồng, xã hội. Ngoài ra việc TTKTĐTVTN được tham gia vào hoạt động hướng nghiệp tại trung tâm có thể tìm và phát huy, bồi dưỡng những điểm mạnh của trẻ, từ đó giúp trẻ có thể tự nuôi sống bản thân bằng chính bàn tay và trí tuệ của mình. Chúng tôi phân tích khảo sát của 90 phụ huynh và kết quả phỏng vấn sâu thu được thực trạng hướng nghiệp tại các trường học ở Hà Nội hỗ trợ cho TTKTĐTVTN như sau:

Bảng 13: Các ngành nghề TTKTĐTVTN được hướng nghiệp

TT	Tên ngành nghề	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Bánh và pha chế	43	47,8
2	Hoa nghệ thuật	23	25,6
3	Làm thủ công	20	22,3
4	Bao bì, đóng gói, sản phẩm nông nghiệp,...	13	14,7
5	Âm nhạc, hội họa	2	2,2
6	Nấu ăn	10	11,1
7	Công nghệ thông tin	10	11,1

Nguồn: Kết quả khảo sát tại 03 trung tâm đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trên địa bàn thành phố Hà Nội

Theo kết quả khảo sát tại bảng 13 nghề làm bánh và pha chế được TTKTĐTVTN lựa chọn nhiều nhất, chiếm tỷ lệ 47,8%. Đây là nhóm nghề có tính thực hành cao, dễ tiếp cận và phù hợp với sở thích cũng như khả năng cá nhân của nhiều trẻ. Nghề làm hoa nghệ thuật đứng thứ hai với 25,6%, tiếp đến là nghề thủ công với 22,3%. Một số nghề khác như làm bao bì, đóng gói sản phẩm (14,7%) hay nấu ăn và công nghệ thông tin (đều 11,1%) cũng nhận được sự quan tâm. Ngược lại, lĩnh vực nghệ thuật như âm nhạc, hội họa chỉ có 2,2% trẻ lựa chọn. Kết quả này cho thấy trẻ TTKTĐTVTN có xu hướng ưu tiên các công việc mang tính cụ thể, rõ ràng, dễ thực hiện và có thể rèn luyện trong môi trường thân thiện, thay vì những ngành nghề đòi hỏi sự trừu tượng hay tương

tác xã hội phức tạp. Điều này cho thấy tầm quan trọng của việc định hướng nghề nghiệp phù hợp với đặc điểm phát triển riêng của từng TTKTĐTVTN, thay vì áp dụng các khuôn mẫu chung. Vì vậy, cần có những chương trình hướng nghiệp linh hoạt, thực tế và sát với năng lực của TTKTĐTVTN, đồng thời tạo điều kiện để các em tiếp cận, rèn luyện và phát triển theo con đường nghề nghiệp phù hợp.

“Con của anh chị đang học nghề làm bánh, và qua quá trình học tập tại trung tâm cũng như sự hỗ trợ tại gia đình, anh đã nhận thấy con có khả năng tiếp thu công việc rất tốt. Con thể hiện sự thành thạo và khả năng làm nghề này một cách tự nhiên, cho thấy tiềm năng phát triển trong lĩnh vực này” (Nam, 48 tuổi, phụ huynh).

“Trung tâm hiện có 5-6 nghề, bao gồm làm bánh, làm hoa, làm thiệp, sản phẩm từ vải, vẽ và dệt, mỗi nghề có đặc thù riêng. Các em được hướng dẫn sử dụng thiết bị như máy đánh trứng, dao, lò nướng. Ban đầu, các em sợ các thiết bị vì đã được dạy về nguy hiểm, nhưng qua hướng dẫn, các em dần thích ứng và học cách sử dụng an toàn, không còn sợ các công cụ nghề nghiệp.” (Nữ, 44 tuổi, giáo viên).

Phòng dạy nghề làm bánh dành cho TTKTĐTVTN tại một số trung tâm hiện đang triển khai một hoạt động mang tính cộng đồng và giáo dục rất ý nghĩa, đó là quán cà phê và các sản phẩm bánh do chính các em TTKTĐTVTN làm ra. Đây là một mô hình học nghề kết hợp với thực tế, giúp trẻ em phát triển kỹ năng nghề nghiệp trong môi trường làm việc thực tế. Khi tham gia các hoạt động tại quán cà phê hoặc trong bếp bánh, các em không chỉ học các công đoạn pha chế đồ uống, làm bánh mà còn được hướng dẫn về các kỹ năng xã hội cơ bản như cách giao tiếp, phục vụ khách hàng, làm việc nhóm và quản lý thời gian. Các cô giáo chuyên môn sẽ là người đồng hành, hỗ trợ và chỉ dẫn từng bước để các em có thể tiếp thu một cách tốt nhất, đồng thời tạo ra một môi trường học tập thân thiện, kích thích sự sáng tạo và tự tin của các em.

Hoạt động không chỉ có mục đích lợi nhuận kinh doanh mà chính là cung cấp cho TTKTĐTVTN và trẻ chậm phát triển trí tuệ cơ hội học hỏi, rèn luyện và áp dụng kiến thức vào thực tế. Những kỹ năng này giúp các em có thể tự lập trong cuộc sống mà còn là cơ hội để hòa nhập xã hội một cách tự nhiên và đầy đủ. Việc học nghề giúp các em tăng cường khả năng tự quản lý bản thân, giảm sự phụ thuộc vào gia đình và cộng đồng, đồng thời tạo ra những cơ hội nghề nghiệp sau này để các em có thể sống độc lập và góp phần có ích cho xã hội. Điều này không chỉ đem lại lợi ích cho trẻ mà còn giảm bớt gánh nặng cho gia đình, giúp các bậc phụ huynh yên tâm hơn về tương lai của con

mình. Ngoài ra, toàn bộ số tiền thu được từ việc bán cà phê, bánh tại quán sẽ được tái đầu tư vào hoạt động đào tạo nghề cho các em. Số tiền này sẽ được dùng để mua nguyên liệu cho các buổi thực hành tiếp theo, tạo điều kiện cho các em có cơ hội học hỏi và trải nghiệm nghề nghiệp thực tế. Đồng thời, quỹ này cũng sẽ hỗ trợ việc mua sách vở, đồ dùng học tập, cũng như các thiết bị cần thiết để nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp cho TTKTĐTVTN. Đây là một cách tiếp cận toàn diện, không chỉ tập trung vào việc học nghề mà còn hỗ trợ các em phát triển những kỹ năng xã hội và tự lập cần thiết, góp phần tạo ra một xã hội hòa nhập hơn cho tất cả mọi người.

Mô hình này cũng là minh chứng cho sự kết hợp giữa giáo dục, cộng đồng và gia đình trong việc tạo ra cơ hội phát triển bền vững cho TTKTĐTVTN, từ đó góp phần làm thay đổi nhận thức và mở rộng các cơ hội cho các nhóm trẻ đặc biệt trong xã hội.

Số lượng trẻ lựa chọn lĩnh vực âm nhạc và hội họa là rất ít, chỉ chiếm 2,2%. Nguyên nhân chính là vì các nghề này đòi hỏi một mức độ cao về năng khiếu, khả năng sáng tạo và kỹ năng tinh tế, những yếu tố mà TTKTĐTVTN thường gặp nhiều khó khăn khi học nghề. Các hoạt động trong âm nhạc và hội họa yêu cầu trẻ phải có sự biểu cảm ngôn ngữ, khả năng tưởng tượng phong phú và kỹ năng vận động tay rất tốt, điều mà TTKTĐTVTN có thể gặp khó khăn trong việc phát triển. Thêm vào đó, âm nhạc và hội họa đòi hỏi trẻ phải có khả năng giao tiếp và hòa nhập tốt với những cảm xúc, suy nghĩ của người khác, điều này có thể làm các em cảm thấy thiếu tự tin và khó khăn trong việc tiếp cận. Chính vì vậy, nhiều TTKTĐTVTN không thể thể hiện bản thân trong những lĩnh vực này như cách họ làm với các nghề mang tính thực tế hơn, như làm bánh hay làm hoa. Điều này phản ánh rõ rệt sự khác biệt trong khả năng tiếp thu và sở thích nghề nghiệp của TTKTĐTVTN, đồng thời cho thấy nhu cầu cần có những chương trình đào tạo nghề phù hợp hơn với năng lực và sự phát triển đặc thù của các em. Tuy nhiên, giáo viên và phụ huynh đều khẳng định, lĩnh vực năng khiếu vẫn có trẻ thành công ở mức đỉnh cao. Đó là khả năng vượt trội của trẻ.

Kết quả phân tích cho thấy các ngành nghề hướng nghiệp dành cho TTKTĐTVTN hiện vẫn còn hạn chế và chưa đa dạng, khiến trẻ chưa có nhiều cơ hội lựa chọn các ngành nghề phù hợp với bản thân. Một phần nguyên nhân là do TTKTĐTVTN gặp khó khăn trong việc phát triển các kỹ năng cơ bản cần thiết cho công việc, đồng thời còn đối mặt với những hạn chế trong các chính sách của nhà nước dành cho nhóm trẻ này. Điều này

khuyến cơ hội nghề nghiệp và phát triển của các em trở nên hạn chế hơn so với các nhóm trẻ khác.

Mỗi trung tâm đào tạo nghề cho TTKTĐTVTN lại có một chương trình giáo dục khác nhau, được thiết kế phù hợp với từng nhóm trẻ, đặc điểm và khả năng tiếp thu của các em. Trong số các trung tâm được khảo sát, chương trình giáo dục được chia thành hai mảng chính: tiền hướng nghiệp và hướng nghiệp nghề. Mảng tiền hướng nghiệp tập trung vào việc trang bị các kỹ năng mềm và các kiến thức cơ bản giúp trẻ chuẩn bị tâm lý và năng lực để bước vào nghề. Còn mảng hướng nghiệp nghề lại tập trung vào việc đào tạo chuyên sâu về các nghề cụ thể, giúp trẻ học các kỹ năng nghề nghiệp và chuẩn bị cho việc hòa nhập vào môi trường lao động. Tuy nhiên, sự thiếu hụt về các nghề đa dạng và sự hỗ trợ mạnh mẽ từ chính sách xã hội vẫn là một thách thức lớn đối với sự phát triển nghề nghiệp của TTKTĐTVTN.

Lớp tiền hướng nghiệp chủ yếu đào tạo các kỹ năng sống, kỹ năng xã hội và giao tiếp, vận động thô, vận động tinh, để các em có ý thức vận động, giảm các hành vi gây hại với chính mình và mọi người xung quanh và để phục vụ cho nhu cầu đào tạo nghề.

Với lớp hướng nghiệp nghề: tại Trung tâm S.E.E.D có 9 học sinh lớp làm bánh, 10 học sinh lớp làm hoa nghệ thuật, 10 học sinh lớp bao bì đóng gói sản phẩm, 9 học sinh lớp Handmade. Sản phẩm của học sinh làm ra chủ yếu được bán thông qua trang facebook của trung tâm, của phụ huynh và sự hỗ trợ của các tổ chức phi chính phủ. Nguồn thu từ bán hàng sẽ được trích ra 20% làm quỹ học bổng để trao lại cho các bạn đã tham gia nhiều các hoạt động, phần còn lại sẽ được dùng để mua nguyên vật liệu.

Trung tâm Yên Nghĩa Fruits House không chia theo lớp mà dạy chung cho các em làm bánh, dạy các em nấu các món ăn đơn giản với mục đích học kỹ năng từ nghề.

“Trong công việc làm bánh, cháu chủ yếu thực hiện các công đoạn đơn giản như nhào bột, đóng đếm nguyên liệu, và trang trí bánh theo hướng dẫn của người giám sát. Công việc này không yêu cầu cháu phải làm những công đoạn phức tạp, mà tập trung vào những công việc lặp đi lặp lại, giúp cháu cảm thấy thoải mái và tự tin hơn” (Nam, 43 tuổi, phụ huynh).

Với mỗi trẻ khi đến trung tâm đều được sàng lọc, theo dõi và đánh giá sự phát triển toàn diện của trẻ với sự góp mặt của các chuyên gia nhằm kiểm tra khả năng, trình độ của các em xem phù hợp với nghề nào và đưa vào các lớp đào tạo hướng nghiệp phù hợp.

Với những trẻ không theo học hướng nghiệp tại các trung tâm hướng nghiệp chuyên biệt dành cho TTKTĐTVTN, kết quả phỏng vấn sau cho thấy:

“Với trẻ không tham gia học hướng nghiệp tại các trung tâm mà vẫn theo học tại các trường trung học cơ sở, các con được học các kỹ năng tiền hướng nghiệp là chủ yếu. Việc hướng nghiệp còn chưa được quan tâm với trẻ tự kỷ, thầy cô chỉ dừng lại ở định hướng nghề nghiệp cho trẻ”. (Nữ, 52 tuổi, giám đốc trung tâm).

“Còn nhiều TTKTĐTVTN là con các bạn, những người quen của anh đang học tại các trường phổ thông còn chưa được hướng nghiệp. Phụ huynh và giáo viên chỉ hỗ trợ các kỹ năng tiền hướng nghiệp, các con thậm chí còn chưa được biết gì về các NN các con sẽ làm trong tương lai. Những phụ huynh có TTKTĐTVTN thực sự lo lắng với hoạt động hướng nghiệp dạy nghề tại các trường phổ thông cho TTKTĐTVTN”. (Nam, 43 tuổi, phụ huynh).

Như vậy, các ngành nghề hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN đã được mở rộng nhiều ngành hơn, tuy nhiên, phụ huynh và giáo viên đều đánh giá còn hạn chế, chưa được đa dạng các ngành nghề để TTKTĐTVTN có thêm các cơ hội lựa chọn.

2.3.1.2. Về học phí tại trung tâm

Học phí tại các trung tâm đào tạo hướng nghiệp là một vấn đề mà nhiều phụ huynh quan tâm, đó cũng là một trong những yếu tố để phụ huynh lựa chọn trung tâm cho TTKTĐTVTN. Tại 03 trung tâm được khảo sát, học phí của trẻ phụ thuộc vào mức độ bệnh của trẻ, hoàn cảnh gia đình. Mức học phí không áp dụng đồng loạt cho các trẻ học tại trung tâm.

Bảng 14: Mức độ học phí

TT	Số tiền	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Từ 3 triệu – 5 triệu	21	23,3
2	Từ 5 triệu – 7 triệu	61	67,8
3	Từ 7 triệu đến 10 triệu	7	7,8
4	Trên 10 triệu	1	1,1

Nguồn: Kết quả khảo sát tại 03 trung tâm đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trên địa bàn thành phố Hà Nội

Kết quả khảo sát tại bảng 14 cho thấy, 67,8% phụ huynh đóng học phí cho trẻ ở mức từ 5 triệu đến 7 triệu, 23,3% phụ huynh đóng học phí từ 3 triệu đến 5 triệu. 7,8% phụ huynh cho biết đóng học phí từ 7 triệu đến 10 triệu, và 1,1% phụ huynh đóng học

phí trên 10 triệu. Kết quả phỏng vấn sâu cho thấy, đa số phụ huynh hiện tại có khả năng chi trả cho mức học phí này, cho thấy rằng họ sẵn sàng đầu tư vào việc học của con để hỗ trợ phát triển nghề nghiệp và hòa nhập xã hội cho trẻ.

“Hàng tháng, gia đình chị đóng học phí 7 triệu đồng, bao gồm cả chi phí ăn trưa. Mức học phí này phù hợp với các chương trình đào tạo nghề và hỗ trợ hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ, giúp gia đình đáp ứng tốt mà không gặp khó khăn tài chính, nhất là đối với trẻ có nhu cầu học tập và phát triển kỹ năng đặc biệt. Việc gia đình có thể chi trả mức học phí này đồng nghĩa với việc có thể tạo ra một môi trường học tập ổn định cho con, nơi không chỉ tập trung vào việc phát triển kiến thức mà còn giúp trẻ tiếp cận với các chương trình đào tạo nghề, kỹ năng sống hoặc các chương trình hướng nghiệp đặc biệt, tạo nền tảng vững chắc để trẻ có thể hòa nhập và phát triển nghề nghiệp trong tương lai. Mức học phí này là một đầu tư hợp lý cho sự phát triển lâu dài của trẻ, đồng thời giúp gia đình có thể tiếp cận các dịch vụ giáo dục và hỗ trợ cần thiết cho con.”. (Nữ, 41 tuổi, phụ huynh).

“Gia đình tôi đóng học phí cho con 4 triệu/tháng. Với mức học phí này phù hợp với thu nhập và khả năng chi trả của gia đình. Nhưng không đảm bảo cho công tác đào tạo nghề của con. Vì cơ sở vật chất cho học nghề còn thiếu thốn nhiều”. (Nam, 48 tuổi, phụ huynh).

“Với mức thu nhập của gia đình, gia đình đủ lo được cuộc sống cho trẻ. Tuy nhiên theo nhìn nhận của gia đình, với mức chi phí đó với các gia đình khác nếu không có nguồn thu ổn định cũng được đánh giá là cao. Vì ngoài chi phí học tại trung tâm, với riêng cá nhân TTKTĐTVTN, các em còn chi phí sinh hoạt trong gia đình ngoài giờ học. Một khoản chi phí khá tốn kém và phải chi thường xuyên là các em phải uống thuốc định kỳ. Trung tâm chi trả cho các em chỉ đủ để động viên vì 100.000 đồng/tháng” (Nữ, 38 tuổi, phụ huynh).

“Mức học phí từ 3 đến 5 triệu đồng mỗi tháng là chưa thể đáp ứng đầy đủ yêu cầu công tác dạy nghề cho trẻ tự kỷ.. Với mức học phí này, các trung tâm gặp khó khăn trong việc đầu tư vào cơ sở vật chất, từ đó chưa thể tạo ra môi trường học tập và thực hành nghề nghiệp tốt nhất cho trẻ. Cơ sở vật chất, trang thiết bị và các công cụ nghề nghiệp cần thiết cho quá trình đào tạo nghề đòi hỏi nguồn kinh phí lớn hơn, đặc biệt là đối với những nghề đòi hỏi kỹ thuật cao và các công cụ chuyên biệt. Tuy nhiên, các trung tâm hiện nay đang áp dụng nhiều mức học phí khác nhau, tùy thuộc vào đặc thù nghề nghiệp

mà trẻ chọn học. Việc này không chỉ giúp phù hợp với khả năng tài chính của phụ huynh mà còn giúp đáp ứng nhu cầu học nghề của từng em. Các mức học phí linh hoạt này nhằm đảm bảo rằng có nhiều TTKTĐTVTN có thể tiếp cận được các ngành nghề phù hợp với năng lực và sự phát triển của bản thân, đồng thời giảm bớt gánh nặng tài chính cho gia đình” (Nữ, 51 tuổi, giám đốc trung tâm).

Việc đa dạng mức học phí cho các chương trình học hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN giúp tăng cường khả năng tiếp cận cho nhiều đối tượng gia đình có điều kiện kinh tế khác nhau. Các gia đình có thu nhập trung bình hoặc khá sẽ dễ dàng hơn trong việc chi trả học phí, từ đó giúp con em họ có cơ hội tham gia các khóa học, học hỏi các kỹ năng nghề nghiệp, chuẩn bị cho tương lai tự lập và hòa nhập xã hội. Điều này có ý nghĩa lớn trong việc tạo cơ hội bình đẳng cho tất cả TTKTĐTVTN, dù thuộc các gia đình có mức thu nhập khác nhau.

Tuy nhiên, vấn đề vẫn tồn tại đối với những gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn. “Có những bạn đến học tại trung tâm, được cơ quan của bố hứa sẽ đỡ đầu để con học tại trung tâm vì gia đình bạn không đủ chi phí để cho con theo học. Nhưng hỗ trợ được 3 tháng thì cơ quan bố không hỗ trợ nữa, đến nay đã nợ học phí 4 - 5 tháng. Bây giờ trung tâm không biết làm thế nào” (Nữ, 29 tuổi, giáo viên). Mặc dù mức học phí đã được linh hoạt, nhưng đối với những gia đình có thu nhập thấp hoặc khó khăn tài chính, chi phí học nghề vẫn có thể là một gánh nặng lớn. Điều này khiến một bộ phận trẻ TTKTĐTVTN khó tiếp cận được các chương trình học hướng nghiệp, mặc dù họ cũng có nhu cầu và tiềm năng học. Hệ quả là, các em không chỉ thiếu cơ hội phát triển nghề nghiệp mà còn thiếu đi những kỹ năng cần thiết để hòa nhập với xã hội, điều này làm gia tăng sự bất bình đẳng trong cơ hội giáo dục và nghề nghiệp giữa các trẻ tự kỷ.

2.3.1.3. Về trang bị kiến thức, kỹ năng cho trẻ

Việc trang bị kiến thức và kỹ năng cho TTKTĐTVTN được các trung tâm chia làm 2 nội dung:

Với lớp tiền hướng nghiệp, TTKTĐTVTN được đào tạo các kỹ năng sống, kỹ năng xã hội và giao tiếp, vận động thô, vận động tinh. Với lớp kỹ năng sống, trẻ được tìm hiểu về bản thân cơ thể mình, những dụng cụ an toàn và không an toàn, biết kỹ năng an toàn cá nhân, kỹ năng bảo vệ bản thân... Về kỹ năng giao tiếp, các em sẽ được chú trọng đến sự chủ động trong giao tiếp, phát triển kỹ năng chào hỏi, giới thiệu bản thân, giới thiệu sản phẩm... Còn với kỹ năng tự quản lý bản thân, TTKTĐTVTN được rèn kỹ

năng quản lý thời gian, quản lý hành vi, Chương trình giáo dục kỹ năng sống còn được thiết kế theo từng chủ đề như phòng chống điện giật, phòng chống cháy nổ, kỹ năng tặng quà cho bà, mẹ, thầy cô.... Khi trẻ tham gia các hoạt động này cùng các bạn hỗ trợ, giáo viên có khi phải giúp “cầm tay chỉ việc”. Lớp tiền hướng nghiệp chính là nền tảng để các em bước sang lớp hướng nghiệp thuận lợi, chất lượng, rút ngắn thời gian hơn.

Với lớp hướng nghiệp: Ngành nghề làm đồ handmade và làm bếp là một trong những lựa chọn đào tạo đặc biệt mà trung tâm áp dụng cho trẻ, với mục tiêu không chỉ phát triển kỹ năng mà còn giúp trẻ tự tin hơn trong cuộc sống. Mỗi tuần, trung tâm tổ chức 2 buổi học chuyên sâu về các kỹ năng này, giúp các em học hỏi cách làm thủ công, tạo ra các sản phẩm handmade đẹp mắt hoặc học các kỹ năng chế biến món ăn. Bên cạnh đó, trong các buổi học còn lại trong tuần, các em sẽ được tiếp cận với các môn học văn hóa như toán, văn, tiếng Việt, đạo đức, cùng với các kỹ năng sống khác, giúp trẻ không chỉ rèn luyện khả năng nghề nghiệp mà còn phát triển toàn diện về trí tuệ và nhân cách.

Trung tâm cũng đã xây dựng một mô hình đào tạo thủ công - bếp bánh, với mục đích không chỉ trang bị cho trẻ những kỹ năng nghề nghiệp cụ thể mà còn giúp phụ huynh và trẻ nhận diện được khả năng nghề nghiệp trong tương lai. Chương trình này nhằm giúp các em có thể tìm ra hướng đi phù hợp với bản thân, đồng thời mở ra cơ hội cho các em có thể hòa nhập cộng đồng một cách tốt nhất. Đặc biệt, các em sẽ có thể tự tạo ra công việc, kiếm tiền nuôi sống bản thân và đóng góp cho gia đình và xã hội. Đây là một phần quan trọng trong quá trình hướng nghiệp cho trẻ, giúp trẻ không chỉ có nghề mà còn có thể trở thành những người có ích trong cộng đồng.

Chương trình này không chỉ là việc học nghề mà còn là cơ hội phát triển toàn diện cho trẻ, góp phần tạo dựng nền tảng vững chắc cho sự tự lập và thành công trong tương lai của các em. Tuy nhiên số lượng bánh làm ra không nhiều, chủ yếu bán cho phụ huynh, người quen ủng hộ. Sản phẩm được bán với giá phải chăng, khoảng 20 – 25 nghìn đồng/hộp, tùy loại bánh. Tiền lãi thu được từ việc bán bánh, trung tâm tái đầu tư mua nguyên liệu để các em thực hành học nghề.

Nghề làm bánh và pha chế: nghề làm bánh rất phù hợp với trẻ có nhu cầu đặc biệt vì các bước thực hiện không quá khó, dễ hiểu và có thể được thực hành nhiều lần để cải thiện kỹ năng. Các em có thể dễ dàng tiếp thu các kỹ năng cơ bản và làm được những sản phẩm bánh đơn giản như bánh quy, bánh mỳ, hay bánh ngọt, qua đó giúp các em

cảm thấy tự tin hơn và có thể tự tạo ra sản phẩm mà chính mình có thể thưởng thức hoặc bán để kiếm tiền.. Nhưng lại là nguồn thu nhập tương đối ổn định cho các em.

Nghề làm đồ handmade: Những công việc này không đòi hỏi khả năng quá cao về tư duy nhưng nó có thể rèn cho các em tính kiên trì nhẫn nại.

Nghề làm hoa nghệ thuật: Cũng giống như handmade, hoa nghệ thuật không đòi hỏi nhiều khả năng về tư duy nhưng rèn cho các em tính tỉ mỉ, khéo léo và kiên trì. Sau khi thành thạo nghề, các em có thể làm tại các tiệm hoa hay hỗ trợ các khóa học đào tạo hay các workshop về làm hoa cho các bạn có cùng hoàn cảnh khác.

Nghề bao bì, đóng gói, sản phẩm nông nghiệp: Đây là một nghề có thể đem lại cho các em một nguồn thu nhập ổn định. Nó cũng không đòi hỏi yêu cầu quá cao về tay nghề nên việc học nghề có thể dễ dàng hơn.

“Sau khi trẻ được trung tâm test thử xong, giáo viên cũng liên hệ với gia đình để sắp xếp thời gian, thủ tục nhập học rồi hướng dẫn gia đình chọn ngành nghề phù hợp với con em mình. Sau khi gia đình chúng tôi được giáo viên gợi ý và cân nhắc cùng với sự quan sát của gia đình, chúng tôi quyết định cho em theo học ngành làm hoa. Tôi cũng thấy ngành này có tiềm năng và cơ hội phát triển đúng với nhu cầu, sở thích và khả năng của con cái.” (Nữ, 41 tuổi, phụ huynh)

“Ở SEED, mỗi một trẻ sẽ có một chương trình học “may đo” để phù hợp với năng lực của học sinh. Các cô giáo vẫn nói rằng: “mỗi một bạn là 1 bông hoa rất đặc biệt, nở 1 cách đặc biệt của riêng bạn ấy mà không giống một ai cả.” Thế nên là mỗi một bạn sẽ có 1 chương trình “may đo” riêng. Giáo viên sẽ phối kết hợp cùng với gia đình để đưa ra cách thức cùng hướng dẫn các bạn trẻ. Tất cả những trẻ trước khi được tiếp nhận sẽ được đánh giá qua bài test, báo cáo rất sát sao trên từng lĩnh vực, kế hoạch dựa vào công cụ đánh giá đó, ưu tiên những kỹ năng gì học trước, những kỹ năng gì học sau. Sau đó ban quản trị duyệt kế hoạch đánh giá, giáo viên sẽ tiếp nhận và gửi lại với gia đình. Giáo viên và gia đình cùng nhau kết hợp để tiến hành hỗ trợ các bạn học sinh.” (Nữ, 22 tuổi, giáo viên).

“Sau 6 tháng học nghề tại Trung tâm, chị thấy con mình thay đổi cả trong lời nói, cách sống. Con chín chu hơn trong mặc quần áo, cất đồ đúng nơi quy định. Sạch sẽ hơn trong ăn, ở. Chị thấy mừng lắm. Con không chỉ được học nghề, con được học các kỹ năng sống, con giao tiếp với mọi người tự tin hơn”. (Nữ, 41 tuổi, phụ huynh)

Trong khuôn viên của các trung tâm, có một vườn rau nhỏ là nơi giúp các em học sinh của trung tâm cải thiện nhận thức và trải nghiệm thực tế về môi trường xung quanh cũng như cách học trồng và chăm sóc một số loại rau, củ, quả như mồng tơi, rau cải, mướp, giá. Thành phẩm của các em sẽ được nhà bếp của trung tâm thu mua nhằm cải thiện chất lượng bữa ăn của học sinh. Khi có dư sản phẩm, TTKTĐTVTN chính là những người bán ra những sản phẩm do chính mình làm ra cho những khách hàng. Điều này cũng khiến trẻ tự tin hơn, mạnh dạn hơn và cải thiện kỹ năng giao tiếp trong cuộc sống của các em.

Trong quá trình học nghề, các trung tâm hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN còn quan tâm rèn cho trẻ về các kỹ năng sống cần thiết như kỹ năng chăm sóc bản thân, đảm bảo sự an toàn cho bản thân khi thực hiện thực hành nghề như sử dụng dao, kéo, máy móc, trang thiết bị, đồ dùng lao động..., kỹ năng dọn dẹp vệ sinh nhà cửa, phòng ốc....

Bên cạnh các chương trình học nghề, các con được học các lớp bồi dưỡng văn hóa, nâng cao khả năng nhận thức, đáp ứng chuẩn phổ cập giáo dục và chuẩn đầu ra của học nghề.

Bảng 15: Mức độ trang bị kiến thức, kỹ năng cho trẻ tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên

Mục tiêu	1.Kém		2.Yếu		3.TB		4.Khá		5.Tốt		ĐT B	TT
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1.Trang bị kiến thức	1	1,1	1	1,1	24	26,7	37	41,1	27	30,0	3,98	3
2.Trang bị kỹ năng	1	1,1	2	2,2	19	21,1	42	46,7	26	28,9	4,00	2
3.Thực hành, trải nghiệm	1	1,1	1	1,1	20	22,2	36	40,0	32	35,6	4,08	1
Đánh giá chung										4.02		

Nguồn: Kết quả khảo sát tại 03 trung tâm đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trên địa bàn thành phố Hà Nội

Nội dung trang bị kiến thức, kỹ năng cho TTKTĐTVTN được hướng nghiệp thì phụ huynh đánh giá mức khá, có điểm trung bình là 4,02. Trong đó nội dung thực hành trải nghiệm được phụ huynh đánh giá cao nhất, có điểm trung bình 4,08, với 35,6% phụ huynh đánh giá mức tốt, 40% phụ huynh đánh giá mức khá, 22,2% phụ huynh đánh giá mức trung bình và có 2,2% phụ huynh đánh giá mức yếu, kém. Nội dung trang bị kỹ năng được phụ huynh đánh giá thứ 2, có điểm trung bình 4,00 với 28,9% phụ huynh đánh giá mức tốt, 46,7% phụ huynh đánh giá mức khá, 21,1% phụ huynh đánh giá mức trung bình và có 3,3% phụ huynh đánh giá mức yếu, kém.

“Các bạn hầu như học các kỹ năng để phục vụ, mục tiêu cao nhất là khả năng tự lập rồi mới đến khả năng làm nghề. Các bạn học các kỹ năng tự phục vụ như là nấu một bữa ăn, cầm tiền đi chợ biết mua đồ, biết cầm tiền thừa về. Ngoài ra, còn phải học về các kỹ năng nghề. Hai kỹ năng được trung tâm dạy song song, các bạn ưu tiên kỹ năng dễ trước khó sau. Kỹ năng giao tiếp, ứng xử, phản ứng với tình huống khó. Chắc chắn các kỹ năng này các bạn không thể học nhanh được, cần có sự đan xen để có thể nhìn thấy thành quả của con trước. Nhìn nhận được sự tiến bộ từng ngày của các bạn chứ không phải là tiến bộ đột xuất. Ví dụ như kỹ năng nhặt rau, trong 1 tháng có thể nhìn thấy sự tiến bộ của con nhưng những kỹ năng về xã hội thì khó hơn, chủ động trong giao tiếp, ... cần thời gian rất dài để có thể nhìn thấy được”. (Nữ, 22 tuổi, giáo viên)

Như vậy, trong hoạt động hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN, các trung tâm đều chú trọng hơn thực hành và trải nghiệm. Điều này phù hợp với những đặc điểm tâm sinh lý của TTKTĐTVTN: tính dập khuôn, máy móc và học thông qua khả năng quan sát, chụp hình. Đó vừa là hạn chế cũng vừa là cơ hội trong việc hướng nghiệp cho trẻ.

2.3.1.4. Về nhiệm vụ trang bị kiến thức

Bảng 16: Nhiệm vụ trang bị kiến thức, kỹ năng cho TTKTĐTVTN

Mục tiêu	1.Kém		2.Yếu		3.TB		4.Khá		5.Tốt		ĐTB	TT
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1. Trang bị các kiến thức cơ bản về nghề nghiệp	1	1,1	4	4,4	27	30,0	34	37,8	24	26,7	3,84	3

Mục tiêu	1.Kém		2.Yếu		3.TB		4.Khá		5.Tốt		ĐT B	TT
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
2. Hỗ trợ, giảng dạy kiến thức, các quy trình để làm ra 1 phần sản phẩm hoàn chỉnh	1	1,1	3	3,3	21	23,3	32	35,6	33	36,7	4,03	2
3.Tổ chức thực hành tạo ra sản phẩm	1	1,1	3	3,3	18	20,0	34	37,8	34	37,8	4,08	1
Đánh giá chung											3,99	

Nguồn: Kết quả khảo sát tại 03 trung tâm đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trên địa bàn thành phố Hà Nội

Về mức độ thực hiện nhiệm vụ trang bị kiến thức cho TTKTĐTVTN được phụ huynh đánh giá mức khá, điểm trung bình là 3,99. Các trung tâm hướng nghiệp đều quan tâm đến quá trình tổ chức thực hành tạo ra sản phẩm, hỗ trợ, giảng dạy kiến thức, các quy trình để làm ra 1 phần sản phẩm hoàn chỉnh và trang bị các kiến thức cơ bản về nghề nghiệp. Điều này cho thấy điểm khác biệt trong đào tạo nghề cho TTKTĐTVTN và nhóm trẻ khác thông qua quy trình khác nhau. Với TTKTĐTVTN, các trung tâm hướng đến kết quả sản phẩm hơn lý thuyết. Điều này phù hợp với đặc điểm dập khuôn, máy móc của TTKTĐTVTN. Nên trẻ thực hiện theo đúng thao tác, quy trình tốt hơn so với ghi nhớ lý thuyết. Bởi nhớ lý thuyết là yếu điểm của TTKTĐTVTN. Quá trình hướng nghiệp, dạy nghề cho TTKTĐTVTN, giáo viên tăng thời gian cho trẻ thực hành, giúp trẻ ghi nhớ lý thuyết thông qua thực hành là chủ yếu. Vì vậy, việc học nghề của trẻ hướng đến tạo ra các sản phẩm sớm như các sản phẩm thủ công, mỹ nghệ, các sản phẩm là nước uống, bánh Tạo ra quy trình khép kín trong hoạt động hướng nghiệp cho trẻ. Từ việc dạy nghề, tạo việc làm, tạo thu nhập, đầu tư cho hoạt động học nghề của trẻ.

2.3.1.5. Thực trạng về mức độ đáp ứng hoạt động hướng nghiệp của các trung tâm

Bảng 17: Mức độ đáp ứng hoạt động hướng nghiệp của các trung tâm

Mục tiêu	1.Kém		2.Yếu		3.TB		4.Khá		5.Tốt		ĐT B	T T
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1.Đội ngũ giảng viên của Trung tâm	1	1,1	0	0,0	5	5,6	42	46,7	42	46,7	4,38	1
2.Cơ sở vật chất, trang thiết bị học tập,	1	1,1	1	1,1	9	10,0	52	57,8	27	30,0	4,14	4
3.Nội dung giảng dạy tại trung tâm	1	1,1	2	2,2	7	7,8	46	51,1	34	37,8	4,22	2
4. Phương pháp giảng dạy	1	1,1	2	2,2	7	7,8	47	52,2	33	36,7	4,21	3
5.Sự thay đổi của con sau khi theo học trung tâm	1	1,1	3	3,3	20	22,2	41	45,6	25	27,8	3,96	5
6.Tổ chức các buổi tập huấn cho cha mẹ, gia đình về vấn đề hỗ trợ	1	1,1	1	1,1	28	31,1	38	42,2	22	24,4	3,88	7

Mục tiêu	1.Kém		2.Yếu		3.TB		4.Khá		5.Tốt		ĐT B	T T
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
cho con cái tại nhà												
7.Cung cấp kiến thức, kỹ năng hướng dẫn cho con cái tại nhà	1	1,1	2	2,2	23	25,6	42	46,7	22	24,4	3.91	6
Đánh giá chung											4,10	

Nguồn: Kết quả khảo sát tại 03 trung tâm đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trên địa bàn thành phố Hà Nội

Các yêu cầu về hoạt động hướng nghiệp dành cho TTKTĐTVTN tại các trung tâm hiện nay được phụ huynh đánh giá ở mức khá, với điểm trung bình đạt 4,10. Trong đó, đội ngũ giảng viên là yếu tố nổi bật nhất, được đánh giá ở mức tốt, với điểm trung bình 4,38. Có tới 93,3% phụ huynh cho rằng giáo viên tại trung tâm có chuyên môn phù hợp, tận tâm và có khả năng đáp ứng tốt nhu cầu đặc biệt của TTKTĐTVTN. Điều này cho thấy nguồn nhân lực giảng dạy đóng vai trò then chốt trong việc đảm bảo chất lượng giáo dục hướng nghiệp cho trẻ.

Chất lượng đội ngũ giáo viên cũng phù hợp với đánh giá của phụ huynh về nội dung giảng dạy tại trung tâm, xếp thứ hai với điểm trung bình là 4,22; trong đó có 87,8% phụ huynh nhận định nội dung giảng dạy ở mức khá và tốt. Tiếp theo là phương pháp giảng dạy, đứng vị trí thứ ba với điểm trung bình 4,21 và 88,9% phụ huynh đánh giá tích cực. Các phương pháp tiếp cận linh hoạt, phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ, được áp dụng hiệu quả trong giảng dạy.

Bên cạnh đó, nội dung liên quan đến sự thay đổi của trẻ sau khi học tại trung tâm được đánh giá ở mức khá, với điểm trung bình 3,96. Điều này cho thấy các chương trình hướng nghiệp đã bước đầu mang lại hiệu quả tích cực đối với sự phát triển của

TTKTĐTVTN. Ngoài ra, nội dung cung cấp kiến thức và kỹ năng cho phụ huynh để hỗ trợ con tại nhà cũng đạt điểm trung bình 3,96, cho thấy vai trò đồng hành của gia đình đã được chú trọng, tuy vẫn còn cần nâng cao hơn nữa.

Cuối cùng, hoạt động tổ chức các buổi tập huấn cho cha mẹ về cách hỗ trợ con tại nhà có điểm trung bình 3,88, ở mức khá. Mặc dù mức đánh giá này là tương đối tích cực, song vẫn phản ánh nhu cầu được trang bị kiến thức và kỹ năng nhiều hơn của các bậc phụ huynh trong việc đồng hành cùng con. Như vậy, kết quả cho thấy các trung tâm đã có nền tảng tốt trong việc tổ chức hoạt động hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN, tuy nhiên vẫn cần tiếp tục cải thiện và đa dạng hóa nội dung hỗ trợ dành cho gia đình để tăng cường hiệu quả can thiệp và giáo dục toàn diện cho trẻ.

“Trong quá trình hỗ trợ và hướng nghiệp, việc trao đổi, liên hệ và hỗ trợ phụ huynh một cách thường xuyên là một nhiệm vụ quan trọng và cần thiết. Tuy nhiên, tại trung tâm của chị, hoạt động này vẫn chưa được thực hiện hiệu quả. Nguyên nhân chủ yếu là do đội ngũ giáo viên phải dành nhiều thời gian trực tiếp cho việc chăm sóc, giảng dạy và hỗ trợ trẻ, trong khi phụ huynh ngày càng bận rộn với công việc, khó sắp xếp thời gian để tham gia đầy đủ các buổi trao đổi với giáo viên. Điều này dẫn đến sự thiếu kết nối giữa trung tâm và gia đình, làm giảm hiệu quả phối hợp trong quá trình hỗ trợ toàn diện cho trẻ. Việc cải thiện cơ chế liên lạc, ứng dụng công nghệ hoặc xây dựng lịch trao đổi linh hoạt hơn là những giải pháp cần được xem xét để nâng cao sự tương tác giữa nhà trường và phụ huynh.”. (Nữ, 29 tuổi, giáo viên)

“Trung tâm tự tin về chất lượng giảng dạy do đội ngũ cán bộ đúng chuyên ngành và được đào tạo thêm các khóa can thiệp, hướng nghiệp, kỹ năng kinh doanh và coaching. Giáo viên hướng nghiệp còn học về sản phẩm để đảm bảo đầu ra ổn định. Trung tâm xây dựng giáo án hàng tháng, gửi cho phụ huynh để theo dõi tiến trình học nghề của trẻ. Tuy nhiên, do đặc thù của TTKTĐTVTN học hướng nghiệp là khác nhau nên việc xây dựng giáo án khó hơn, đòi hỏi giáo viên phải thực sự hiểu về trẻ” (Nữ, 51 tuổi, lãnh đạo trung tâm).

Mặc dù còn nhiều khó khăn, vướng mắc trong công tác hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN, tuy nhiên mức độ đáp ứng yêu cầu của các trung tâm trong hoạt động hướng nghiệp đều ở mức làm cho phụ huynh hài lòng.

Bảng 18: Mức độ đáp ứng nhu cầu hướng nghiệp tại trung tâm

TT	Mức độ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Đáp ứng hoàn hảo	3	3,3
2	Đáp ứng 1 phần	44	48,9
3	Đáp ứng	18	20,0
4	Ít đáp ứng	15	16,7
5	Hoàn toàn chưa đáp ứng	10	11,1

Nguồn: Kết quả khảo sát tại 03 trung tâm đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trên địa bàn thành phố Hà Nội

Kết quả từ bảng 18 cho thấy chỉ 3,3% phụ huynh nhận định rằng trung tâm hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN hoàn toàn đáp ứng được nhu cầu giáo dục hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN, trong khi đa số ý kiến cho rằng mức độ đáp ứng còn hạn chế: 48,9% cho rằng chỉ đáp ứng một phần, 20,0% đánh giá là cơ bản đáp ứng, 16,7% cho biết thành phố ít đáp ứng và 11,1% cho rằng hoàn toàn chưa đáp ứng được nhu cầu này. Những con số này phản ánh thực trạng còn nhiều bất cập trong công tác hướng nghiệp dành cho TTKTĐTVTN tại địa phương.

Cả phụ huynh và giáo viên đều chia sẻ những băn khoăn và lo lắng xoay quanh quá trình này. Trước hết, số lượng TTKTĐTVTN được tiếp cận với chương trình hướng nghiệp vẫn còn hạn chế. Một phần nguyên nhân là do số lượng trung tâm cung cấp dịch vụ hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN hiện nay còn ít, chưa đủ để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng. Ngoài ra, chương trình hướng nghiệp hiện hành vẫn chưa thật sự phù hợp với khả năng đặc thù của TTKTĐTVTN; nhiều hoạt động mang tính hình thức hoặc chưa có sự điều chỉnh theo năng lực nhận thức và kỹ năng của từng nhóm trẻ.

Sự thiếu đa dạng trong các ngành nghề được thiết kế cũng khiến trẻ không có nhiều lựa chọn phù hợp với sở thích và khả năng cá nhân. Hơn nữa, chính sách hỗ trợ từ nhà nước trong lĩnh vực này vẫn còn ít, chưa đồng bộ và hiệu quả, dẫn đến khó khăn trong việc triển khai thực tế ở các trung tâm hoặc cơ sở giáo dục đặc biệt. Bên cạnh đó, chất lượng đội ngũ giáo viên hướng nghiệp cũng là yếu tố đáng lưu tâm, bởi giáo viên không chỉ cần chuyên môn sư phạm mà còn cần kiến thức về hướng nghiệp, kỹ năng thực hành và sự thấu hiểu tâm lý đặc thù của TTKTĐTVTN.

Từ thực trạng trên, có thể thấy rằng để nâng cao hiệu quả hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN tại Hà Nội nói riêng và cả nước nói chung, cần có sự đầu tư toàn diện hơn về chính sách, chương trình đào tạo, nguồn lực con người và cơ sở vật chất

“Hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ được xã hội ủng hộ nhưng chủ yếu dừng ở lý thuyết, thiếu hành động cụ thể. Dù sản phẩm trẻ làm ra đạt chất lượng, việc tiêu thụ còn khó khăn do truyền thông chưa hiệu quả, dù đã có nỗ lực quảng bá.” (Nữ, 29 tuổi, giáo viên).

“Tỷ lệ thành công trong đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ hiện ở mức trung bình. Việc tìm được ngành nghề phù hợp với trẻ rất quan trọng nhưng cũng đầy thách thức. Dù một số trẻ có thể làm việc được sau đào tạo, các em thường làm việc rập khuôn, không linh hoạt về số lượng hay tiến độ. Do đó, quá trình hướng nghiệp hiện chủ yếu dừng lại ở mức định hướng, còn để phát triển thành nghề thực thụ cho trẻ cần thêm nhiều yếu tố hỗ trợ khác.” (Nữ, 44 tuổi, giáo viên).

Trung tâm cũng lắng nghe những chia sẻ, nhu cầu và mong muốn của phụ huynh nhằm hỗ trợ và đề ra kế hoạch học tập phù hợp nhằm đạt kết quả như mong đợi. Tuy nhiên do khả năng nhận thức và năng lực của trẻ nên chương trình giáo dục cho các em còn đơn giản và chủ yếu phục vụ khả năng sống độc lập sau này. Điều này cũng phù hợp với mục đích của phụ huynh khi cho con theo học tại trung tâm hướng nghiệp.

“Tại trung tâm mục tiêu khi tổ chức các hoạt động hướng nghiệp là để dạy trẻ những kỹ năng liên quan đến toán chức năng và tiếng việt chức năng để các em có thể ứng dụng vào cuộc sống hằng ngày. Ví dụ như khi qua hoạt động học làm thiệp, làm bánh, nấu chè các bạn sẽ biết đo kích thước, biết đong lượng nước thích hợp, ngoài ra các bạn còn biết xem đồng hồ, biết đếm số lượng...Hay trong quá trình hướng nghiệp có phân ra những giai đoạn khác nhau, mỗi bạn sẽ được xếp ở một vị trí do đó trong quá trình làm việc kỹ năng giao tiếp và tương tác xã hội sẽ được cải thiện. Như vậy, khi về nhà các bạn có thể giúp đỡ gia đình một vài công việc nhỏ.” (Nữ, 44 tuổi, giáo viên).

Trong thời gian hoạt động trung tâm cũng có những thuận lợi và những khó khăn nhất định. Bên cạnh sự ủng hộ và tin tưởng của quý phụ huynh thì vai trò của các thầy cô tại trung tâm là rất quan trọng: *“Trung tâm rất may mắn khi có những giáo viên rất là tận tâm, các thầy cô hầu hết đều đang còn rất trẻ và đặc biệt là rất yêu trẻ con. Mọi người đều làm việc rất có trách nhiệm và rất kiên nhẫn. Như các em cũng biết trẻ con bình thường đã rất nghịch ngợm, các trẻ bị tự kỷ còn mắc khiếm khuyết về nhiều mặt,*

tại trung tâm cũng có các bạn ở nhiều độ tuổi khác nhau từ trẻ em, trẻ vị thành niên đến các bạn lớn hơn 20 tuổi nên khi làm việc với các em cần rất nhiều sự cố gắng cũng như cứng rắn nhẹ nhàng tùy vào hoàn cảnh.” (Nữ, 44 tuổi, giáo viên).

Đội ngũ giáo viên của mỗi trung tâm cũng làm nên thương hiệu cho trung tâm. Điều này đáp ứng nhu cầu từ chính TTKTĐTVTN mà với cả phụ huynh. Đa số phụ huynh yên tâm về chất lượng giáo viên thì họ yên tâm cho con học nghề. Hiện nay, mặc dù đội ngũ giáo viên dạy nghề tại các trung tâm còn ít về số lượng nhưng nhìn chung đảm bảo về chất lượng, đáp ứng được nhu cầu của phụ huynh.

Trong quá trình hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN, các trung tâm, giáo viên luôn trao đổi cùng phụ huynh về tình hình học tập của con, tạo điều kiện tối đa cho sự phát triển của trẻ trong học nghề, hướng nghiệp. Tuy nhiên trung tâm vẫn còn một số hạn chế về cơ sở vật chất chưa được đáp ứng. Các phòng học diện tích khá chật chội, chưa thể đáp ứng được những hoạt động tập thể khi tập trung số lượng lớn học sinh.

Có một vấn đề nan giải mà các Trung tâm hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN gặp phải chính là đầu ra cho các sản phẩm được làm từ các TTKTĐTVTN trong trung tâm. Hiện tại, các sản phẩm bán ra chỉ đạt được số lượng rất ít, hầu hết mọi người chỉ ủng hộ thời gian đầu và mua với tinh thần là chia sẻ động viên với lòng trắc ẩn nhiều hơn là mua với nhu cầu của bản thân là tìm đến một dịch vụ tốt để đáp ứng nhu cầu.

2.3.2. Thực trạng từ phía xã hội

Đào tạo nghề cho TTKTĐTVTN và liên kết được đầu ra là một vấn đề rất quan trọng. Đối với các trung tâm hướng nghiệp hiện nay được mở ra dành cho những người mắc chứng tự kỷ đều đang gặp khó khăn chưa có xác định được đầu ra sau khi học sinh hoàn thành chương trình của trung tâm. Cơ hội việc làm cho TTKTĐTVTN luôn là bài toán khó khăn cho các đơn vị tuyển dụng hay các doanh nghiệp muốn trợ giúp nhóm lao động này. Để các doanh nghiệp, đơn vị tuyển dụng nhận người vào làm phải phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố. Khi nền kinh tế ngày càng phát triển, người tuyển dụng hay người sử dụng lao động cũng phải đưa ra những yêu cầu khắt khe hơn với người lao động như linh hoạt, nhanh nhạy và đa dạng hơn trong kỹ năng giao tiếp, ứng xử và ứng phó với các tình huống. Trong khi đó, TTKTĐTVTN lại có những rào cản về ngôn ngữ, vô hình chung tạo nên bức tường ngăn cách trong giao tiếp nhân sự với nhau.

Theo quan sát thực tế, mặc dù hoạt động tìm kiếm cơ hội việc làm cho TTKTĐTVTN đã được đẩy mạnh, song thực tế cơ hội việc làm cho các em sau khi hoàn

thành chương trình học là chưa có nhiều. “Trung tâm rất mong muốn Nhà nước cần có chính sách hỗ trợ các trung tâm hướng nghiệp cho các bạn. Ví dụ có các chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp như hỗ trợ trung tâm để giảm học phí cho trẻ. Và có thêm nhiều doanh nghiệp có thể đồng ý cho các bạn đó vào làm. Từ đó có thể thay đổi được cách hiểu của mọi người về người tự kỷ, rằng TTKTĐTVTN cũng có thể làm và hoàn thành tốt được công việc” (Nữ, 51 tuổi, quản lý trung tâm).

“Thật ra, sản phẩm của các con làm ra thì hiện tại mới chỉ bán online, đợt tới trung tâm liên kết với các cửa hàng thực phẩm và gửi các sản phẩm của trẻ, sẽ làm chiến dịch marketing, chiến dịch về thị trường. Để giống như 1 thương hiệu bánh bình thường, trung tâm sẽ không nói đây là sản phẩm của các con tự kỷ làm, mà chỉ nói đây là sản phẩm của trung tâm Ngọc Ân. Bởi vì, tư tưởng của mọi người là tự kỷ không biết làm gì, tự kỷ làm đồ ăn không sạch, tự kỷ làm cái này nó nguy hiểm tôi không dám ăn, tôi sợ. Trung tâm muốn khẳng định những món ăn mà trung tâm làm ngon và thật sự chất lượng. Và khi mọi người ăn xong để khi họ tìm đến thì họ sẽ biết là những người làm ra sản phẩm không phải những người bình thường mà là các con tự kỷ. Đây cũng là một cách mà trung tâm muốn một cách công khai để mọi người coi TTKTĐTVTN như các bạn bình thường”. (Nữ, 51 tuổi, quản lý trung tâm)

Nguồn liên kết thứ hai là liên kết với doanh nghiệp/ công ty trong nước. Việc liên kết này đòi hỏi các bạn tự kỷ phải có những kỹ năng chuyên nghiệp về một công việc cụ thể và các thành thực để có thể làm việc tại các doanh nghiệp. Hơn nữa, đối với việc liên kết về đầu ra cho các con, để có thể liên kết với doanh nghiệp/ công ty trong nước, đòi hỏi rất nhiều ở việc hướng nghiệp của các trung tâm có thể dạy cho các bạn các kỹ năng chuyên nghiệp về một công việc cụ thể. Ngoài ra, cha mẹ cũng mong muốn đầu ra cho các con có thể liên kết với các trung tâm. Trung tâm hiện nay cũng là nơi hiểu và có thể giúp đỡ các bạn tự kỷ rất tốt, đặc biệt các sản phẩm của các bạn làm ra trung tâm cũng cố gắng giúp các bạn tiêu thụ sản phẩm. Do đó, nếu như các trung tâm lên tiếng đứng lên để liên kết với các trung tâm khác trong việc tạo việc làm cho các bạn khi học xong sẽ có thể mở thêm cơ hội tìm kiếm được việc làm cho các bạn.

Hoạt động truyền thông về đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên

Phương tiện truyền thông là phương tiện phổ biến cung cấp rất nhiều thông tin hữu ích và được cập nhật thường xuyên cho những phụ huynh, gia đình TTKTĐTVTN.

Nhờ các phương tiện truyền thông, họ có thể dễ dàng tìm kiếm những thông tin liên quan đến TTKTĐTVTN một nhanh chóng. Ở Hà Nội, các trung tâm, cơ sở đào tạo hướng nghiệp việc làm cho trẻ vị thành niên chưa nhiều.

“Tôi được bạn bè giới thiệu sau đó lên mạng xem thông tin chi tiết và xin tư vấn. Quá trình ban đầu hơi khó khăn vì không có nhiều thông tin về những cơ sở, trung tâm đào tạo hướng nghiệp cho đối tượng giống con mình. Trên mạng thì lại có nhiều kênh truyền thông không rõ ràng, để tìm được một trung tâm đào tạo, hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN mà nó uy tín, chất lượng đào tạo tốt thì rất khó. Đôi khi trên mạng quảng bá như vậy nhưng mình chưa trực tiếp trải nghiệm nội dung chương trình, chất lượng, mô hình thì không biết hiệu quả như thế nào. Và hơn hết, tôi nghĩ rằng việc hướng nghiệp để sau này con có thể tự kiếm tiền là rất khó với con cũng như các bạn khác đồng cảnh ngộ. Vậy nên tìm đến trung tâm chỉ để con học thêm nhiều kỹ năng khác có thể áp dụng ngay trong thực tế đời sống hằng ngày.” (Nữ, 48 tuổi, phụ huynh)

Cũng như các trung tâm giáo dục hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN khác, phía cộng đồng, xã hội như chính quyền địa phương, cơ quan truyền thông đại chúng chưa thật sự chú trọng, đầu tư đến hoạt động truyền thông về hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN, phần lớn phụ huynh biết đến trung tâm qua giới thiệu của người quen, bạn bè và những phụ huynh có cùng hoàn cảnh. Quản lý trung tâm cho biết: *“Phụ huynh biết tới trung tâm được thông qua bằng 2 cách đó là phụ huynh giới thiệu cho nhau hoặc qua fanpage của trung tâm. Tuy nhiên, nhiều phụ huynh biết đến trung tâm thông qua fanpage vẫn còn rất hạn chế và cần được khắc phục sớm.”* (Nữ, 52 tuổi, Quản lý trung tâm).

Cả phụ huynh và giáo viên đều cho rằng, phía cộng đồng xã hội chưa tạo điều kiện cho TTKTĐTVTN tham gia vào thị trường lao động. Điều này tạo ra sự lo lắng, hoài nghi của phụ huynh trong công tác hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN.

Như vậy, về phía xã hội, đã có những nhận thức đúng đắn trong hỗ trợ hoạt động hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN như tạo điều kiện cho sản phẩm đầu ra, hỗ trợ vật chất cho hoạt động hướng nghiệp, thực hiện được một số hoạt động truyền thông. Tuy nhiên những hoạt động đó còn mang tính tự phát, chưa chuyên nghiệp. Thậm chí, còn có những rào cản cho hoạt động hướng nghiệp của TTKTĐTVTN như: kì thị, so sánh chất lượng khắt khe.... Điều này chưa tạo động lực cho sự phát triển hoạt động hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ.

Tiểu kết chương 2

Kết quả khảo sát tại chương 2 cho thấy, tỷ lệ TTKTĐTVTN có xu hướng gia tăng. Hoạt động hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN dần được chú trọng. Đa số phụ huynh có TTKTĐTVTN có nhu cầu đào tạo hướng nghiệp sớm cho con từ tuổi vị thành niên.

TTKTĐTVTN được hướng nghiệp có mức độ tự kỷ nhẹ, vừa và nặng. Kỹ năng sống và kỹ năng nghề ở mức thấp, trẻ cần được hỗ trợ để tăng cường các kỹ năng tiền hướng nghiệp. Đa số phụ huynh có nhận thức đúng đắn về hoạt động hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN và mong muốn có môi trường hướng nghiệp chuyên biệt dành riêng cho TTKTĐTVTN bởi tính hiệu quả từ các mô hình này mang lại cho trẻ. Kết quả phân tích tại chương 2 cũng cho biết chưa có nhiều chính sách riêng dành cho hoạt động hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN và mức độ tiếp cận chính sách của phụ huynh có TTKTĐTVTN trong hoạt động hướng nghiệp cũng không cao. Các trung tâm hướng nghiệp đã xây dựng được đội ngũ giáo viên hướng tới chuyên nghiệp hóa, phát huy được một số ngành nghề phù hợp với TTKTĐTVTN như handmade, nấu ăn, làm bánh... thu hút được một số lượng nhất định TTKTĐTVTN tham gia học hướng nghiệp. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cũng cho thấy còn nhiều hạn chế trong hoạt động hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN về chương trình đào tạo, chất lượng đào tạo, ngành nghề đào tạo, số lượng đào tạo còn ít.

Có thể thấy những quy định chính sách mới chỉ đề cập chung đến nhóm người khuyết tật, các chính sách về TTKTĐTVTN đều nằm trong các chính sách cho người khuyết tật và các chính sách cho trẻ em. Điều này đã gây ra những khó khăn cho gia đình TTKTĐTVTN trong quá trình chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ, đặc biệt là định hướng nghề nghiệp. Cần thực hiện việc đánh giá nhu cầu của TTKTĐTVTN nhằm bảo đảm việc hỗ trợ phù hợp, kịp thời, giúp các em tiếp cận các dịch vụ theo đúng nhu cầu. Tiến hành rà soát, đánh giá hệ thống các dịch vụ hỗ trợ trẻ em khuyết tật tại cộng đồng để xây dựng và phát triển mạng lưới liên kết giữa các dịch vụ hỗ trợ. Đồng thời, rà soát, cập nhật các chính sách hiện hành và ban hành các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể liên quan đến công tác chăm sóc, hỗ trợ trẻ em khuyết tật tại cộng đồng. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan để nghiên cứu, xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn, quy định chuyên môn về trẻ em khuyết tật, đặc biệt đối với nhóm trẻ rối loạn phổ tự kỷ, nhằm hoàn thiện hệ thống quy định, bảo đảm tính đồng bộ, đầy đủ và phù hợp với thực tiễn.

Từ thực tế về số lượng TTKTĐTVTN đang có xu hướng tăng, việc phát triển các trung tâm can thiệp dành cho trẻ cần được quan tâm và hỗ trợ từ các địa phương. Tại thành phố Hà Nội hay các khu đô thị lớn, các trung tâm hỗ trợ TTKTĐTVTN ngày càng được mở rộng và phát triển. TTKTĐTVTN ở đô thị có nhiều cơ hội được phát hiện sớm, được đến lớp học và được can thiệp sớm hơn trẻ ở nông thôn. Đời sống của TTKTĐTVTN và gia đình TTKTĐTVTN ở đô thị cũng khá hơn, có điều kiện hơn để cho TTKTĐTVTN theo học các trung tâm, thực hiện được kỹ năng sống và kỹ năng nghề nghiệp.

Việc nâng cao nhận thức cho phụ huynh về định hướng nghề nghiệp đối với trẻ rối loạn phổ tự kỷ là bước khởi đầu quan trọng trong quá trình hỗ trợ toàn diện cho nhóm TTKTĐTVTN. Nhận thức được vấn đề đào tạo hướng nghiệp là chìa khóa để cha mẹ thấu hiểu và đồng hành cùng con. Việc nâng cao nhận thức cho phụ huynh về định hướng nghề nghiệp đối với TTKTĐTVTN không chỉ là bước khởi đầu quan trọng trong tiến trình hỗ trợ toàn diện, mà còn đóng vai trò là nền tảng thiết yếu để kiến tạo một môi trường sống, học tập thân thiện và hòa nhập cho trẻ và gia đình. Khi được trang bị đầy đủ kiến thức, phụ huynh sẽ có khả năng tiếp cận và lựa chọn các phương pháp giáo dục, can thiệp, và định hướng phát triển phù hợp với đặc điểm và tiềm năng của từng trẻ. Đồng thời, việc nâng cao nhận thức cũng giúp phụ huynh nắm bắt kịp thời các chính sách hỗ trợ của Nhà nước và cộng đồng, từ đó chủ động hơn trong việc phối hợp với các cơ sở giáo dục, y tế và các tổ chức xã hội nhằm xây dựng lộ trình phát triển hiệu quả cho con em mình.

Hơn nữa, việc thấu hiểu và đồng hành đúng cách sẽ góp phần giảm thiểu cảm giác cô lập, áp lực tâm lý mà phụ huynh thường gặp trong quá trình chăm sóc và nuôi dạy trẻ tự kỷ. Điều này không chỉ giúp củng cố sức mạnh tinh thần cho gia đình mà còn tạo điều kiện thuận lợi để trẻ nhận được sự hỗ trợ toàn diện, liên tục và bền vững, từ đó từng bước hướng đến mục tiêu phát triển kỹ năng sống, kỹ năng xã hội và khả năng tự lập trong tương lai.

CHƯƠNG 3: NHỮNG YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN ĐÀO TẠO HƯỚNG NGHIỆP CHO TRẺ TỰ KỶ TRONG ĐỘ TUỔI VỊ THÀNH NIÊN

Kết quả khảo sát từ phụ huynh cho thấy có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN. Trong đó có yếu tố từ bản thân trẻ (65,6%); từ gia đình (65,6%); Từ học sinh tự kỷ khác tại trung tâm (15,6%); Từ giáo viên hỗ trợ (56,7%); Từ nhà trường, cán bộ quản lý (34,7%); Chính sách trợ giúp trẻ tự kỷ của Nhà nước, địa phương (42,2%);

3.1. Yếu tố từ bản thân trẻ tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên

Hiệu quả của hoạt động giáo dục hướng nghiệp đối với TTKTĐTVTN phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó, năng lực và đặc điểm cá nhân của trẻ là yếu tố then chốt quyết định mức độ phù hợp và khả năng tiếp nhận các nội dung giáo dục. Khả năng nhận thức, kỹ năng giao tiếp, mức độ tự lập, cũng như sở thích và thể mạnh riêng của từng trẻ đóng vai trò nền tảng trong việc xây dựng kế hoạch hướng nghiệp phù hợp, hiệu quả và khả thi.

Việc đánh giá đúng năng lực của TTKTĐTVTN không chỉ giúp cá nhân hóa nội dung hướng nghiệp mà còn đảm bảo tính thực tiễn, tránh áp đặt, từ đó tạo động lực cho trẻ phát huy tiềm năng, phát triển năng lực nghề nghiệp phù hợp với bản thân. Đây là tiền đề quan trọng trong việc hình thành các kỹ năng sống, kỹ năng lao động, từng bước chuẩn bị cho quá trình hòa nhập xã hội và tham gia vào lực lượng lao động trong tương lai một cách chủ động, tích cực. Bản thân trẻ là đối tượng chính ảnh hưởng đến việc đào tạo hướng nghiệp có phù hợp và mang lại kết quả tốt hay không. Những khó khăn đặc thù mà TTKTĐTVTN gặp phải có ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình xác định mục tiêu, nội dung và phương pháp giáo dục hướng nghiệp. Các biểu hiện như hạn chế trong giao tiếp, tương tác xã hội, rối loạn hành vi, cũng như khả năng tập trung, thích nghi với thay đổi và xử lý tình huống có thể gây trở ngại trong việc tiếp cận các hoạt động hướng nghiệp theo phương pháp truyền thống.

Bảng 19: Yếu tố thuộc về bản thân trẻ

Yếu tố thuộc về bản thân trẻ	1. Không AH		2 AH ít		3 Ảnh hưởng nhiều		ĐTB	TT
	SL	%	SL	%	SL	%		
1. Mức độ hội chứng tự kỷ	3	3,33	21	23,33	66	73,33	2,70	1

Yếu tố thuộc về bản thân trẻ	1. Không AH		2 AH ít		3 Ảnh hưởng nhiều		ĐTB	TT
	SL	%	SL	%	SL	%		
2. Đặc điểm nhận thức – hành vi	4	4,44	19	21,11	67	74,44	2,70	1
3. Đặc điểm tâm lý	2	2,22	31	34,44	57	63,33	2,61	3
4. Đặc điểm sinh lý, tình trạng sức khỏe	4	4,44	34	37,78	52	57,78	2,53	4
5. Năng khiếu cá nhân	8	8,89	37	41,11	45	50,00	2,41	6
6. Mức độ hồi phục sau khi được can thiệp phục hồi chứng năng tại các trung tâm can thiệp dành cho trẻ tự kỷ	7	7,78	37	41,11	46	51,11	2,43	5
Đánh giá chung							2,56	

Nguồn: Kết quả khảo sát tại 03 trung tâm đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trên địa bàn thành phố Hà Nội

Những yếu tố thuộc về bản thân TTKTĐTVTN đều được cho là ảnh hưởng nhiều đến hoạt động hướng nghiệp của trẻ, có điểm trung bình là 2,56. Trong đó yếu tố ảnh hưởng nhiều nhất thuộc về mức độ tự kỷ và đặc điểm nhận thức, hành vi của trẻ, có điểm TB là 2,70. Có 73,33% phụ huynh đánh giá yếu tố về mức độ tự kỷ và 74,44% phụ huynh đánh giá yếu tố thuộc về nhận thức hành vi có mức độ ảnh hưởng nhiều đến hoạt động hướng nghiệp của TTKTĐTVTN. Trong đó, yếu tố đứng vị trí thứ 6 là năng khiếu cá nhân cũng có điểm trung bình là 4,41, mức ảnh hưởng nhiều đến hoạt động hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN. Kết quả tại bảng 19 cho thấy, các yếu tố thuộc về TTKTĐTVTN thì đa số phụ huynh đánh giá có mức độ ảnh hưởng nhiều đến hoạt động hướng nghiệp.

“Với những trẻ có mức độ tự kỷ nhẹ và nặng thì thực hiện các hoạt động hướng nghiệp với trẻ dễ dàng hơn. Với trẻ có mức độ tự kỷ đặc biệt nặng thì khó khăn vô cùng trong hoạt động hướng nghiệp. Thường thì những trẻ có mức đặc biệt nặng thì phải qua

giai đoạn tuổi vị thành niên mới hướng nghiệp được. Những trẻ có mức độ tự kỷ nhẹ, lại có nhận thức tốt thì quá trình hướng nghiệp diễn ra thuận lợi.”. (nữ, 24 tuổi, giáo viên).

Yếu tố nhận thức hành vi và mức độ tự kỷ là hai yếu tố phần lớn ảnh hưởng đến quá trình hướng nghiệp cho trẻ. Giai đoạn vị thành niên được xem là thời kỳ có nhiều biến đổi mạnh mẽ nhất trong quá trình phát triển của mỗi cá nhân, và điều này càng trở nên phức tạp hơn đối với TTKTĐTVTN. Những thay đổi về thể chất, tâm sinh lý kết hợp với đặc điểm đặc thù của TTKTĐTVTN – như hạn chế trong khả năng giao tiếp, khó khăn trong tương tác xã hội, khả năng tự điều chỉnh cảm xúc kém – khiến cho quá trình thích nghi với môi trường xung quanh trở nên khó khăn hơn rất nhiều so với trẻ em phát triển điển hình.

Một trong những thách thức lớn mà TTKTĐTVTN phải đối mặt là việc thiết lập và duy trì các mối quan hệ xã hội. Do hạn chế về kỹ năng giao tiếp và nhận diện cảm xúc xã hội, các em thường gặp khó khăn trong việc tìm kiếm người tin cậy để chia sẻ suy nghĩ, bày tỏ cảm xúc hoặc tìm lời khuyên khi gặp vấn đề. Điều này không chỉ ảnh hưởng đến đời sống tinh thần mà còn có thể làm gia tăng cảm giác cô lập, lo âu và thiếu an toàn tâm lý, từ đó tác động tiêu cực đến quá trình phát triển toàn diện của trẻ trong giai đoạn quan trọng này.

Bên cạnh đó, ở độ tuổi vị thành niên, trẻ tự kỷ dễ mắc chứng lo âu. Đối với trẻ TTKTĐTVTN, các biểu hiện lo âu thường không giống với các biểu hiện điển hình ở trẻ phát triển bình thường, mà có thể được thể hiện thông qua hành vi cứng nhắc, thiếu linh hoạt trong tư duy và hành động, phản ứng quá mức trước những thay đổi hoặc tác nhân gây lo âu. Các biểu hiện lo âu ở nhóm trẻ này có thể bao gồm: tăng mức độ phòng vệ cảm giác, phản ứng tiêu cực hoặc bùng phát cảm xúc khi tương tác xã hội, né tránh các tình huống mới, và gặp khó khăn nghiêm trọng trong việc chấp nhận sự thay đổi. Những biểu hiện này không chỉ ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống mà còn gây cản trở trong quá trình học tập, hòa nhập xã hội và định hướng nghề nghiệp trong tương lai.

Mức độ hội chứng của TTKTĐTVTN cũng gây ảnh hưởng đến quá trình đào tạo, hướng nghiệp cho trẻ khiến chất lượng, hiệu quả của việc đào tạo bị hạn chế. Điều này đòi hỏi các thầy cô, đội ngũ cán bộ, giáo viên phải liên tục trau dồi chuyên môn, kiến thức, kỹ năng, đồng thời phải có sự sáng tạo trong phương pháp giảng dạy để đạt được hiệu quả cao nhất.

Về thể chất, trẻ đi học cần có sức khỏe tốt, nếu sức khỏe không tốt có thể dẫn đến tình trạng việc tiếp thu kiến thức bị ngắt quãng, nề nếp sinh hoạt bị xoá trộn do trẻ không thể tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp. Vậy nên, yếu tố về thể chất cũng cần được chú trọng tránh gây mất thời gian ảnh hưởng đến sự tiến bộ của trẻ, cũng như là tiến độ học tập.

“Khi dạy cháu học, tôi thường nói cháu vì cháu không hiểu. Còn giáo viên họ có chuyên môn, kiên nhẫn hơn, biết kiểm chế cảm xúc và giúp cháu hiểu bài tốt hơn. Cháu nhà tôi hay bị ốm, chậm phát triển hơn các bạn, sức khỏe không ổn định, khi bị ốm phải nghỉ học. Giáo viên cũng vất vả phải dạy bù cho cháu khi nghỉ học” (Nữ, 38 tuổi, phụ huynh).

Khả năng phát triển các kỹ năng xã hội thông qua các hoạt động đào tạo nghề, kết nối cộng đồng... cũng sẽ mang lại cảm giác thân thuộc cho một cá nhân mắc chứng rối loạn phổ tự kỷ. Khi tiếp xúc với môi trường xã hội giúp TTKTĐTVTN thiết lập các mối quan hệ chặt chẽ với những trẻ cùng vấn đề với mình và có thể dễ dàng hòa nhập vào một nhóm xã hội. Do đó, sự hòa nhập xã hội trong một nhóm đồng đẳng giúp tăng cường khả năng tham gia xã hội của TTKTĐTVTN cũng như mang lại nhiều lợi ích về sức khỏe tinh thần, thể chất cho chính mỗi TTKTĐTVTN. Thông qua đó, việc trẻ có thể hòa nhập tốt hơn với thầy cô, bạn bè xung quanh, tạo môi trường, tinh thần học tập thoải mái, giúp trẻ dễ dàng thích nghi với công việc sẽ là một điều tích cực trong quá trình đào tạo hướng nghiệp cho các TTKTĐTVTN.

“Có đến 90% không tin tưởng rằng các em có thể lao động kiếm được tiền bởi phần lớn mọi người vẫn cho rằng các em sống phụ thuộc, không thể làm được bất kỳ một sản phẩm nào hoặc kiếm tiền được, nhưng nhờ sự kiên trì, tận tâm và sự hướng dẫn rất là có nghề của các thầy cô giáo, các em đều có thể tự lao động, thậm chí nhiều em có thể tự làm những sản phẩm của các em.” (Nam, 41 tuổi, quản lý trung tâm)

Các yếu tố thuộc về bản thân trẻ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động hướng nghiệp cho trẻ. Trong đó các yếu tố được coi là ảnh hưởng nhiều như đặc điểm tâm lý, nhận thức hành vi của trẻ, hội chứng tự kỷ. Ngoài ra các yếu tố như kỹ năng của trẻ, sức khỏe thể chất... cũng có những ảnh hưởng nhất định. Qua các số liệu trên thấy rằng phần lớn phụ huynh đều đánh giá yếu tố bản thân rất ảnh hưởng tới hướng nghiệp, dạy nghề cho trẻ. Yếu tố đặc điểm nhận thức – hành vi chiếm tỷ lệ cao phụ huynh cho rằng rất ảnh hưởng. Những hạn chế trong khả năng tương tác, sự nhạy cảm tâm lý và các vấn đề về

sức khỏe làm cho quá trình đào tạo dạy nghề gặp nhiều thách thức. Cần nâng cao hiệu quả hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN, cần phải xây dựng các chương trình đào tạo phù hợp, linh hoạt và có sự hỗ trợ đặc biệt để giúp trẻ phát triển khả năng hòa nhập và tự lập trong xã hội.

3.2. Yếu tố từ gia đình trẻ tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên

Hiệu quả của chương trình đào tạo hướng nghiệp có cao hay không còn nằm ở sự phối hợp của gia đình với giáo viên và nhà trường. Phần lớn thời gian của trẻ là ở với cha mẹ, vì vậy cha mẹ là những người gần gũi nhất có ảnh hưởng trực tiếp tới trẻ. Bất kể hành động, suy nghĩ hay thay đổi của cha mẹ sẽ có tác động lớn đến sự phát triển của trẻ tự kỷ. Vì vậy trong đào tạo hướng nghiệp, gia đình có vai trò quan trọng vì nhận thức của cha mẹ về đào tạo, hướng nghiệp cho con sẽ quyết định việc con có được tham gia các trung tâm đào tạo dạy nghề cho trẻ tự kỷ hay không.

Việc đảm bảo TTKTĐTVTN có môi trường học tập sẽ giúp cho cha mẹ có thể yên tâm làm việc, đảm bảo sức khỏe mà không bị ảnh hưởng đến công việc. Hơn nữa, mục đích hướng nghiệp của cha mẹ cũng quyết định việc cho TTKTĐTVTN theo học tại trung tâm giáo dục. Tùy theo mục đích học nghề của trẻ mà cha mẹ quyết định lựa chọn nơi cho con học nghề.

Bảng 20: Mức độ ảnh hưởng của gia đình trong hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN

Yếu tố thuộc về gia đình	5. Rất ảnh hưởng		4. Ảnh hưởng		3. Ít ảnh hưởng		2. Không ảnh hưởng		1. Hoàn toàn không ảnh hưởng		ĐTB	TT
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1. Sự quan tâm của các thành viên trong gia đình đối với vấn đề học nghề của trẻ	34	37,8	27	30,0	12	13,3	11	12,2	6	6,7	3,80	4
2. Nhận thức của bố mẹ về hướng nghiệp,	34	37,8	31	34,4	11	12,2	6	6,7	8	8,9	3,86	3

Yếu tố thuộc về gia đình	5. Rất ảnh hưởng		4.Ảnh hưởng		3. Ít ảnh hưởng		2. Không ảnh hưởng		1.Hoàn toàn không ảnh hưởng		ĐTB	TT
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
dạy nghề cho trẻ												
3. Phương pháp giáo dục của cha mẹ	34	37,8	34	37,8	11	12,2	7	7,8	4	4,4	3,97	1
4.Hoàn cảnh kinh tế của gia đình	29	32,2	38	42,2	11	12,2	9	10,0	3	3,3	3,90	2
5.Sự trợ giúp, khuyến khích tâm lý của gia đình	30	33,3	33	36,7	13	14,4	6	6,7	8	8,9	3,79	5
Đánh giá chung											3,86	

Nguồn: Kết quả khảo sát tại 03 trung tâm đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trên địa bàn thành phố Hà Nội

Từ kết quả bảng 20 cho thấy các yếu tố thuộc về gia đình đều có mức độ ảnh hưởng đến hoạt động hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN. Trong đó yếu tố được đánh giá ảnh hưởng nhất là phương pháp giáo dục của cha mẹ, có điểm trung bình là 3,97, với 37,8% phụ huynh đánh giá có mức rất ảnh hưởng, 37,8% phụ huynh đánh giá có mức ảnh hưởng, 12,2% đánh giá mức ít ảnh hưởng. Hoàn cảnh kinh tế của gia đình được phụ huynh đánh giá có mức ảnh hưởng thứ 2, với 32,2% đánh giá rất ảnh hưởng, 42,2% đánh giá mức ảnh hưởng và 12,2% đánh giá ít ảnh hưởng. Xếp thứ 3 là yếu tố nhận thức của bố mẹ về hướng nghiệp, dạy nghề cho trẻ, thứ tư là yếu tố sự quan tâm của các thành viên trong gia đình đối với vấn đề học nghề của trẻ, thứ năm là yếu tố sự trợ giúp, khuyến khích tâm lý của gia đình.

“Gia đình anh chị rất bận, ở nhà chỉ rèn hành vi cho con. Chứ không rèn nghề cho con. Hướng nghiệp là gia đình anh giao hết cho giáo viên”. (Nam, 48 tuổi, phụ huynh).

“Ở nhà thì mọi người trong gia đình chị đều hỗ trợ rèn nghề cho con. Vì chị bỏ công việc văn phòng, để mở tiệm bánh ở nhà với mong muốn cùng con hướng nghiệp.” (Nữ, 51 tuổi, phụ huynh).

Có thể thấy rằng phụ huynh nhận thức được mức độ ảnh hưởng cao từ phía gia đình đến hoạt động hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN. Tuy nhiên, sự tham gia của gia đình trong hỗ trợ hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN khác nhau. Có gia đình dành nhiều thời gian hướng dẫn con, có gia đình dành ít thời gian trong công tác hướng nghiệp cho con tại nhà.

Phụ huynh nào cũng mong muốn có việc làm là một mục tiêu quan trọng trong tương lai của người con RLPTK. Khi trẻ RLPTK có việc làm, điều này mang lại niềm vui không chỉ với trẻ mà với cả phụ huynh.

“Ai cũng mong muốn có việc làm, việc làm đối với trẻ RLPTK còn quan trọng hơn. Phụ huynh không ước muốn con có việc làm lương cao, tính chất công việc phức tạp, chỉ mong con có công việc có thể kiếm được chút thu nhập để tồn tại, để học hỏi, để hòa nhập xã hội và để trưởng thành” (Nữ, 48 tuổi, phụ huynh)

Cha mẹ là người phát hiện ra những tài năng, năng khiếu mà có thể xác định được nghề phù hợp với con. Cha mẹ cũng là người bên cạnh đồng hành với con, như một người thầy, người bạn cùng với con. Cha mẹ cần có nhận thức đúng đắn và đầy đủ về tình trạng và nhu cầu của con mình để có thể quan tâm, hỗ trợ và tìm hiểu các phương pháp giáo dục phù hợp. Khi nhận thức rõ ràng về vấn đề mà trẻ gặp phải, phụ huynh sẽ chủ động hơn trong việc tìm kiếm các giải pháp, đồng thời sẵn sàng hợp tác với giáo viên, các chuyên gia và trung tâm giáo dục để triển khai các phương pháp can thiệp hiệu quả. Nhận thức đúng đắn này cũng giúp phụ huynh hiểu rằng sự tham gia của họ trong quá trình giáo dục và phát triển của trẻ là rất quan trọng.

Khi có sự hợp tác chặt chẽ giữa gia đình và nhà trường, các chương trình giáo dục và hướng nghiệp dành cho TTKTĐTVTN sẽ mang lại hiệu quả cao hơn. Phụ huynh không chỉ đồng hành cùng trẻ trong các hoạt động học tập, mà còn giúp con củng cố kỹ năng giao tiếp, tự lập và phát triển khả năng hòa nhập xã hội. Sự hợp tác này cũng tạo nên một môi trường giáo dục thân thiện, hỗ trợ trẻ tự kỷ phát huy tối đa tiềm năng của mình. Qua đó, phụ huynh sẽ cảm thấy hài lòng hơn với sự tiến bộ của con, và trung tâm

giáo dục cũng sẽ thấy được kết quả tích cực từ việc phối hợp giữa gia đình và các chuyên gia trong suốt quá trình can thiệp và giáo dục.

Tuy nhiên, trong thực tế, do những áp lực từ cuộc sống, sự khác biệt trong nhận thức của phụ huynh và hoàn cảnh gia đình, không ít cha mẹ đã không thể dành nhiều thời gian và công sức cho việc chăm sóc và giáo dục trẻ, và đã phó mặc việc này cho các trung tâm, cơ sở đào tạo. Dù nhiều phụ huynh có trình độ học vấn cao và thực sự quan tâm đến sự phát triển của con, nhưng do lịch trình bận rộn và các vấn đề công việc, họ không thể dành đủ thời gian và sự kiên nhẫn cần thiết để hỗ trợ con một cách đầy đủ. Điều này đôi khi khiến cho sự phát triển của trẻ bị ảnh hưởng, vì việc giáo dục và chăm sóc trẻ, đặc biệt là TTKTĐTVTN, yêu cầu sự kiên trì và sự phối hợp chặt chẽ giữa gia đình và các cơ sở giáo dục.

Khi phụ huynh không thể tham gia đầy đủ vào quá trình này, vai trò của các trung tâm giáo dục càng trở nên quan trọng, nhưng sự hỗ trợ này cần phải được bổ sung bằng một sự đồng hành mạnh mẽ từ phía gia đình để đạt được hiệu quả tốt nhất. Nếu không có sự phối hợp nhịp nhàng, trẻ có thể thiếu sự ổn định và liên tục trong quá trình can thiệp, điều này có thể làm giảm hiệu quả của việc giáo dục và phát triển kỹ năng cho trẻ.

Gia đình cũng cần phải vững vàng để hỗ trợ cho TTKTĐTVTN nếu như bị cộng đồng, hàng xóm kỳ thị *“Cộng đồng còn rất nhiều người kỳ thị, phân biệt đối xử với những trẻ tự kỷ. Họ không chỉ kỳ thị trẻ mà còn kỳ thị cả gia đình trẻ. Lúc trước, khi mới phát hiện ra con mình bị tự kỷ, gia đình anh đã bị hàng xóm rêu ruyền, kỳ thị rất nặng nề, họ buông những lời cay đắng, thô tục dành cho gia đình, họ nói vợ tôi không biết đẻ con, đẻ như này thà không đẻ còn hơn,... Vợ tôi đã bị trầm cảm một thời gian dài. Và chính tôi cũng bị stress rất nhiều, áp lực gia đình, con cái, giờ lại bị mọi người bàn tán nữa nên là tôi cũng đã hạn chế tiếp xúc với nhiều người. Từ khi biết bé bị như vậy thì cuộc sống gia đình bị xáo trộn rất lớn. Tôi lúc con lớn hơn chút, có thể đi học nghề được thì mọi người lại tỏ ra khinh thường và cho rằng con tôi không có khả năng làm được gì nhưng tôi luôn bỏ ngoài tai những lời họ nói, và luôn nghĩ tích cực rằng không gì là không thể cả, hiện nay cháu rất tiến bộ”* (Nam, 42 tuổi, phụ huynh).

Như vậy, yếu tố gia đình đối với việc đào tạo hướng nghiệp cho trẻ vô cùng quan trọng nên rất cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa gia đình và nhà trường trong quá trình giáo dục hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN. Qua các kết quả trên thấy rằng các yếu tố thuộc về gia đình như sự quan tâm, nhận thức, phương pháp giáo dục, hoàn cảnh kinh

tế và khuyến khích tâm lý đều ảnh hưởng tới quá trình hướng nghiệp và dạy nghề cho TTKTĐTVTN. Tuy nhiên vẫn còn số lượng lớn phụ huynh chưa thực sự nhận ra và đánh giá cao các yếu tố quan trọng ảnh hưởng tới quá trình hướng nghiệp, dạy nghề cho TTKTĐTVTN. Cần nâng cao nhận thức của phụ huynh về vai trò của gia đình, điều kiện kinh tế, cũng như các phương pháp giáo dục phù hợp là rất cần thiết để TTKTĐTVTN có cơ hội phát triển và hòa nhập tốt hơn trong tương lai.

3.3 Ảnh hưởng của trung tâm hướng nghiệp đến đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên

Trung tâm hướng nghiệp cũng là yếu tố có ảnh hưởng lớn đến việc đào tạo hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN. Trung tâm có đầy đủ các dụng cụ vận động và trang thiết bị để dạy nghề và hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN một cách tốt nhất, cùng với đội ngũ giáo viên có đầy đủ chuyên môn, kinh nghiệm thì quá trình hướng nghiệp cho trẻ diễn ra thuận lợi hơn.

3.3.1. Yếu tố giáo viên giảng dạy tại trung tâm

Đội ngũ giáo viên dạy nghề đóng vai trò quyết định trong việc đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp, đặc biệt là trong việc giảng dạy cho TTKTĐTVTN. Chất lượng đội ngũ giáo viên không chỉ được thể hiện qua phẩm chất cá nhân mà còn qua năng lực chuyên môn và kỹ năng sư phạm. Trong đó, năng lực của giáo viên là yếu tố quan trọng góp phần vào sự thành công của cơ sở đào tạo. Một giáo viên có kiến thức chuyên sâu, tay nghề vững vàng, khả năng sư phạm tốt và tư duy sáng tạo sẽ không chỉ truyền đạt kiến thức một cách hiệu quả mà còn giúp trẻ hình thành các kỹ năng tự học, phát triển khả năng giải quyết vấn đề và thích ứng tốt với môi trường làm việc. Ngoài ra, giáo viên cần có sự nhạy bén trong việc nhận diện và điều chỉnh phương pháp dạy phù hợp với đặc điểm của trẻ tự kỷ, tạo ra môi trường học tập thân thiện, kiên nhẫn và hỗ trợ để trẻ có thể phát huy tối đa khả năng của mình. Chính đội ngũ giáo viên có năng lực, sự tận tâm và sáng tạo sẽ là yếu tố then chốt giúp trẻ phát triển không chỉ về mặt nghề nghiệp mà còn trong việc hòa nhập xã hội và xây dựng nền tảng vững chắc cho tương lai.

Bảng 21: Yếu tố thuộc về giáo viên

Yếu tố thuộc về Giáo viên	5. Rất ảnh hưởng		4.Ảnh hưởng ít		3. Bình thường		2. Không ảnh hưởng		1.Hoàn toàn không ảnh hưởng		ĐTB	TT
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1.Nhận thức của giáo viên hỗ trợ về giáo dục hướng nghiệp, dạy nghề cho trẻ tự kỷ	51	56,7	19	21,1	7	7,8	8	8,9	5	5,6	4,14	4
2.Kiến thức và kỹ năng làm việc với trẻ	53	58,9	18	20,0	7	7,8	5	5,6	7	7,8	4,17	2
3.Phương pháp giáo dục trẻ	54	60,0	16	17,8	5	5,6	8	8,9	7	7,8	4,13	5
4.Đạo đức nghề nghiệp của giáo viên hỗ trợ cho trẻ tự kỷ	54	60,0	17	18,9	4	4,4	7	7,8	8	8,9	4,13	5
5.Chuyên môn, nghiệp vụ	50	55,6	23	25,6	5	5,6	6	6,7	6	6,7	4,17	2
6.Sự tâm huyết, nhiệt tình trong công việc hướng nghiệp với trẻ tự kỷ	57	63,3	16	17,8	4	4,4	7	7,8	6	6,7	4.23	1
Đánh giá chung											4,16	

Nguồn: Kết quả khảo sát tại 03 trung tâm đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trên địa bàn thành phố Hà Nội

Yếu tố thuộc về giáo viên được đánh giá mức rất ảnh hưởng, có điểm trung bình là 4,16. Trong đó yếu tố ảnh hưởng nhiều nhất là sự tâm huyết, nhiệt tình trong công việc hướng nghiệp với TTKTĐTVTN của giáo viên, có điểm trung bình là 4,23, mức rất ảnh hưởng. Điều này cho thấy lí tưởng nghề nghiệp, lòng yêu nghề, mến trẻ, hiểu trẻ RLPTK... của giáo viên góp phần tạo nên thành công trong công tác hướng nghiệp cho trẻ RLPTK. Yếu tố được đánh giá có tính ảnh hưởng thứ 2 là kiến thức, kĩ năng làm việc với trẻ RLPTK của giáo viên và chuyên môn nghiệp vụ của giáo viên, cũng có điểm trung bình là 4,17, mức rất ảnh hưởng. Như vậy, có thể thấy giáo viên đóng vai trò quan trọng, quyết định sự thành công trong công tác hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN. Không có sự chênh lệch quá nhiều về mức độ ảnh hưởng giữa các yếu tố mà nhà nghiên cứu đưa ra khảo sát. Tất cả yếu tố từ phía giáo viên đều được phụ huynh cho rằng rất ảnh hưởng đến hoạt động hướng nghiệp của trẻ.

“Hiện nay, để tuyển được giáo viên làm đúng chuyên ngành này thì rất khó bởi nhiều bạn sinh viên ra trường không chấp nhận làm đúng ngành nghề vì thế mà nguồn nhân lực hiện giờ còn thiếu quá nhiều. Mà trên thực tế, lượng học sinh tiếp nhận ngày càng đông nên trung tâm cũng đã tìm mọi cách để có thể thu hút được các nhân sự giỏi tới làm việc. Đây cũng là một trong những thách thức lớn của trung tâm cần phải khắc phục trong thời gian tới.” (Nữ, 50 tuổi, giám đốc trung tâm)

Có vấn đề khác đặt ra về phía giáo viên là chế độ ưu đãi, khuyến khích dành cho giáo viên trong công tác hướng nghiệp với TTKTĐTVTN còn nhiều hạn chế.

“Hướng nghiệp cho trẻ RLPTK là một công việc vất vả. Quá trình làm việc giáo viên luôn tập trung cao độ, vừa giảng bài, hỗ trợ học nghề vừa phải quản lý được hành vi của trẻ. Tuy nhiên, mức lương nhận được chưa xứng đáng với những gì giáo viên bỏ ra. Do đó, nhiều giáo viên không chịu được áp lực công việc, phải chuyển việc sớm. Làm ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục hướng nghiệp cho trẻ RLPTK”. (Nữ, 26 tuổi, giáo viên).

Hiện nay, đội ngũ giáo viên tại các trung tâm còn thiếu rất nhiều và để tuyển được giáo viên đúng chuyên ngành là rất khó vì đa số sinh viên sau khi ra trường không chấp nhận làm công việc này. Vì vậy, đã có một số lượng lớn giáo viên làm trong lĩnh vực hướng nghiệp, dạy nghề cho TTKTĐTVTN hầu hết không có hoặc thiếu các kiến thức, kĩ năng giáo dục đặc biệt. Điều này tác động rất lớn đến hiệu quả hướng nghiệp và dạy

nghề, nó không chỉ ảnh hưởng đến kết quả đào tạo nghề mà còn ảnh hưởng đến sự hình thành hành vi và tính cách sau này của trẻ.

3.3.2. Yếu tố thuộc về cán bộ quản lý trung tâm

Kết quả khảo sát cho thấy, cán bộ quản lý trung tâm cũng có ảnh hưởng nhất định đến hoạt động hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN, thể hiện tại bảng 22 như sau:

Bảng 22: Yếu tố thuộc về cán bộ quản lý trung tâm

Yếu tố thuộc về Cán bộ quản lý trung tâm	1. Hoàn toàn không AH		2. Không AH		3. Bình thường		4. AH		5. Rất AH		ĐTB	TT
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
1. Nhận thức của cán bộ quản lý về vấn đề trẻ tự kỷ	2	2,2	11	12,2	8	8,9	10	11,1	59	65,6	4,26	3
2. Đảm bảo quyền lợi, công bằng cho trẻ	4	4,4	8	8,9	5	5,6	13	14,4	60	66,7	4,30	1
3. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho toàn bộ phụ huynh, giáo viên, nhân viên tại trung tâm về hướng nghiệp, dạy nghề cho trẻ	3	3,3	10	11,1	5	5,6	12	13,3	60	66,7	4,29	2
4. Đánh giá khách quan về khả năng học nghề của trẻ	4	4,4	10	11,1	6	6,7	19	21,1	51	56,7	4,14	4
5. Thực hiện một số quyền lợi cho trẻ như:	6	6,7	12	13,3	6	6,7	18	20,0	48	53,3	4,00	5

Yếu tố thuộc về Cán bộ quản lý trung tâm	1. Hoàn toàn không AH		2. Không AH		3. Bình thường		4. AH		5. Rất AH		ĐTB	TT
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
giảm học phí, đồng phục, hoạt động dã ngoại,...												
Đánh giá chung											4,20	

Nguồn: Kết quả khảo sát tại 03 trung tâm đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trên địa bàn thành phố Hà Nội

Yếu tố cán bộ quản lý trung tâm hướng nghiệp được đánh giá chung mức rất ảnh hưởng đến hoạt động hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN, có điểm trung bình chung là 4.20. Có 81,1% đánh giá cán bộ, quản lý trung tâm cần đảm bảo quyền lợi, công bằng cho trẻ trong quá trình hướng nghiệp ở mức rất ảnh hưởng và ảnh hưởng. 80% ý kiến cho rằng cần đánh giá khách quan về khả năng học nghề của trẻ. Ngoài ra, cán bộ quản lý trung tâm cần nhận thức đúng về TTKTĐTVTN và có hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho toàn bộ phụ huynh, giáo viên, nhân viên tại trung tâm về hướng nghiệp, dạy nghề cho trẻ hay thực hiện các quyền lợi khác cho trẻ như giảm học phí, thiết kế thêm hoạt động dã ngoại hay tài trợ đồng phục...

Cán bộ quản lý trung tâm đóng vai trò then chốt trong việc đảm bảo chất lượng dạy nghề cho TTKTĐTVTN. Những người quản lý có khả năng tổ chức và xây dựng chương trình đào tạo hợp lý, phát huy tối đa năng lực của đội ngũ giáo viên, đồng thời đầu tư đúng mức vào cơ sở vật chất và phương tiện dạy học. Họ cũng cần nắm bắt rõ những thách thức, khó khăn mà trung tâm và giáo viên gặp phải, từ đó tạo ra một hệ thống quản lý hiệu quả, giúp các hoạt động diễn ra một cách nhịp nhàng. Việc xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp và đồng bộ sẽ đóng góp không nhỏ vào việc nâng cao chất lượng dạy nghề cho trẻ vị thành niên tự kỷ. Dạy nghề cho TTKTĐTVTN có đặc thù riêng biệt, yêu cầu giáo viên "cầm tay chỉ việc", hướng dẫn trẻ thực hành nhiều lần cho đến khi trẻ hình thành thói quen. Quá trình này đòi hỏi sự kiên nhẫn và

thời gian dài, bởi trẻ tự kỷ thường cần thời gian để làm quen và tiếp thu các kỹ năng mới. Chính vì vậy, sự tổ chức hợp lý và đầu tư của cán bộ quản lý là yếu tố quan trọng để giúp chương trình dạy nghề đạt được hiệu quả cao, đồng thời hỗ trợ giáo viên trong việc thực hiện các phương pháp dạy phù hợp với nhu cầu đặc biệt của trẻ. Khi mới vào học nghề, các bạn thường sống khép nép, tự ti, lo sợ,... Vì TTKTĐTVTN có độ tuổi và mức độ phát triển nhận thức, giao tiếp rất khác nhau, khả năng tiếp thu kiến thức cũng chậm hơn so với các trẻ khác, nên giáo viên và cán bộ quản lý phải vừa giảng dạy, vừa động viên và khích lệ tinh thần trẻ. Để giúp trẻ nhanh chóng hòa nhập với tập thể, người quản lý và giáo viên cần có sự tận tâm, kiên nhẫn, và hiểu rõ tâm lý của trẻ vị thành niên tự kỷ, tránh gây tổn thương về mặt cảm xúc. Bên cạnh đó, họ cần luôn nhiệt tình, trách nhiệm trong việc dạy kỹ năng sống và kỹ năng nghề nghiệp cho trẻ, đảm bảo rằng trẻ có thể phát triển toàn diện.

Quá trình dạy nghề cho TTKTĐTVTN đòi hỏi sự kiên trì và phương pháp tiếp cận phù hợp, hướng dẫn trẻ từng bước để giúp các em cảm thấy hứng thú và yêu thích mỗi môn học. Việc tạo ra một môi trường học tập khuyến khích và hỗ trợ trẻ phát triển kỹ năng là yếu tố quan trọng để đảm bảo thành công trong quá trình đào tạo nghề. Chỉ khi giáo viên và cán bộ quản lý thực sự tâm huyết và có phương pháp giáo dục hiệu quả, trẻ mới có thể đạt được sự tiến bộ và hòa nhập tốt hơn với xã hội.

3.4. Yếu tố về phía chính sách đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên

Chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước là yếu tố ảnh hưởng đến việc thực hiện và phát triển việc đào tạo hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN. Bởi chính sách, pháp luật chính là tiền đề để hỗ trợ giúp đỡ các trung tâm, tổ chức có thể đáp ứng nhu cầu hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ được tốt nhất. Tuy nhiên, theo khảo sát thực tế tại trung tâm cho thấy rằng các hoạt động đào tạo cho TTKTĐTVTN tại trung tâm hầu như không được Nhà nước hỗ trợ về kinh phí hay về mặt pháp lý mà đều phải dựa vào việc kết nối nguồn lực từ phía cha mẹ trẻ để TTKTĐTVTN có thể thụ hưởng những quyền lợi của bản thân mình khiến cho việc thực hiện, phát triển đào tạo hướng nghiệp vẫn còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là đối với các trung tâm còn non trẻ trong lĩnh vực mới này.

Trong Luật Người khuyết tật [17], không có quy định dành riêng cho TTKTĐTVTN, mà các em được hưởng các chính sách với tư cách là người khuyết tật (thông qua dạng khuyết tật trí tuệ, thần kinh/tâm thần hoặc khuyết tật khác). Điều 32, Luật Người khuyết

tật [17] quy định về quyền học nghề, TTKTĐTVTN được học nghề theo khả năng, nhu cầu của bản thân và nhu cầu của xã hội. Tại Điều 33, cơ sở dạy nghề có trách nhiệm như sau: (1) châm chước/ ưu tiên tuyển sinh: cơ sở dạy nghề có trách nhiệm tuyển sinh TTKTĐTVTN đủ điều kiện vào học, không được từ chối tuyển sinh người khuyết tật; (2) môi trường học phù hợp: cơ sở dạy nghề phải cải tạo cơ sở vật chất, giáo trình, phương pháp giảng dạy, phương tiện thiết bị dạy nghề phù hợp với dạng khuyết tật và mức độ khuyết tật; (3) miễn, giảm học phí: TTKTĐTVTN được miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo quy định của Chính phủ (đặc biệt ưu tiên đối với người khuyết tật nặng, người khuyết tật thuộc hộ nghèo, cận nghèo). Điều 32,33: học nghề có thể theo hình thức chính quy, thường xuyên hoặc truyền nghề/ kèm nghề tại các trung tâm, cơ sở sản xuất kinh doanh hoặc tổ chức của người khuyết tật. Trong Luật Người khuyết tật (2010), TTKTĐTVTN được bảo hộ đầy đủ quyền được tư vấn, hướng nghiệp, học nghề, miễn/giảm học phí.

Theo điều tra tại 03 trung tâm trong địa bàn nghiên cứu, có 33,3% ý kiến phụ huynh có biết đến Luật người khuyết tật và 66,7% phụ huynh không biết Luật người khuyết tật. Khi tìm hiểu nội dung các luật trên, thì có 25,6% phụ huynh biết là trong Luật người khuyết tật có quy định TTKTĐTVTN có quyền được hướng nghiệp và tới 74,4% phụ huynh cho rằng luật không quy định và không biết về quy định này. Như vậy, có một số phụ huynh đã biết được chính sách nhưng không hề biết con của mình là đối tượng được thụ hưởng chính sách đó.

Tiếp nối định hướng bảo trợ xã hội, Luật Giáo dục năm 2019 tiếp tục củng cố quyền tiếp cận giáo dục hướng nghiệp của TTKTĐTVTN thông qua các quy định về giáo dục hòa nhập và phân luồng học sinh. Theo Điều 15 và Điều 63 của Luật, TTKTĐTVTN – với tư cách là người học có hoàn cảnh đặc biệt – được đảm bảo quyền học tập theo các phương thức linh hoạt bao gồm giáo dục hòa nhập, bán hòa nhập hoặc tại các cơ sở giáo dục chuyên biệt. Đối với lứa tuổi trung học, Điều 9 và Điều 27 nhấn mạnh việc tích hợp nội dung giáo dục hướng nghiệp vào chương trình phổ thông nhằm giúp học sinh nhận thức được khả năng bản thân và định hướng nghề nghiệp tương lai. Việc luật hóa các chính sách ưu tiên về tuyển sinh, điều kiện học tập và phương pháp đánh giá riêng biệt không chỉ thể hiện tính nhân văn của hệ thống giáo dục quốc dân, mà còn tạo điều kiện thuận lợi để các nhà trường phối hợp cùng gia đình xây dựng lộ

trình chuyển tiếp từ giáo dục văn hóa sang đào tạo nghề phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của thanh thiếu niên rối loạn phổ tự kỷ.

Kết quả khảo sát tại 03 trung tâm đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trên địa bàn thành phố Hà Nội cho thấy: chỉ có 26,7% phụ huynh có biết đến Luật giáo dục có chính sách hỗ trợ cho trẻ TTKTĐTVTN; 73,3% không biết đến Luật giáo dục có chính sách cho TTKTĐTVTN.

“Thật ra thì các luật dành cho các bạn trẻ tự kỷ thì đều rất chung chung, nó chỉ có những luật nói về người khuyết tật thôi, để nói về tự kỷ nói riêng thì chưa thấy có gì là rõ nét cả. Nhưng nếu nói về khuyết tật thì các bạn tự kỷ lại bị bất lợi nhiều hơn. Thực ra, các bạn trẻ tự kỷ không nằm trong 6 dạng khuyết tật chính, chỉ là lồng ghép vào các dạng khuyết tật thôi. Tự kỷ hiện tại đang được đưa vào hai nhóm chính là nhóm khuyết tật khác hoặc là khuyết tật thần kinh tâm thần. Nhận định đó là do tùy từng địa phương, có địa phương đưa trẻ vào khuyết tật thần kinh, có địa phương lại đưa vào khuyết tật khác. Cho nên là luật đối với các bạn còn rất mờ nhạt, về pháp lý các dạng khuyết tật cần phải được trẻ nhỏ, phân bổ nhỏ nữa thì các em mới được hưởng các chính sách phù hợp. Nó phải được đích danh gọi tên như là khuyết tật trí tuệ, khuyết tật tâm thần, ... thì nó mới được quan tâm” (Nữ, 50 tuổi, giám đốc trung tâm)

“Các chính sách hiện nay còn rất ít. Với các bạn tại trung tâm hiện nay các bạn đều là đã học hòa nhập nhưng không thể học hòa nhập được bởi có nhiều lý do khác nhau, nên luật giáo dục với các bạn khó được áp dụng. Với luật người khuyết tật, chỉ riêng việc các bạn được đánh giá là người khuyết tật là đã thiệt thòi với các bạn. Luật người khuyết tật chưa đủ những đặc điểm, yêu cầu phù hợp với đối tượng là trẻ tự kỷ. Đối với các bạn tại trung tâm, giáo dục hòa nhập là điều khá khó khăn” (Nữ, 29 tuổi, giáo viên)

Tóm lại, mặc dù hệ thống pháp luật Việt Nam, tiêu biểu là Luật Người khuyết tật (2010) và Luật Giáo dục (2019) đã tạo dựng hành lang pháp lý khá toàn diện về quyền giáo dục hòa nhập, hướng nghiệp và học nghề cho người khuyết tật, song việc triển khai vào thực tế đối với TTKTĐTVTN vẫn gặp nhiều rào cản. Khảo sát thực tế cho thấy đa số phụ huynh còn thiếu thông tin và chưa nhận thức rõ quyền lợi thụ hưởng chính sách của con em mình. Bên cạnh đó, việc thiếu vắng quy định "đích danh" cho danh mục khuyết tật tự kỷ trong văn bản luật khiến đối tượng này chịu nhiều thiệt thòi, đòi hỏi pháp luật cần có những điều chỉnh cụ thể và chi tiết hơn trong thời gian tới.

Theo quy định tại Nghị định số 76/2024/NĐ-CP của Chính Phủ, ngày 01/7/2024, mức chuẩn trợ giúp xã hội chính thức được điều chỉnh tăng lên 500.000 đồng/tháng kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024. Đây là mức trợ cấp xã hội thiết thực được Nhà nước áp dụng cho các đối tượng bảo trợ xã hội, trong đó bao gồm cả trẻ rối loạn phổ tự kỷ (được xác định thuộc các nhóm khuyết tật theo quy định). Việc nâng mức chuẩn trợ cấp không chỉ phản ánh sự quan tâm ngày càng gia tăng của chính quyền trong công tác bảo trợ xã hội, mà còn đóng vai trò bổ sung nguồn lực tài chính quan trọng, giảm bớt một phần gánh nặng kinh tế cho các gia đình, qua đó tạo điều kiện thuận lợi hơn để chăm sóc, duy trì các hoạt động trị liệu, giáo dục hướng nghiệp và hỗ trợ trẻ tự kỷ sớm hòa nhập cộng đồng.

Khi tìm hiểu về nhận thức của phụ huynh về Nghị định số 76/2024/NĐ-CP: Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội. Có 47,8% phụ huynh cho biết con họ được nhận mức chuẩn trợ giúp xã hội 500.000/tháng. Có 18.9% cho biết họ không nhận được và có 32,2% khẳng định họ không biết về quy định mới trên.

Về chính sách cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí: có 54,4% phụ huynh cho biết con họ được cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí, 26,7% cho biết con họ không được cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí và 18.9% cho biết họ không biết về chính sách này.

“Với các chính sách của người khuyết tật, em được nhận các chính sách phù hợp nhưng mức hỗ trợ với các em còn thấp, không đủ để trang trải chi phí cho các em. Em được đi xe buýt miễn phí, BHYT.... Gia đình cũng đã tìm hiểu về các chính sách của em được hưởng và cố gắng để em không bị thiệt trong việc thụ hưởng chính sách” (Nữ, 42 tuổi, phụ huynh).

Việc phụ huynh không biết hoặc hiểu chưa đúng về chính sách, pháp luật của nhà nước cho TTKTĐTVTN dẫn đến việc họ chần chừ chưa cho con tham gia hướng nghiệp hoặc gặp khó khăn khi tiếp cận hướng nghiệp cho con.

“Tôi có biết về quy định trẻ tự kỷ là 1 dạng khuyết tật khác. Nhưng tôi không muốn con mình là người khuyết tật. Tôi sợ con mình bị kì thị, phân biệt đối xử và khó hòa nhập hơn khi là người khuyết tật”. (Nam, 43 tuổi, phụ huynh). Việc phụ huynh không chấp nhận tự kỷ là một dạng khuyết tật cũng ảnh hưởng đến chính sách hỗ trợ của nhà nước đối với trẻ tự kỷ.

Nhìn một cách tổng thể, mặc dù Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ như quyền học nghề, miễn giảm học phí, cấp thẻ bảo hiểm y tế và nâng mức trợ cấp xã hội, việc triển khai giáo dục hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN vẫn đối mặt với nhiều khoảng trống thực tiễn. Nguyên nhân cốt lõi xuất phát từ việc pháp luật chưa quy định "đích danh" dạng khuyết tật tự kỷ, sự thiếu hụt hỗ trợ trực tiếp về kinh phí cho các cơ sở đào tạo, cùng tỷ lệ lớn phụ huynh chưa nắm rõ hoặc còn tâm lý e ngại kỳ thi nên né tránh đăng ký thụ hưởng chính sách. Sự đứt gãy giữa quy định pháp lý và công tác thi hành này đòi hỏi cần có giải pháp đồng bộ trong việc thể chế hóa danh mục khuyết tật, tăng cường nguồn lực công và đẩy mạnh truyền thông chính sách tới từng gia đình.

Tiểu kết chương 3

Trong chương 3, chúng tôi đã phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN gồm có: yếu tố thuộc về bản thân trẻ, yếu tố thuộc về gia đình, yếu tố thuộc về trung tâm hướng nghiệp, yếu tố thuộc về chính sách, xã hội. Với những yếu tố mà luận văn đưa ra, đều có những ảnh hưởng nhất định đến hoạt động hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN.

Yếu tố thuộc về bản thân trẻ ảnh hưởng nhiều nhất đến hoạt động hướng nghiệp. Gồm những yếu tố như mức độ tự kỷ, khả năng nhận thức, kỹ năng hiện tại của trẻ... Với những trẻ tự kỷ ở mức nhẹ, vừa khi tham gia hoạt động hướng nghiệp có nhiều lợi thế hơn. Với những trẻ nhận thức tốt, kỹ năng tự tập cao thì quá trình hướng nghiệp dễ dàng hơn.

Thứ hai là yếu tố thuộc về gia đình có vai trò quan trọng với quá trình hướng nghiệp cho con. Kết quả phân tích cho thấy đa số phụ huynh quan tâm hơn đến quá trình hướng nghiệp cho trẻ, sẵn sàng hợp tác, hỗ trợ cho con. Vẫn còn một số phụ huynh chưa dành nhiều thời gian để hỗ trợ cho con, giao phó việc hướng nghiệp cho các trung tâm hoặc nhà trường.

Thứ ba là các yếu tố thuộc về trung tâm gồm có giáo viên, yếu tố từ cán bộ quản lý trung tâm. Đây là những yếu tố đóng vai trò quyết định sự thành công trong hoạt động hướng nghiệp cho trẻ. Các trung tâm hướng nghiệp hiện nay cho TTKTĐTVTN phần lớn là các trung tâm tư nhân, hoạt động mang tính từ thiện hoặc kinh doanh. Ngoài ra những yếu tố khác thuộc về trung tâm như chương trình học, cơ sở vật chất cũng ảnh hưởng đến quá trình hướng nghiệp cho trẻ.

Thứ tư là các yếu tố thuộc về chính sách. Kết quả khảo sát cho thấy dù hệ thống chính sách đã quy định các quyền lợi về trợ cấp, BHYT và học nghề, thực tế thi hành

đối với TTKTĐTVTN vẫn gặp nhiều rào cản. Việc pháp luật chưa quy định "đích danh" dạng khuyết tật tự kỷ khiến cơ sở đào tạo thiếu nguồn lực hỗ trợ, trong khi nhiều phụ huynh chưa nắm rõ chính sách hoặc còn tâm lý e ngại kỳ thị nên chưa chủ động đăng ký thụ hưởng. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc hoàn thiện danh mục pháp lý riêng biệt cho trẻ tự kỷ và đẩy mạnh truyền thông chính sách tới từng gia đình

Vấn đề đào tạo hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN là mô hình khá mới ở Việt Nam. Định kiến của xã hội khiến cho trẻ tự kỷ đến nay vẫn là một căn bệnh và người tự kỷ không thể làm được việc gì. Điều này đã khiến người tự kỷ và gia đình của trẻ phải chịu nhiều phân biệt đối xử khác nhau. Tuy nhiên, vấn đề hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trong độ tuổi vị thành niên là một vấn đề phức tạp, chưa được nhiều sự quan tâm từ các nhà hoạch định chính sách cũng như các nhà nghiên cứu, chuyên gia tâm lý, giáo dục. Do đó, các cha mẹ có con trong độ tuổi vị thành niên gặp rất nhiều khó khăn trong quá trình định hướng, hướng nghiệp dành cho TTKTĐTVTN.

Các trung tâm tư nhân đào tạo, hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN tại thành phố Hà Nội đã có nhiều cố gắng đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, đội ngũ giáo viên. Cần đẩy mạnh công tác truyền thông để nâng cao nhận thức cộng đồng về việc hướng nghiệp và dạy nghề cho trẻ tự kỷ, đồng thời cung cấp thông tin về các trung tâm hướng nghiệp và dạy nghề để mọi người có thể tiếp cận dễ dàng. Việc xã hội hóa và tăng cường sự phối hợp giữa các trung tâm đào tạo nghề cho trẻ tự kỷ là rất quan trọng để tạo cơ hội cho các em tham gia vào các hoạt động thực hành, giúp các em làm quen và thích ứng với môi trường làm việc đa dạng. Qua đó, trẻ sẽ phát triển khả năng tìm tòi, sáng tạo và nâng cao khả năng thích ứng với công việc.

Việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản pháp lý, cũng như các quy định quản lý nhà nước đối với hoạt động hướng nghiệp và dạy nghề cho người khuyết tật nói chung, và cho TTKTĐTVTN nói riêng, là một yếu tố căn bản để đảm bảo sự nhất quán và đồng bộ trong quá trình thực thi. Điều này sẽ giúp việc quản lý các hoạt động hướng nghiệp và dạy nghề trở nên thuận tiện và hiệu quả hơn. Hiện nay, các quy định pháp luật liên quan đến đào tạo nghề cho người khuyết tật nói chung và trẻ tự kỷ vẫn còn mang tính chất chung chung, thiếu các văn bản hướng dẫn cụ thể và chi tiết. Sự thiếu hụt này đã gây khó khăn trong việc triển khai các chính sách và khuyến khích các cơ sở doanh nghiệp tham gia tích cực vào hoạt động đào tạo nghề cho TTKTĐTVTN.

Để giải quyết vấn đề này, cần phải nhanh chóng sửa đổi, bổ sung các quy định trong Luật Dạy nghề và Luật Người khuyết tật, đồng thời ban hành các Nghị định và Thông tư hướng dẫn cụ thể về tổ chức và thực hiện hoạt động đào tạo nghề cho TTKTĐTVTN. Việc hoàn thiện hệ thống pháp lý không chỉ tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho việc triển khai các chương trình đào tạo nghề mà còn khuyến khích sự tham gia rộng rãi của các cơ sở đào tạo và doanh nghiệp trong việc tạo cơ hội việc làm cho TTKTĐTVTN, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và hội nhập xã hội cho các em.

KẾT LUẬN

Tự kỷ là một loại bệnh của sức khỏe tâm thần đòi hỏi điều trị bằng các liệu pháp y học và bằng liệu pháp xã hội (cử chỉ, hành vi, luyện tập, tâm lý, CTXH lâm sàng...). Qua quá trình nghiên cứu lí luận và thực tiễn về hoạt động hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN, đề tài đã khẳng định ý nghĩa to lớn của hoạt động hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN. Vì vậy, việc hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN là rất cần thiết.

Việc can thiệp cho người tự kỷ luôn là một thách thức không chỉ đối với gia đình của các em, mà còn đối với cán bộ can thiệp, người hướng dẫn và giảng dạy nghề. Những vấn đề về kinh tế, thiếu hụt kiến thức chuyên môn, kỹ năng can thiệp, cùng với sự hạn chế trong nguồn lực hỗ trợ từ cộng đồng, đang tạo ra những khó khăn lớn cho phụ huynh, cán bộ can thiệp và cả các chuyên gia trong lĩnh vực này.

Đào tạo hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN đang dần trở thành nhu cầu của phụ huynh có TTKTĐTVTN. Nghiên cứu cho thấy 100% phụ huynh có con là TTKTĐTVTN đều có nhu cầu cho con tham gia đào tạo hướng nghiệp với mong muốn giúp con phát triển kỹ năng tự lập, có cơ hội việc làm và hòa nhập cộng đồng. Tuy nhiên, nhận thức của gia đình và cộng đồng về các chính sách, hành hành pháp lý liên quan đến hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ vẫn còn nhiều hạn chế. Tỷ lệ phụ huynh tiếp cận thông tin chính thống từ các phương tiện truyền thông đại chúng hay luật pháp rất thấp; đa số họ chủ yếu nắm bắt thông tin qua các trung tâm chuyên biệt hoặc diễn đàn phụ huynh cùng hoàn cảnh. Đáng chú ý, tâm lý e ngại bị xã hội kỳ thị hay việc né tránh dán nhãn "khuyết tật" cho con khiến nhiều gia đình chần chừ trong việc đăng ký thụ hưởng các chính sách bảo trợ xã hội và học nghề của Nhà nước. Về mô hình đào tạo, phần lớn phụ huynh ưu tiên lựa chọn các mô hình hướng nghiệp thực hành linh hoạt như "vừa học vừa làm tại cơ sở sản xuất có hỗ trợ" hoặc các "trung tâm chuyên biệt" nhằm tạo điều kiện cho trẻ học đi đôi với hành.

Hoạt động đào tạo hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN tại các trung tâm trên địa bàn Hà Nội đã bước đầu hình thành và đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Các chương trình đào tạo hiện nay chủ yếu tập trung vào hai mảng chính: *tiền hướng nghiệp* (rèn luyện kỹ năng sống, kỹ năng tự phục vụ, hành vi, giao tiếp) và *hướng nghiệp chuyên sâu* với các ngành nghề cụ thể mang tính quy trình lặp đi lặp lại như làm bánh, pha chế, làm hoa thủ công, đóng gói bao bì, nông nghiệp đô thị. Đội ngũ giáo viên tại các trung tâm được đánh giá cao về sự tâm huyết, kiên nhẫn và kỹ năng chuyên môn. Dù vậy, thực

trạng đào tạo hướng nghiệp vẫn đang đối mặt với vô vàn khó khăn mang tính hệ thống: các ngành nghề đào tạo còn đơn điệu, thiếu sự đa dạng; cơ sở vật chất tại một số trung tâm chưa đáp ứng đủ không gian thực hành; học phí đào tạo tương đối cao tạo gánh nặng tài chính kéo dài cho gia đình. Thách thức lớn nhất hiện nay là việc tiêu thụ sản phẩm do trẻ làm ra và việc kết nối đầu ra việc làm bền vững với các doanh nghiệp, tổ chức xã hội vẫn còn rất rời rạc, chủ yếu dựa vào tinh thần ủng hộ từ thiện từ cộng đồng

Trong khi đó, TTKTĐTVTN hoàn toàn xứng đáng được tạo các cơ hội làm việc, cải thiện chất lượng cuộc sống, độc lập kinh tế, hội nhập xã hội, và góp phần cho sự thịnh vượng của gia đình, đất nước như những công dân khác.

Đối với các gia đình, chi phí điều trị và giáo dục cho TTKTĐTVTN là một gánh nặng lớn, trong khi đó việc thiếu hiểu biết về tình trạng của con và các phương pháp can thiệp hiệu quả khiến họ cảm thấy bối rối và thiếu tự tin. Cán bộ can thiệp và các chuyên gia, mặc dù có chuyên môn, nhưng đôi khi cũng gặp phải sự thiếu thốn về tài nguyên, cơ sở vật chất và sự hỗ trợ từ các tổ chức xã hội. Chính vì vậy, việc nâng cao sự nhận thức trong cộng đồng, cải thiện các chính sách hỗ trợ và cung cấp các nguồn lực thiết yếu là rất quan trọng để hỗ trợ tốt hơn cho TTKTĐTVTN và gia đình họ trong quá trình can thiệp.

KHUYẾN NGHỊ

Hiện nay những văn bản pháp luật liên quan đến người khuyết tật là cơ bản và đầy đủ, nhưng chưa có chính sách về đào tạo hướng nghiệp dành riêng cho TTKTĐTVTN, do vậy giải pháp cần có là Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ cần có những chính sách hỗ trợ đào tạo hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN. Tất cả các chính sách đào tạo hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN cần được thực hiện thông qua các cơ sở giáo dục: cơ sở giáo dục chính quy, cơ sở giáo dục không chuyên và cơ sở giáo dục nghề nghiệp do Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý. Có 4 yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến hoạt động hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN là từ chính bản thân trẻ, từ gia đình trẻ, từ phía trung tâm và từ chính sách, xã hội. Cần có những giải pháp đồng bộ để hoạt động hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN mang lại hiệu quả cao, đảm bảo sự hòa nhập cho trẻ và giảm tải lo lắng, khó khăn cho trẻ cũng như gia đình TTKTĐTVTN.

Như vậy, việc hoàn thiện hệ thống các văn bản chính sách luật pháp là giải pháp để giải quyết những khó khăn trong việc thụ hưởng chính sách của nhóm đối tượng này, nhất là trong đào tạo hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN ở thành phố Hà Nội. Thành phố Hà Nội trong những năm gần đây có nhiều trung tâm đào tạo hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN, đáp ứng nhu cầu cho các gia đình có TTKTĐTVTN mong muốn được đào tạo hướng nghiệp. Tuy nhiên vẫn cần nhiều giải pháp trực tiếp để nâng cao nhận thức của các bậc phụ huynh và hiệu quả trong đào tạo hướng nghiệp cho TTKTĐTVTN của các trung tâm.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Luật Dân sự (2015), Luật số 91/2015/QH13 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
2. Bộ Y tế – Vụ Bảo vệ Bà mẹ Trẻ em và Kế hoạch hóa Gia đình (2003), Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, NXB Y học, Hà Nội.
3. Chính phủ (2021), Nghị định số 20/2021/NĐ-CP Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội
4. Phạm Thái Đài (2017), Thực trạng và giải pháp giải quyết việc làm cho người khuyết tật tại tỉnh Khánh Hòa, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Khánh Hòa
5. Ngô Xuân Điệp (2009), Nghiên cứu nhận thức của trẻ tự kỷ tại Thành phố Hồ Chí Minh, Luận án Tiến sĩ Tâm lý học, Viện Khoa học xã hội Việt Nam.
6. Nguyễn Thị Hương Giang (2012), Nghiên cứu phát hiện sớm tự kỷ bằng M-CHAT 23, đặc điểm dịch tễ lâm sàng và can thiệp sớm phục hồi chức năng cho trẻ nhỏ tự kỷ, Luận án Tiến sĩ Y học, Đại học Y Hà Nội.
7. Luật Giáo dục nghề nghiệp (2014), Luật số 74/2014/QH13 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
8. Vũ Song Hà (2014), “Đánh giá và chẩn đoán rối loạn phổ tự kỷ ở Hà Nội, Việt Nam”, Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Trẻ em, Hà Nội.
9. Nguyễn Thị Kim Hoa và cộng sự (2024), Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả chính sách đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ ở thành phố Hà Nội, Đề tài nghiên cứu khoa học, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam.
10. Nguyễn Thị Mai Hương (2012), “Nghiên cứu stress ở các bậc cha mẹ có con mắc hội chứng tự kỷ”, Tạp chí Giáo dục, số 288, kỳ 2 tháng 6, tr. 13–43.
11. Phạm Thị Kiều Lê (2014), Thực trạng hỗ trợ việc làm cho trẻ em khuyết tật (Nghiên cứu tại Trung tâm Dạy nghề Nhân Đạo và Trung tâm Dạy nghề từ thiện Quỳnh Hoa), Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội
12. Mai Linh, Lê Thị Hoàng Liễu, Nguyễn Thị Kim Hoa, Nguyễn Thị Tuyết Nga, Nguyễn Đình Toán (2021), Cẩm nang về các dấu hiệu nhận biết trẻ rối loạn phổ tự kỷ: Cách can thiệp sớm cho cha mẹ và giáo viên, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
13. Mai Linh, Lê Thị Hoàng Liễu, Nguyễn Thị Kim Hoa, Nguyễn Thị Tuyết Nga, Nguyễn Đình Toán (2021), Cẩm nang tư vấn pháp luật và hỗ trợ pháp lý đối với trẻ tự kỷ, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

14. Trần Thùy Linh (2012), Tìm hiểu và đánh giá thông tin về rối loạn tự kỷ của trẻ em và vị thành niên trên các phương tiện truyền thông Internet, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Giáo dục.
15. Đậu Tuấn Nam và Vũ Hải Vân (2015), “Chính sách đối với người tự kỷ ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 11(96)
16. Nguyễn Thị Phương (2016), *Đánh giá mô hình can thiệp cho trẻ tự kỷ tại trường mầm non chuyên biệt Biển Dương – Thành phố Vinh – Nghệ An*, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
17. Luật Người khuyết tật (2010), Luật số 51/2010/QH12 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
18. Đào Thị Sâm (2013), Khảo sát thái độ của cha mẹ đối với con có chứng tự kỷ, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
19. Nhóm PV (2025), *Tỷ lệ trẻ đến khám vì tự kỷ gia tăng*, Báo Nhân Dân điện tử, <https://nhandan.vn/ty-le-tre-den-kham-vi-tu-ky-gia-tang-post868691.html>.
20. Nguyễn Thị Thanh Tâm (2014), Hoàn thiện mô hình công tác xã hội hỗ trợ người tự kỷ thích nghi với quá trình hòa nhập tại trường tiểu học của Trung tâm Hand in Hand, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
21. Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02/01/2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện.
22. Luật Trẻ em (2016), Luật số 102/2016/QH13 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
23. Vũ Hải Vân (2016), Nghiên cứu trẻ tự kỷ ở khu vực nội thành Hà Nội – tiếp cận nhân học, Luận án Tiến sĩ Nhân học, Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
24. Nguyễn Thị Hoàng Yến (2015), *Tự kỷ: Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Đại học Sư phạm.
25. Nguyễn Như Ý, Đỗ Việt Hùng, Phan Xuân Thành (1999), *Đại từ điển tiếng Việt*, NXB Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.
26. Abidin, R. R. (1983), *Parenting Stress Index: Manual, Administration Booklet, and Research Update*, Pediatric Psychology Press, Charlottesville, VA.

27. United Nations (2008), *Resolution 62/139: World Autism Awareness Day*, Official Records of the General Assembly, Sixty-second Session, Supplement No. 49 (A/RES/62/139), New York.
28. United States Congress (1990), *Individuals with Disabilities Education Act of 1990*, Public Law 101-476, 104 Stat. 1103.
29. Abidin, R. R., Jenkins, C. L., & McGaughey, M. C. (1992), "The Relationship of Early Family Variables to Children's Subsequent Behavioral Adjustment", *Journal of Clinical Child Psychology*, 21(1), pp. 60–69.
30. American Psychiatric Association. (2022). *Diagnostic and Statistical Manual of Mental Disorders* (5th ed., text rev.; DSM-5-TR). Washington, DC: American Psychiatric Association Publishing.
31. Baker-Ericzén, M. J., Brookman-Frazee, L., & Stahmer, A. (2016), "Stress Levels and Adaptability in Parents of Toddlers with and without Autism Spectrum Disorders", *Research and Practice for Persons with Severe Disabilities*, 30(4), pp. 194–204.
32. Bonis, S. A., & Sawin, K. J. (2016), "Risks and Protective Factors for Stress Self-Management in Parents of Children With Autism Spectrum Disorder: An Integrated Review of the Literature", *Journal of Pediatric Nursing*, 31(6), pp. 567–579.
33. Bromley, J., Hare, D. J., Davison, K., & Emerson, E. (2004), "Mothers Supporting Children with Autistic Spectrum Disorders: Social Support, Mental Health Status and Satisfaction with Services", *Autism*, 8(4), pp. 409–423.
34. Dehnavi, S. R., Faramarzi, S., & Talebi, H. (2011), "The Share of Internalized Stigma and Autism Quotient in Predicting the Mental Health of Mothers with Autism Children in Iran".
35. Dudley, C., Nicholas, D. B., & Zwicker, J. D. (2015), *What Do We Know About Improving Employment Outcomes for Individuals with Autism Spectrum Disorder?*, SPP Research Papers, 8(32).
36. Eaves, L. C., & Ho, H. H. (2008), "Young Adult Outcome of Autism Spectrum Disorders", *Journal of Autism and Developmental Disorders*.
37. Eisenhower, A., & Blacher, J. (2006), "Mothers of Young Adults with Intellectual Disability: Multiple Roles, Ethnicity and Well-being", *Journal of Intellectual Disability Research*, 50(12), pp. 905–916.

38. Falk, N. (2012), *The Factors Predicting Stress, Anxiety and Depression in the Parents of Children with Autism*.
39. Falk, N. H., Norris, K., & Quinn, M. G. (2014), "The Factors Predicting Stress, Anxiety and Depression in the Parents of Children with Autism", *Journal of Autism and Developmental Disorders*, 44(12), pp. 3185–3203.
40. Gammeltoft, T. M. (2008), "Childhood Disability and Parental Moral Responsibility in Northern Vietnam: Towards Ethnographies of Intercorporeality", *Journal of the Royal Anthropological Institute*, 14(4), pp. 825–842.
41. Gliem, J. A., & Gliem, R. R. (2003), "Calculating, Interpreting, and Reporting Cronbach's Alpha Reliability Coefficient for Likert-Type Scales", *Midwest Research-to-Practice Conference in Adult, Continuing, and Community Education*.
42. Ha, V. S., Whittaker, A., Whittaker, M., & Rodger, S. (2014), "Living with Autism Spectrum Disorder in Hanoi, Vietnam", *Social Science & Medicine*, 120, pp. 278–285.
43. Ilias, K., Cornish, K., Kumar, A. S., Park, M. S. A., & Golden, K. J. (2018), "Parenting Stress and Resilience in Parents of Children with Autism Spectrum Disorder (ASD) in Southeast Asia: A Systematic Review", *Frontiers in Psychology*, 9.
44. Kanner, L. (1943), "Autistic Disturbances of Affective Contact", *Nervous Child*, 2, pp. 217–250.
45. Kirby, A. V. (2016), "Parent Expectations for Postsecondary Outcomes of Youth with Autism Spectrum Disorder", *Journal of Autism and Developmental Disorders*, 46(5), pp. 1643–1655.
46. Luong, J., Yoder, M. K., & Canham, D. (2009), "Southeast Asian Parents Raising a Child with Autism: A Qualitative Investigation of Coping Styles", *Journal of School Nursing*, 25(3), pp. 222–229.
47. Mak, W. W. S., & Cheung, R. Y. M. (2008), "Affiliate Stigma among Caregivers of People with Intellectual Disability or Mental Illness", *Journal of Applied Research in Intellectual Disabilities*, 21(6), pp. 532–545.
48. McStay, R. L., Dissanayake, C., Scheeren, A., Koot, H. M., & Begeer, S. (2014), "Parenting Stress and Autism: The Role of Age, Autism Severity, Quality of Life and Problem Behaviour of Children and Adolescents with Autism", *Autism*, 18(5), pp. 502–510.

49. Ngo, H., Shin, J. Y., Nguyen, N., & Nhan, V. (2012), “Stigma and Restriction on the Social Life of Families of Children with Intellectual Disabilities in Vietnam”.
50. Palmer, P. B., & O’Connell, D. G. (2009), “Regression Analysis for Prediction: Understanding the Process”, *Cardiopulmonary Physical Therapy Journal*, 20(3), pp. 23–26.
51. Reitman, D., Currier, R. O., & Stickle, T. R. (2002), “A Critical Evaluation of the Parenting Stress Index-Short Form (PSI-SF) in a Head Start Population”, *Journal of Clinical Child and Adolescent Psychology*, 31(3), pp. 384–392.
52. Rivard, M., Terroux, A., Parent-Boursier, C., & Mercier, C. (2014), “Determinants of Stress in Parents of Children with Autism Spectrum Disorders”, *Journal of Autism and Developmental Disorders*, 44(7), pp. 1609–1620.
53. Seaman, R. L., & Cannella-Malone, H. I. (2016), “Vocational Skills Interventions for Adults with Autism Spectrum Disorder: A Review of the Literature”.
54. Vaughn, T. (2009), *Mother-Child Relationship Quality Among Adolescents and Adults with Autism*.
55. Williams, L. W., Matson, J. L., Beighley, J. S., & Konst, M. (2015), “Ethnic Disparities in Early Autism Assessment: A Large-Scale Screening Study of Infants and Toddlers”.

PHỤ LỤC 1
LIÊN HIỆP CÁC HỘI KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT VIỆT NAM
HỘI XÃ HỘI HỌC VIỆT NAM

BẢNG HỎI

Để có được những những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả chính sách đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ ở Thành phố Hà Nội, Hội Xã hội học Việt Nam thực hiện đề tài ***“Thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả chính sách đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ ở Thành phố Hà Nội”***. Kính đề nghị quý phụ huynh vui lòng cho ý kiến đánh giá của mình bằng cách khoanh tròn hoặc đánh dấu (X) vào các câu tương ứng theo phương án lựa chọn trong các câu hỏi dưới đây, hoặc đưa ra ý kiến vào phần “.....”. Thông tin quý phụ huynh cung cấp cho chúng tôi chỉ nhằm mục đích nghiên cứu và đảm bảo tính khuyết danh.

Xin trân trọng cảm ơn!

NỘI DUNG BẢNG HỎI

PHẦN 1: CÁC THÔNG TIN VỀ MỨC ĐỘ THỰC HIỆN KỸ NĂNG SỐNG, HƯỚNG NGHIỆP CỦA TRẺ

Câu 1: Con của Ông/bà là nam hay nữ:

Câu 2: Con của ông/bà đã được học ở trung tâm này bao lâu?

1. Dưới 1 năm 2. Từ 1-3 năm 3. Trên 3 năm

Câu 3: Con của ông/bà năm nay bao nhiêu tuổi?

1. Dưới 12 tuổi 2. Từ 12 đến 14 tuổi
2. 15 đến 17 tuổi 4. Trên 17 tuổi

Câu 4: Mức độ tự kỷ của con ông/bà

1. Mức độ nhẹ 2. Mức độ vừa 3. Mức độ nặng 4. Mức độ đặc biệt nặng

Câu 5: Con Ông/bà đã có giấy xác nhận khuyết tật chưa?

1. Có 2. Chưa có

Câu 6: Ông/bà cho biết, mục đích ông/bà muốn đào tạo hướng nghiệp cho con là gì? (Có thể chọn nhiều đáp án)

1. Giúp con có cơ hội có việc làm, độc lập hơn trong cuộc sống
2. Mong muốn con có cơ hội hòa nhập cộng đồng
3. Giảm gánh nặng và nỗi lo với bố mẹ
4. Giúp xã hội có cái nhìn tích cực hơn về người mắc hội chứng tự kỷ
5. Khác

Câu 7: Hiện tại, Con của ông/bà được hướng nghiệp loại hình nghề nào tại trung tâm?

- | | |
|---|---|
| 1. Bánh và pha chế
2. Hoa nghệ thuật
3. Làm thủ công
4. Bao bì, đóng gói, sản phẩm nông nghiệp,... | 5. Âm nhạc, hội họa
6. Nấu ăn
7. Công nghệ thông tin
8. Khác (Ghi rõ): |
|---|---|

Câu 8: Mỗi tháng học phí của con ông/bà là bao nhiêu?

1. Từ 3 triệu - < 5 triệu 2. Từ 5 triệu - < 7 triệu
3. Từ 7 triệu – 10 triệu 4. Trên 10 triệu

Câu 9: Lý do nào khiến ông bà lựa chọn ngành nghề tại trung tâm? (Có thể chọn nhiều đáp án)

1. Theo sở thích, năng khiếu của con
2. Hướng nghiệp theo nghề nghiệp truyền thống của gia đình
3. Theo sở thích của bố mẹ

4. Theo nhu cầu nghề nghiệp của xã hội

5. Khác.....

Câu 10: Theo ông/bà đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ có những nhiệm vụ gì? (có thể lựa chọn nhiều đáp án...)

- (1) Trang bị các kiến thức, kỹ năng cho trẻ nhằm nâng cao tay nghề cho trẻ
- (2) Tham vấn cho phụ huynh, gia đình có trẻ tự kỷ trong quá trình giáo dục hướng nghiệp, dạy nghề cho trẻ
- (3) Hỗ trợ trẻ và gia đình có thể tiếp cận được các chính sách, nguồn lực xã hội
- (4) Trang bị cho trẻ kỹ năng nghề để làm ra sản phẩm có thu nhập
- (5) Ý kiến khác:.....

Câu 11: Theo ông/bà, mức độ mục tiêu hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ cần được đáp ứng là:

Mục tiêu	1.Kém	2.yếu	3.TB	4.Khá	5.Tốt
1. Giúp trẻ tự kỷ nhận diện những thông tin về nghề nghiệp					
2. Hình thành năng lực nghề cho trẻ tự kỷ					
3.Định hướng nghề phù hợp cho trẻ tự kỷ					
4.Trẻ tự kỷ và gia đình đánh giá được năng lực nghề của trẻ					

Câu 12: Ông/bà vui lòng cho biết mức độ thực hiện các kỹ năng sống và kỹ năng nghề đối với con của ông/bà hiện nay?

Nội dung trang bị kiến thức	1. Kém	2. Yếu	3. TB	4. Khá	5. Tốt
1.Kỹ năng sống					
2.Kỹ năng giao tiếp					
3.Tự phục vụ					
4.Thiết lập mối quan hệ					
5.Quản lý chi tiêu					
6.Ứng phó với người lạ					
7.Cách đi chợ					
8.Kỹ năng hợp tác					
9.Kỹ năng xây dựng và thực hiện kế hoạch					
10.Kỹ năng giải quyết vấn đề					
11.Kỹ năng sử dụng nghề đơn giản					

Câu 13. Ông/bà cho biết mức độ thực hiện trang bị kiến thức, kĩ năng cho trẻ tại Trung tâm?

Nội dung trang bị kiến thức	1. Kém	2. Yếu	3. TB	4. Khá	5. Tốt
1.Trang bị kiến thức					
2.Trang bị kỹ năng					
3.Thực hành, trải nghiệm					

Câu 14. Ông/bà cho ý kiến đánh giá về mức độ thực hiện nhiệm vụ trang bị cho trẻ tuổi vị thành niên tự kỷ tại trung tâm?

Nội dung trang bị kiến thức	1. Kém	2. Yếu	3. TB	4. Khá	5. Tốt
1. Trang bị các kiến thức cơ bản về nghề nghiệp					
2. Hỗ trợ, giảng dạy kiến thức, các quy trình để làm ra 1 sản phẩm hoàn chỉnh					
3. Tổ chức thực hành tạo ra sản phẩm					

Câu 15. Ông/bà đánh giá như thế nào về Trung tâm theo các nội dung dưới đây? 1 kém, 5: rất tốt

Nội dung	1	2	3	4	5
1. Đội ngũ giảng viên của Trung tâm					
2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị học tập,					
3. Nội dung giảng dạy tại trung tâm					
4. Phương pháp giảng dạy					
5. Sự thay đổi của con sau khi theo học trung tâm					
6. Tổ chức các buổi tập huấn cho cha mẹ, gia đình về vấn đề hỗ trợ cho con cái tại nhà					
7. Cung cấp kiến thức, kỹ năng hướng dẫn cho con cái tại nhà					

Câu 16. Ông/bà cho biết mức độ thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ, hướng dẫn chăm sóc trẻ tại nhà của mình như thế nào?

- | | |
|---------------------|-----------------|
| 1. Rất thường xuyên | 2. Thường xuyên |
| 3. Bình thường | 4. Thỉnh thoảng |
| 5. Không hỗ trợ | |

PHẦN 2: ĐÁNH GIÁ VỀ NHU CẦU CỦA GIA ĐÌNH

Câu 17. Ông/bà cho biết mức độ ảnh hưởng của gia đình đối với trẻ tự kỷ trong công tác hướng nghiệp, dạy nghề cho trẻ tự kỷ hiện nay? (1. Rất ảnh hưởng, 2. Ảnh hưởng, 3. Ít ảnh hưởng, 4. Không ảnh hưởng, 5. Hoàn toàn không ảnh hưởng)

Yếu tố thuộc về gia đình	1	2	3	4	5
1. Sự quan tâm của các thành viên trong gia đình đối với vấn đề học nghề của trẻ					
2. Nhận thức của bố mẹ về hướng nghiệp, dạy nghề cho trẻ					
3. Phương pháp giáo dục của cha mẹ					
4. Hoàn cảnh kinh tế của gia đình					
5. Sự trợ giúp, khuyến khích tâm lý của gia đình					

Câu 18. Ông/bà được tiếp cận thông tin về giáo dục hướng nghiệp cho con tự kỷ từ đâu?

- Từ phụ huynh có cùng hoàn cảnh
- Mạng xã hội
- Giáo viên

4. Cơ sở đào tạo hướng nghiệp cho con

5 Người thân, người quen

6. Thông tin từ phương tiện truyền thông đại chúng như TV, pano và áp phích, đài radio,...

(7). Khác

Câu 19. Ông/bà đánh giá như thế nào về mức độ đáp ứng nhu cầu hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ hiện nay của Hà Nội?

1. Đáp ứng hoàn toàn 2. Đáp ứng 1 phần

3. Đáp ứng 4. Ít đáp ứng

5. Hoàn toàn chưa đáp ứng

Câu 20. Ông bà vui lòng cho biết ý kiến đánh giá về mức độ thực hiện hỗ trợ trẻ và gia đình trẻ tự kỷ trong tiếp cận các chính sách, nguồn lực xã hội?

1. Rất kém	2. Kém	3. Trung bình	4. Khá	5. Tốt
------------	--------	---------------	--------	--------

Câu 21. Theo Ông/bà, mô hình đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ nào là hiệu quả? 1. Hoàn toàn không hiệu quả, 2. Không hiệu quả, 3. Ít hiệu quả, 4. Hiệu quả, 5. Rất hiệu quả. (Đánh dấu X vào cột tương ứng)

Mô hình dạy nghề	1	2	3	4	5
1.Nhà trường, cơ sở nhà nước chuyên biệt về hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ					
2.Vừa học vừa làm tại cửa hàng, cơ sở sản xuất có hỗ trợ trẻ tự kỷ					
3.Trường học hòa nhập (các trường dạy nghề có đào tạo cho trẻ tự kỷ)					
4.Nhà trường, cơ sở tư nhân chuyên biệt về hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ					
5.Cơ sở có sự hướng nghiệp giữa hướng nghiệp đào tạo nghề và xưởng sản xuất để làm việc					
Học ở nhà, bố mẹ tự dạy					

Câu 22. Nhu cầu của ông/bà về chính sách hỗ trợ hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ hiện nay:

(1). Chính sách hỗ trợ trẻ tự kỷ chính thức tham gia lực lượng lao động

(2). Chính sách cho doanh nghiệp/tổ chức/cá nhân giúp đỡ đầu ra cho sản phẩm người tự kỷ

(3). Chính sách mở trung tâm nhà nước chuyên biệt hỗ trợ dạy nghề cho trẻ tự kỷ

(4). Chính sách hỗ trợ hướng nghiệp cho gia đình có con tự kỷ

(5). Khác

Câu 23. Ông/bà cho biết có những yếu tố nào dưới đây ảnh hưởng đến thực trạng định hướng đào tạo, dạy nghề cho trẻ tự kỷ tại trung tâm? (có thể lựa chọn nhiều đáp án)

1. Từ bản thân trẻ

2. Từ gia đình

3. Từ học sinh tự kỷ khác tại trung tâm

4. Từ giáo viên hỗ trợ

5. Từ nhà trường, cán bộ quản lý

6. Chính sách trợ giúp trẻ tự kỷ của Nhà nước, địa phương

7. Các qui định, chính sách trợ giúp từ phía trung tâm hướng nghiệp

8. Từ nhu cầu của xã hội về các sản phẩm nghề phù hợp với trẻ tự kỷ

9. Yếu tố khác: (ghi rõ cụ thể):.....

Câu 24. Ông/bà vui lòng cho biết mức độ ảnh hưởng thuộc về bản thân trẻ đến thực trạng hướng nghiệp, dạy nghề cho trẻ tự kỷ tuổi vị thành niên tại Trung tâm?

Các yếu tố thuộc về bản thân trẻ	Ảnh hưởng nhiều	Ảnh hưởng ít	Không ảnh hưởng
1. Mức độ hội chứng tự kỷ			
2. Đặc điểm nhận thức – hành vi			
3. Đặc điểm tâm lý			
4. Đặc điểm sinh lý, tình trạng sức khỏe			
5. Năng khiếu cá nhân			
6. Mức độ hồi phục sau khi được can thiệp PHCN tại các trung tâm can thiệp dành cho trẻ tự kỷ			

Câu 25. Ông/bà vui lòng cho biết mức độ ảnh hưởng thuộc về giáo viên hỗ trợ đến thực trạng hướng nghiệp, dạy nghề cho trẻ tại Trung tâm? 1. Rất ảnh hưởng, Ảnh hưởng ít, 3. Bình thường, 4. Không ảnh hưởng, 5. Hoàn toàn không ảnh hưởng

Các yếu tố thuộc về giáo viên hỗ trợ	1	2	3	4	5
1. Nhận thức của giáo viên hỗ trợ về giáo dục hướng nghiệp, dạy nghề cho trẻ tự kỷ					
2. Kiến thức và kỹ năng làm việc với trẻ					
3. Phương pháp giáo dục trẻ					
4. Đạo đức nghề nghiệp của giáo viên hỗ trợ cho trẻ tự kỷ					
5. Chuyên môn, nghiệp vụ					
6. Sự tâm huyết, nhiệt tình trong công việc hướng nghiệp với trẻ tự kỷ					

Câu 26. Ông/ bà vui lòng cho biết mức độ ảnh hưởng thuộc về cán bộ, quản lý Trung tâm đến thực trạng hướng nghiệp, dạy nghề cho trẻ tự kỷ? (1. Rất ảnh hưởng, Ảnh hưởng ít, 3. Bình thường, 4. Không ảnh hưởng, 5. Hoàn toàn không ảnh hưởng)

Các yếu tố thuộc về cán bộ, quản lý Trung tâm	1	2	3	4	5
1. Nhận thức của cán bộ quản lý về vấn đề trẻ tự kỷ					
2. Đảm bảo quyền lợi, công bằng cho trẻ					
3. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho toàn bộ phụ huynh, giáo viên, nhân viên tại trung tâm về hướng nghiệp, dạy nghề cho trẻ					
4. Đánh giá khách quan về khả năng học nghề của trẻ					
5. Thực hiện một số quyền lợi cho trẻ như: giảm học phí, đồng phục, hoạt động dã ngoại,...					

Câu 27. Ông/ bà vui lòng cho biết mức độ ảnh hưởng thuộc về các học sinh khác tại trung tâm đến thực trạng hướng nghiệp, dạy nghề cho trẻ tự kỷ? (1. Rất ảnh hưởng, Ảnh hưởng ít, 3. Bình thường, 4. Không ảnh hưởng, 5. Hoàn toàn không ảnh hưởng)

Yếu tố thuộc về các học sinh khác tại Trung tâm	1	2	3	4	5
1. Các biểu hiện hành vi của các bạn khác nhau trong cùng 1 lớp học					
2. Nhận thức của trẻ tự kỷ khác trong cùng lớp học					
3. Trình độ, kỹ năng của trẻ tự kỷ khác trong cùng lớp học					
Ý thức trợ giúp lẫn nhau					

Câu 28. Ông/bà cho biết đâu là giải pháp nâng cao chất lượng hướng nghiệp, đào tạo dạy nghề cho trẻ tự kỷ hiện nay?

- (1). Nâng cao nhận thức của xã hội về hướng nghiệp và dạy nghề cho trẻ tự kỷ
- (2). Truyền thông về đào tạo hướng nghiệp
- (3) Cải tiến chương trình nội dung
- (4). Cải tiến phương pháp dạy học
- (5). Nâng cao đội ngũ chất lượng giáo viên
- (6). Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học và học tập
- (7). Hỗ trợ chính sách của Nhà nước trong đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ
- (8) Các giải pháp khác: (Ghi rõ cụ thể).....

Câu 29. Ông/bà thấy có cần thiết tổ chức thực hiện hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ hiện nay ở thành phố Hà Nội (1. Không cần thiết, 2. ít cần thiết, 3. bình thường, 4. cần thiết, 5. Rất cần thiết

Các phương án	1	2	3	4	5
1. Bố trí nhân sự tham gia tổ chức hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ					
2. Phân cấp thực hiện tổ chức hoạt động hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ					
3. Tổ chức thực hiện đúng đủ có chất lượng nội dung về hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ					
4. Đa dạng các phương thức thực hiện hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ					
5. Xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp giữa các lực lượng giáo dục để hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ					
6. Tổ chức thực hiện nền nếp hoạt động hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ.					
7. Nâng cao NL cho GV về hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ					
8. Huy động các nguồn lực để tổ chức hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ					
9. Tổ chức giám sát quá trình hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ					
10. Hỗ trợ đầu ra của sản phẩm					

Câu 30. Ông bà vui lòng cho biết có lực lượng nào cần tham gia vào công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách liên quan đến trẻ tự kỷ: 1. Hoàn toàn không tham gia nhiều, 2. Không tham gia, 3. Ít tham gia, 4. Tham gia, 5. Tham gia nhiều

Hoạt động	1	2	3	4	5
1. Chính quyền địa phương					
2. Giáo viên					
3. Phụ huynh (bố, mẹ)					
4. Nhân viên CTXH					
5. Cơ quan truyền thông (Kênh TV, MXH, báo chí, đài phát thanh, radio...)					
6. Cơ sở ý tế, các cơ sở PHCN dành cho trẻ tự kỷ (hoặc trẻ khuyết tật)					
7. Tổ chức phi chính phủ (NGOs)					
8. Khác					

PHẦN 3: ĐÁNH GIÁ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG HƯỚNG NGHIỆP CHO TRẺ TỰ KỶ

Câu 31. Theo Nghị định số 76/2024/NĐ-CP: “Mức chuẩn trợ giúp xã hội áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 là 500.000 đồng/tháng.” Con/em của ông/bà có nhận được mức trợ cấp đúng như đã điều chỉnh hay không?

(1) Có (2) Không (3) Không biết

Câu 32. Con/em của ông/bà có được cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí không?

(1) Có (2) Không (3) Không biết

Câu 33. Ông/bà hãy cho biết trạm y tế cấp xã/phường có thực hiện được những hoạt động nào trong công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ tự kỷ sau đây:

Hoạt động	Có	Không
1. Triển khai các hình thức tuyên truyền, giáo dục, phổ biến kiến thức phổ thông về chăm sóc sức khỏe		
2. Lập hồ sơ theo dõi, quản lý sức khỏe trẻ tự kỷ		
3. Khám bệnh, chữa bệnh phù hợp với phạm vi chuyên môn		
4. Quản lý trường hợp và giới thiệu trẻ tự kỷ tới các cơ sở y tế chuyên môn phù hợp để trợ giúp		
5. Giới thiệu trẻ tự kỷ và gia đình tới các trung tâm hướng nghiệp		
6. Thăm khám sức khỏe thường xuyên cho trẻ tự kỷ		
7. Chuyển tuyến khám chữa bệnh khi cần thiết hoặc khẩn cấp		

Câu 34. Ông/bà có biết đến các chính sách liên quan đến trẻ tự kỷ trong 2 luật này không?

Tên luật	Có	Không
Luật Người khuyết tật 2010		
Luật Giáo dục 2019		

Câu 35 : Ông/bà có biết trong luật người khuyết tật, trẻ tự kỷ có quyền được hướng nghiệp, học nghề không?

1. Có 2. Không 3. Không biết

Câu 36. Luật Người khuyết tật đã nêu rõ trách nhiệm của chính quyền địa phương đối với đối tượng trẻ tự kỷ, ông/bà đánh giá thế nào?

Hoạt động của địa phương	Kém	Yếu	TB	Khá	Tốt
1. Thực hiện các công tác truyền thông, giáo dục về các vấn đề về tự kỷ					
2. Thực hiện tư vấn pháp lý về quyền lợi của trẻ tự kỷ					

Câu 37. Luật Người khuyết tật đã nêu rõ trách nhiệm của trung tâm giáo dục hoà nhập, giáo dục cộng đồng đối với đối tượng trẻ tự kỷ, ông/bà có biết không?

Hoạt động của trung tâm	Có	Không
1. Các cán bộ, nhà giáo tham gia đào tạo, giáo dục tại trung tâm được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ		
2. TT thực hiện tư vấn tâm lý, sức khỏe, giáo dục, hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ		

Hoạt động của trung tâm	Có	Không
3.Trung tâm thực hiện đào tạo nghề theo năng lực và khả năng của từng trẻ tự kỷ		

Câu 38. Luật Người khuyết tật đã nêu rõ quyền lợi được đảm bảo chăm sóc sức khỏe ban đầu tại nơi cư trú cho trẻ tự kỷ, ông/bà hãy đánh giá mức độ hiệu quả các hoạt động mà các cơ sở chăm sóc sức khỏe đã thực hiện đối với trẻ tự kỷ?

Nơi chăm sóc sức khỏe ban đầu	Kém	Yếu	TB	Khá	Tốt
1.Các cơ sở khám, chữa bệnh tạo điều kiện, ưu tiên khám bệnh, chữa bệnh cho con/em của ông/bà					
2.Trạm y tế cấp xã/phường lập hồ sơ theo dõi sức khỏe cho con/em của ông/bà					

Câu 39. Ông/bà có biết đến các chính sách liên quan đến trẻ tự kỷ trong các thông tư này không?

Các thông tư	Có	Không
Thông tư 58/2012/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH đưa ra các quy định về các điều kiện hoạt động của Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập		
Thông tư 03/2018/TT-BGDĐT quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật		
Thông tư Liên tịch 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC quy định về chế độ ưu tiên nhập học và tuyển sinh		
Thông tư số: 20/2022/tt-bgdđt, “ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập”		
3.Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH Quy định rối loạn phổ tự kỷ được xếp vào các dạng khuyết tật khác		

Câu 40. Theo ông/bà cần bổ sung những chính sách gì về đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ?

Câu 41. Theo ông/bà cần hoàn thiện những chính sách gì về đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ?

THÔNG TIN CÁ NHÂN

Câu 42. Ông/bà vui lòng cho biết đôi điều về bản thân

- (1) Tuổi:
- (2) Giới tính: Nam/Nữ
- (3) Trình độ học vấn

(4) Nghề nghiệp

Câu 43. Thu nhập hiện tại trung bình của ông/bà khoảng bao nhiêu? (theo tháng)

- (1) Dưới 10 triệu
- (2) Từ 10- <15 triệu
- (3) Từ 15- <20 triệu
- (4) Trên 20 triệu

Trân trọng cảm ơn ông (bà)

Phụ lục 2

PHỎNG VẤN SÂU DÀNH CHO PHỤ HUYNH TRẺ TỰ KỶ TRONG ĐỘ TUỔI VỊ THÀNH NIÊN TRONG HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO HƯỚNG NGHIỆP

THÔNG TIN CÁ NHÂN:

Tên người trả lời:.....

1. Giới:

2. Tuổi:.....

3. Nghề nghiệp:.....

4. Mức thu nhập hàng tháng:.....

5. Có bao nhiêu con:.....

6. Con (bị tự kỷ) bao nhiêu tuổi:.....

THÔNG TIN VỀ TÌNH TRẠNG TỰ KỶ

1. Ông/bà hãy nêu ra những biểu hiện về tình trạng tự kỷ của con?

2. Quá trình bị tự kỷ của trẻ diễn ra như thế nào?

3. Lúc nào thì Ông/bà phát hiện ra con mình bị tự kỷ?

4. Sau khi phát hiện ra con mình bị tự kỷ, Ông/bà đã đưa con đi thăm khám, đánh giá bệnh như thế nào?

5. Tình trạng tự kỷ của trẻ hiện nay như thế nào? Các biểu hiện tự kỷ còn nhiều không?

THÔNG TIN VỀ NGHỀ NGHIỆP TRẺ ĐANG THỰC HIỆN

1. Trẻ đang làm nghề gì?

2. Công việc chung của nghề yêu cầu trẻ thực hiện công việc gì?

3. Công việc trẻ đang thực hiện là gì?

4. Mức độ đáp ứng công việc trẻ như thế nào?

5. Trẻ có hài lòng về công việc không?

6. Thời gian làm việc của trẻ trong ngày như thế nào?

7. Trẻ có hài lòng về thời gian làm việc của trẻ không?

8. Mức chi phí trẻ thu được với công việc đó là gì?

9. Trẻ và gia đình có hài lòng về mức chi phí đó không?

10. Mức chi tiêu đó có đủ để trang trải cuộc sống cho trẻ không?

11. Trẻ có nhận thức được công việc không?

12. Trẻ có ý thức khi nhận được chi phí không?

13. Trẻ có biết dùng và sử dụng tiền ko?

14. Theo nhận định của Ông/bà, trong tương lai trẻ có theo được nghề nghiệp này không?

15. Ông/bà đánh giá như thế nào về các thuận lợi và khó khăn khi trẻ làm nghề đó?

CÔNG TÁC HƯỚNG NGHIỆP TẠI TRUNG TÂM

1. Ông/bà đánh giá về công tác tư vấn tại trung tâm như thế nào? Tốt/ hoặc chưa tốt ở điểm nào?

2. Trước khi lựa chọn nghề nghiệp phù hợp, gia đình có được trung tâm tư vấn không?

3. Ai đã là người tư vấn hướng nghiệp cho con của ông/bà tại trung tâm

4. Công việc tư vấn có gì khó khăn, trở ngại nhất mà phía Ông/bà cảm nhận được?

5. Từ thời điểm bắt đầu hướng nghiệp tới nay, quá trình lựa chọn nghề phù hợp như thế nào?

6. Theo Ông/bà, Điểm mạnh và điểm yếu của công việc hướng nghiệp như thế nào? Những điều đó có hỗ trợ ông/bà như thế nào để lựa chọn được nghề phù hợp cho con mình?

7. Con của ông/bà có được thay đổi nghề hay không? Nếu nghề đó chưa phù hợp thì con có thể chuyển nghề khác không? Làm thế nào để nhận định được nghề nào là nghề phù hợp nhất với trẻ để tiếp tục làm việc?

8. Theo ông/bà những khó khăn, thuận lợi nếu đổi nghề khác, phù hợp hơn là gì?

9. Tiêu chí để lựa chọn một nghề phù hợp với bản thân trẻ là gì? Với trẻ tự kỷ, tiêu chí lựa chọn nghề có khác so với bình thường không?

10. Ông/bà lo lắng gì khi đưa trẻ đi hướng nghiệp?

ĐÁNH GIÁ VỀ CHÍNH SÁCH DÀNH CHO TRẺ TỰ KỶ HIỆN NAY, VÀ CHÍNH SÁCH HƯỚNG NGHIỆP

1. Trẻ đã được thụ hưởng những chính sách nào của Nhà nước?

2. Trẻ đã được thụ hưởng những chính sách của địa phương?

3. Trẻ đã được thụ hưởng những chính sách nào của cơ sở hướng nghiệp?

4. Theo Ông/bà những hạn chế, điểm thiếu sót của chính sách là gì?

5. Ông/bà đánh giá về Thông tư 20, “Quy chế tổ chức hoạt động của Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập” ngày 28/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo như thế nào?

6. Ông/bà đánh giá về Luật Giáo dục 2019 như thế nào?
7. Ông/bà đánh giá về Luật người Khuyết tật 2010, những chỉnh sửa và sửa đổi, và những sự quan tâm mới dành riêng cho trẻ tự kỷ và gia đình hiện nay
8. Ông/bà đánh giá về vấn đề giáo dục hòa nhập cho trẻ tự kỷ và gia đình hiện nay? Điểm mạnh, điểm yếu và các phương án khắc phục hạn chế của vấn đề này như thế nào?

ĐÁNH GIÁ VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

1. Ông/bà có thể gợi ý giải pháp để tăng tính hiệu quả tư vấn hướng nghiệp dành cho trẻ tự kỷ trong tương lai?
2. Ông/bà có thể đưa ra gợi ý giải pháp để phát triển dịch vụ tư vấn hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trong tương lai?
3. Ông bà có thể đưa ra gợi ý giải pháp để chăm lo cho trẻ tự kỷ theo các cách khác nhau? Những giải pháp nào mà ông/bà cảm thấy cần để hỗ trợ con ông bà trong tương lai có cuộc sống tốt hơn và an toàn hơn?

PHỎNG VẤN SÂU DÀNH CHO GIÁO VIÊN CỦA TRẺ TỰ KỶ TRONG ĐỘ TUỔI VỊ THÀNH NIÊN TRONG ĐÀO TẠO HƯỚNG NGHIỆP CHO TRẺ

THÔNG TIN CÁ NHÂN:

1. Tên giáo viên:
2. Tuổi:
3. Giới tính:
4. Nghề nghiệp đã thực hiện:
5. Thâm niên công tác
6. Chuyên môn được đào tạo
7. Công việc chính tại trung tâm hướng nghiệp:
8. Anh/chị đang thực hiện hướng nghiệp cho bao nhiêu trẻ tự kỷ?
9. Trong suốt quá trình làm giáo viên đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ, Anh/chị đã tư vấn hướng nghiệp cho bao nhiêu trẻ?
10. Trong số những trẻ đã được Anh/chị tư vấn hướng nghiệp, tỷ lệ thành công với việc tư vấn hướng nghiệp là khoảng bao nhiêu %? Theo Anh/chị đó là mức độ hiệu quả cao hay thấp? Lý do thành công là gì?

THÔNG TIN VỀ TÌNH TRẠNG TỰ KỶ

1. Trong số những trẻ tự kỷ anh/chị đã tư vấn, trẻ có đặc điểm như thế nào có thể hướng nghiệp được?
2. Khi gặp gia đình, anh/chị tư vấn hướng nghiệp với những nội dung như thế nào?
3. Số lượng trẻ tự kỷ đã được anh/chị tư vấn có đông không?
4. Tổng số trẻ đã được trung tâm tư vấn và đào tạo hướng nghiệp là bao nhiêu em?
5. Phụ huynh trẻ tự kỷ có thường xuyên đưa trẻ đến tư vấn hướng nghiệp tại trung tâm không? Họ có quan tâm và nhận thức về tư vấn và đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ như thế nào
6. A/C đang quản lý bao nhiêu trẻ tự kỷ được hướng nghiệp? Công việc đào tạo hướng nghiệp có hiệu quả cao không?

THÔNG TIN VỀ NGHỀ NGHIỆP TRẺ ĐANG THỰC HIỆN

1. Trẻ như thế nào thì có thể đưa và hướng nghiệp (cách thức sàng lọc):
2. Việc duy trì công việc có khó khăn nhiều không?
3. Thời lượng làm việc trong 1 ngày?
4. Mức độ đáp ứng công việc của trẻ (đặc biệt là với mức độ tự kỷ khác nhau)
5. Trung tâm có hoạt động truyền thông về công tác hướng nghiệp không?
6. Địa phương (phường) có hoạt động truyền thông về công tác hướng nghiệp không?
7. Ý nghĩa của công tác hướng nghiệp đối trẻ và gia đình
8. Những hỗ trợ và sự thay đổi mà gia đình có thể làm được để tư vấn cho trẻ tự kỷ
9. Thuận lợi và khó khăn trong duy trì công việc cho trẻ tự kỷ hiện nay
10. Sự thay đổi của trẻ khi được tiếp cận với công việc, cách thức lựa chọn công việc phù hợp với trẻ

THÔNG TIN VỀ CÔNG TÁC HƯỚNG NGHIỆP CỦA TRUNG TÂM

1. Thuận lợi và khó khăn trong công tác hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ hiện nay
2. Trung tâm có những nghề nghiệp nào? Phân tích đặc thù công việc, như thế nào thì phù hợp với trẻ tự kỷ
3. Nguyên tắc trong hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ
4. Quá trình tư vấn hướng nghiệp của trung tâm
5. Thường là ai sẽ quyết định nghề/ công việc phù hợp cho trẻ tự kỷ
6. Mức độ đồng thuận của cộng đồng về công tác hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ
7. Mức độ kỳ thị với sản phẩm làm ra từ trẻ tự kỷ

8. Số lượng phụ huynh đưa con tự kỷ tới hướng nghiệp ở trung tâm (1 ngày hoặc 1 tháng)

9. Kinh nghiệm tiếp cận/tư vấn hướng nghiệp cho phụ huynh

10. Một số ví dụ về các hoạt động hướng nghiệp cho các trẻ đã thành công

ĐÁNH GIÁ CHÍNH SÁCH VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

1. Đánh giá về Thông tư 20, “Quy chế tổ chức hoạt động của Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập” ngày 28/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

2. Đánh giá về Luật Giáo dục 2019

3. Đánh giá về Luật người Khuyết tật 2010, những chỉnh sửa và sửa đổi, và những sự quan tâm mới dành riêng cho trẻ tự kỷ và gia đình hiện nay

4. Đánh giá về vấn đề giáo dục hòa nhập cho trẻ tự kỷ và gia đình hiện nay

5. Gợi ý giải pháp tăng tính hiệu quả của hướng nghiệp/tư vấn hướng nghiệp

6. Gợi ý thêm về chính sách ủng hộ hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ

7. Gợi ý giải pháp truyền thông về công tác hướng nghiệp

8. Gợi ý giải pháp tăng tính đồng thuận, giảm sự kỳ thị trong cộng đồng đối với hướng nghiệp với trẻ tự kỷ

9. Gợi ý giải pháp mở rộng phạm vi tư vấn hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ

PHỎNG VẤN SÂU DÀNH CHO LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM CÓ TRẺ TỰ KỶ TRONG HƯỚNG NGHIỆP CHO TRẺ

THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Tên:

2. Tuổi:

3. Giới tính:

4. Làm việc ở trung tâm:

5. Vị trí quản lý:

6. Chuyên môn được đào tạo:

7. Thâm niên trong lĩnh vực:

8. Mức thu nhập:

THÔNG TIN VỀ TÌNH TRẠNG TRẺ TỰ KỶ TẠI ĐỊA PHƯƠNG

1. Số lượng trẻ tự kỷ tại địa phương

2. Chính sách của trẻ tự kỷ tại địa phương

3. Nhận thức của cộng đồng về vấn đề trẻ tự kỷ tại địa phương

THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG HƯỚNG NGHIỆP CHO TRẺ TỰ KỶ TẠI TRUNG TÂM

1. Các thông tin cơ bản về trung tâm hướng nghiệp
 - Thành lập
 - Số lượng trẻ tới trung tâm trong vòng 1 tháng, 1 năm, ... (trung bình)
 - Tổng số trẻ đã tư vấn hướng nghiệp từ khi thành lập
 - Tổng số trẻ đã được hướng nghiệp từ khi thành lập
 - Thâm niên triển khai tư vấn và hướng nghiệp
2. Hoạt động tư vấn nghề nghiệp của trung tâm
3. Hoạt động hướng nghiệp của trung tâm
4. Thái độ của phụ huynh
5. Cán bộ/giáo viên và chất lượng giảng dạy nghề nghiệp của trung tâm
6. Các qui định, qui chế quản trị của trung tâm
7. Đặc thù của trẻ tự kỷ tại trung tâm
8. Công tác đào tạo hướng nghiệp gồm những nghề gì?
9. Quá trình hướng nghiệp gồm bước nào?
10. Khả năng đáp ứng nghề nghiệp của trẻ tự kỷ
11. Thuận lợi và khó khăn trong hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ
12. Những đóng góp, hỗ trợ của gia đình trong hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ
13. Cách thức lựa chọn nghề nghiệp và sự thay đổi nghề (nếu cần) dành cho các nhóm trẻ tự kỷ đặc thù khác nhau như thế nào?

14. Khả năng nhân rộng của mô hình hướng nghiệp

CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO HƯỚNG NGHIỆP CHO TRẺ TỰ KỶ

10. Hiện nay đã có chính sách nào để đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ?
11. Mức hài lòng đối với chính sách đó? Lý giải
12. Công tác hướng nghiệp cần những trợ giúp pháp lý như thế nào?
13. Trẻ tự kỷ và gia đình tại trung tâm đã được nhận hỗ trợ, ưu đãi nào của Nhà nước và địa phương chưa?
14. Đánh giá các nguy cơ và rủi ro trẻ tự kỷ và gia đình gặp phải khi được hướng nghiệp
15. Đánh giá sự đồng thuận và ủng hộ của cộng đồng đối với các chính sách, hệ thống pháp lý dành cho trẻ tự kỷ và gia đình

16. Đánh giá về Thông tư 20, “Quy chế tổ chức hoạt động của Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập” ngày 28/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo

17. Đánh giá về Luật Giáo dục 2019

18. Đánh giá về Luật người Khuyết tật 2010, những chỉnh sửa và sửa đổi, và những sự quan tâm mới dành riêng cho trẻ tự kỷ và gia đình hiện nay

19. Đánh giá về vấn đề giáo dục hòa nhập cho trẻ tự kỷ và gia đình hiện nay

ĐÁNH GIÁ VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

1. Gợi ý giải pháp để tăng tính hiệu quả tư vấn hướng nghiệp
2. Gợi ý giải pháp để phát triển dịch vụ tư vấn hướng nghiệp
3. Gợi ý giải pháp để chăm lo cho trẻ tự kỷ theo các cách khác nhau.
4. Gợi ý thêm các chính sách để thúc đẩy đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ
5. Gợi ý các giải pháp truyền thông nâng cao nhận thức cho người dân ở các địa phương khác (ngoài HN)
6. Giải pháp để phát triển và nhân rộng mô hình đào tạo hướng nghiệp cho trẻ tự kỷ trong thời gian sớm nhất

PHỤ LỤC 3
MỘT SỐ HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG HƯỚNG NGHIỆP TẠI TRUNG TÂM
Do tác giả tự chụp trong quá trình nghiên cứu tại trung tâm



Giờ học lý thuyết
Tại Trung tâm nghiên cứu bồi dưỡng kỹ năng sống, hướng nghiệp hạt giống



Giờ học thực hành nghề pha chế
Tại Trung tâm nghiên cứu bồi dưỡng kỹ năng sống, hướng nghiệp hạt giống



Lớp học làm hoa nghệ thuật
Tại Trung tâm nghiên cứu bồi dưỡng kỹ năng sống, hướng nghiệp hạt giống



Nghề làm bánh
Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng Tâm lý - Giáo dục Ngọc Ân

